



ISSN: 1859 - 042X
Số 7
2016

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn



CHÍNH PHỦ HỌP BÁO CÔNG BỐ NGUYÊN NHÂN SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG GÂY CÁ CHẾT TẠI 4 TỈNH MIỀN TRUNG

Sự cố môi trường tại
các tỉnh miền Trung,
bài học kinh nghiệm và
các giải pháp bảo vệ
môi trường thời gian tới

Bài học
từ vụ Formosa:
Cần xem xét, loại bỏ
các dự án đầu tư gây
ô nhiễm môi trường

Tăng cường công tác
quản lý chất lượng
môi trường không khí
ở Việt Nam



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP
Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (04) 66569135
Phòng Biên tập: (04) 61281446
Fax: (04) 39412053
Email: tcbvmt@yahoo.com.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Địa chỉ: Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM
Tel: 08.66814471 - Fax: 08.62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng
Bìa: **Họp báo Công bố nguyên nhân cá chết tại 4 tỉnh miền Trung**
Ảnh: VGP
Chế bản & in:
C.ty TNHH Thiết kế In thương mại T&V
Số 7/2016

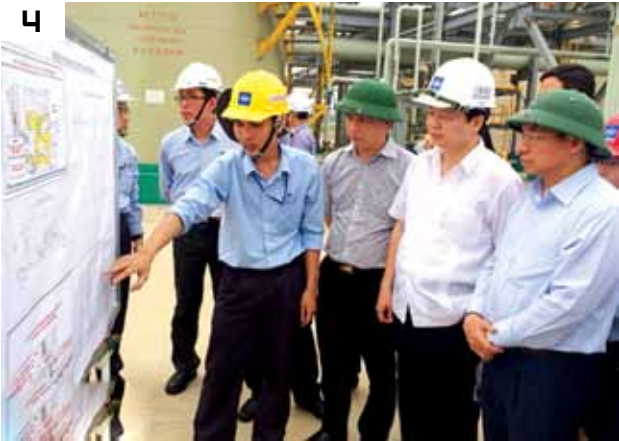
Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [2] ● Ngành TN&MT tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước
- [3] ● Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân làm việc với Sở TN&MT tỉnh Hậu Giang về công tác quản lý TN&MT

LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH



- [4] NGUYỄN VĂN TÀI: Sự cố môi trường tại các tỉnh miền Trung, bài học kinh nghiệm và các giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới
- [8] LÊ HOÀI NAM: Tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường không khí ở Việt Nam
- [10] LÊ MINH ANH: Một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực TN&MT
- [12] NGUYỄN THANH PHƯƠNG: Nâng cao năng lực thực hiện đánh giá môi trường chiến lược ngành Công Thương
- [14] NGUYỄN THỊ PHƯỢNG: Huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề





TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [18] VŨ NGỌC LÂN: Cái “mất và được” sau vụ việc của Formosa
- [20] NGUYỄN MẠI: Bài học từ vụ Formosa: Cần xem xét, loại bỏ các dự án đầu tư gây ô nhiễm môi trường
- [22] LÊ THANH LŨU: Tập trung bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản sau sự cố môi trường
- [24] MAI HỒNG QUÂN: Bài học từ việc mất rừng ở khu vực Tây Nguyên và giải pháp bảo vệ rừng tại Việt Nam



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [26] DƯƠNG THÀNH NAM: Thiết bị hỗ trợ trong hoạt động quan trắc môi trường không khí
- [28] MARK D.LOONEY: Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý chất lượng không khí
- [31] NGUYỄN QUỲNH TRANG: Giải pháp quản lý bảo vệ môi trường nước khu vực thượng lưu sông Kiến Giang



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [34] NGUYỄN THỊ KIM THANH: Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội: Đồng hành cùng doanh nghiệp cải thiện môi trường
- [36] PHẠM HỒNG DƯƠNG: Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình: Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo vệ môi trường
- [38] BÙI HẰNG: Công ty Xi măng Nghi Sơn: Đầu tư công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh, góp phần bảo vệ môi trường
- [39] VŨ NHUNG: Công đoàn Công ty Thương mại và Dịch vụ môi trường Ngôi Sao Xanh: Nỗ lực vì người lao động



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [41] NGUYỄN THỊ LỢI: HTX Dịch vụ môi trường Duy Tiến - Điểm sáng xã hội hóa BVMT
- [43] TRƯƠNG THỊNH: Chung tay bảo vệ môi trường
- [44] TẠ KIỀU ANH: Cần chung tay bảo vệ loài voọc chà và chân nâu tại bán đảo Sơn Trà
- [46] TRẦN THU TRANG: Bảo tồn và phát triển bền vững Khu Bảo tồn thiên nhiên Đắc Rông
- [48] HÀ LÊ: Khi đàn sếu trở về



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [50] NGUYỄN CHU HỒI: Phát triển kinh tế biển xanh trong bối cảnh biến đổi khí hậu
- [52] NGÂN PHƯƠNG: Huế - Thành phố tiên phong trong phát triển bền vững và thân thiện môi trường
- [54] ĐỨC ANH: Làng đô thị xanh Đà Lạt - Hướng đi mới của phát triển bền vững



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [56] PHƯƠNG TÂM: Mô hình làng nông nghiệp xanh của Rwanda



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
Phòng tổ chức hành chính: 043 355 2070 - Phòng kế toán: 043 382 8155
Phòng kinh doanh: 043 382 6375

Chào Mừng 71 năm Cách mạng tháng 8 thành công
và Quốc khánh Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
(2-9-1945/2-9-2016)



Ngành Tài nguyên và Môi trường tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

Trong 6 tháng đầu năm 2016, toàn ngành TN&MT đã cụ thể hóa, triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp và hoàn thành nhiều nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực được phân công.

NHIỀU CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TN&MT

Theo báo cáo của Bộ TN&MT tại Hội nghị Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016, công tác quản lý nhà nước về TN&MT trên tất cả các lĩnh vực có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống chính sách, pháp luật về TN&MT tiếp tục được hoàn thiện, bám sát yêu cầu thực tiễn, cải cách hành chính, công khai, minh bạch, phát huy nguồn lực TN&MT; tổ chức bộ máy của ngành được quan tâm kiện toàn; công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến rõ rệt; những vướng mắc từ thực tiễn ở địa phương trong quá trình thực thi pháp luật từng bước được tháo gỡ; nhiều vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống người dân và môi trường hoạt động của doanh nghiệp đã được tập trung giải quyết kịp thời...

Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về TN&MT còn tồn tại một số hạn chế như tiến độ xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật chậm; Mạng lưới cơ sở quan trắc, dự báo chưa hợp lý, trang thiết bị còn lạc hậu; Việc thực thi chính sách, pháp luật ở địa phương hạn chế; Công tác thanh, kiểm tra chưa trở thành công cụ sắc bén để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đánh giá cao các kết quả mà Bộ TN&MT đạt được trong hoàn thiện chính sách, pháp luật ngành TN&MT, tạo hành lang pháp lý quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, tăng cường BVMT và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bộ TN&MT cũng đã nỗ lực tập trung giải quyết các vấn đề nóng, cấp bách được dư luận quan tâm. Đặc biệt, Bộ đã chủ động, tham gia tích cực giải quyết sự cố môi trường làm hải sản chết bất thường tại ven biển 4 tỉnh miền Trung, tìm ra nguyên nhân và buộc thủ phạm phải nhận sai phạm, xin lỗi, đền bù, hỗ trợ người



▲ Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo tại hội nghị

dân vùng bị ảnh hưởng, đồng thời cam kết thực hiện phục hồi môi trường biển.

Phó Thủ tướng đề nghị, trong 6 tháng cuối năm 2016, Bộ TN&MT cần tập trung hoàn thiện chính sách, pháp luật ngành TN&MT theo định hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục sự chồng chéo; điều chỉnh, bổ sung các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu. Cùng với đó, Bộ cần chú trọng công tác BVMT, kiểm soát các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ có xả thải ra môi trường, từ khâu lập đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường đến khi công trình hoạt động, chỉ cấp phép khi có chất thải được xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam; xử lý nghiêm vi phạm về BVMT; tập trung rà soát tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để kiểm soát chặt chẽ các thiết bị

nhập khẩu vào Việt Nam...

TIẾP TỤC NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BVMT

Tại Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2016 của Tổng cục Môi trường tổ chức ngày 21/7/2016, Báo cáo sơ kết cho thấy, Tổng cục đã trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT; đang giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 18/2015/NĐ-CP quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch BVMT; trình Bộ trưởng ban hành 2 thông tư; 11 thông tư đang triển khai xây dựng.

Trong 6 tháng đầu năm,



▲ Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2016 của Tổng cục Môi trường

Tổng cục đã tổ chức 7 Đoàn thanh tra, kiểm tra đột xuất xử lý 20 điểm nóng về môi trường; ban hành 431 kết luận thanh tra về công tác BVMT trên địa bàn 12 tỉnh/TP; 225 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt hơn 30 tỷ đồng; 17 Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm theo quy định. Đặc biệt, từ tháng 4/2016 đến nay, Tổng cục đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan điều tra, xác định nguyên nhân, thủ phạm và khắc phục, xử lý sự cố môi trường gây hải sản chết bất thường tại 4 tỉnh ven biển miền Trung.

Tổng cục cũng đã tiến hành thống kê, rà soát, tổng hợp các nguồn thải ra biển và cửa sông ven biển có khối lượng từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên tại 26 tỉnh/TP ven biển; các cơ sở sản xuất, kinh

doanh dịch vụ thải ra sông, biển có khối lượng nước thải từ 200 m³/ngày đêm trở lên trên phạm vi cả nước để làm cơ sở xây dựng kế hoạch thanh tra diện rộng về môi trường.

Đồng thời, Tổng cục đẩy mạnh kiểm soát môi trường các khu vực tập trung nhiều nguồn thải; các khu công nghiệp (KCN). Đến nay, đã có 212/283 KCN hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt tỷ lệ 75% với 82 hệ thống xử lý nước thải tập trung được lắp đặt thiết bị

quan trắc nước thải tự động, đạt tỷ lệ 39%, góp phần giảm thiểu áp lực từ phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BVMT, trong 6 tháng cuối năm 2016, Tổng cục Môi trường tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tiến độ và chất lượng; rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về BVMT theo tiêu chuẩn các nước tiên tiến trên thế giới, đáp ứng tình hình thực tiễn và yêu cầu hội nhập quốc tế; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và triển khai Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn tới các Bộ, ngành và địa phương trong cả nước, tạo sự đồng thuận xã hội trong công tác BVMT; tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; phát hiện và xử lý nghiêm, chấn chỉnh các sai phạm, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về BVMT...

HỒNG NHUNG

THỨ TRƯỞNG VŨ TUẤN NHÂN LÀM VIỆC VỚI SỞ TN&MT TỈNH HẬU GIANG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày 12/7/2016, tại Hậu Giang, Thứ trưởng Bộ TN&MT Vũ Tuấn Nhân đã có buổi làm việc với Sở TN&MT tỉnh Hậu Giang về công tác quản lý TN&MT 6 tháng đầu năm 2016.

Theo Báo cáo của Sở TN&MT tỉnh Hậu Giang, trong 6 tháng đầu năm 2016, Sở đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đạt 99,58%; Giải quyết hồ sơ hành chính đạt 90,95%; Giải ngân các nguồn kinh phí đạt 90%; Hỗ trợ 5 xã thực hiện tiêu chí 17 (môi trường) trong xây dựng nông thôn mới; Thực hiện 1 cuộc thanh tra, 2 cuộc kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về TN&MT... Tuy nhiên, Sở cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc

như: Các trung tâm đô thị chưa có hệ thống xử lý nước thải; Cơ sở hạ tầng tại hầu hết các khu, cụm công nghiệp chưa đáp ứng quy định về môi trường; Các bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa được xử lý dứt điểm...

Phát biểu tại buổi làm việc, Thứ trưởng Bộ TN&MT Vũ Tuấn Nhân đánh giá cao những kết quả mà Sở TN&MT tỉnh Hậu Giang đạt được trong thời gian qua, đặc biệt là công tác cấp GCNQSDĐ,

BVMT, giải quyết các thủ tục hành chính. Thứ trưởng đề nghị, trong thời gian tới, Sở TN&MT tỉnh Hậu Giang cần tập trung thực hiện hiệu quả nội dung của Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; Cải cách các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nhưng cũng phải chấp hành nghiêm các quy định về BVMT... **SƠN TÙNG**



Sự cố môi trường tại các tỉnh miền Trung, bài học kinh nghiệm và các giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới

TS. NGUYỄN VĂN TÀI

Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường

Hiện tượng hải sản chết bất thường bắt đầu xuất hiện tại Hà Tĩnh vào ngày 6/4/2016, sau đó lần lượt xuất hiện tại các tỉnh: Quảng Bình (10/4/2016), Thừa Thiên - Huế (15/4/2016), Quảng Trị (16/4/2016). Từ ngày 4 đến ngày 7/5/2016, tình trạng hải sản chết bất thường tại 4 tỉnh đã giảm, một số ít cá chết rải rác được ghi nhận ở Cửa Tùng, Quảng Trị và từ ngày 8/5/2016 đến nay thì không còn diễn ra. Cũng trong thời gian này, nhiều vấn đề ô nhiễm môi trường diễn ra ở nhiều địa phương trên cả nước được dư luận đặc biệt quan tâm, gây bức xúc trong xã hội.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan chức năng đã vào cuộc quyết liệt, tiến hành xác định nguyên nhân, đối tượng gây ra sự cố một cách khoa học, chặt chẽ, đúng pháp luật, phù hợp với thông lệ quốc tế. Đồng thời kết hợp đồng bộ nhiều phương pháp với sự huy động tham gia của đông đảo các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; cập nhật liên tục diễn biến hiện trường, tổ chức lấy các mẫu vật kết hợp với việc hồi cố về điều kiện thực địa khi xảy ra sự cố, thông tin về khí tượng thủy văn, dòng hải lưu, dữ liệu viễn thám, ứng dụng các mô hình lan truyền ô nhiễm để truy dấu vết nguồn gây ô nhiễm môi trường biển. Bên cạnh đó, tổ chức lấy mẫu, phân tích mẫu cá, hải sản chết, mẫu trầm tích đáy, nước biển; có sự hợp tác của các chuyên gia quốc tế trong việc tư vấn về phương pháp, bổ sung dữ liệu, tăng cường độ tin cậy, tính chính xác và khách quan.

Bộ KH&CN đã chủ trì, phối hợp với Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Bộ TN&MT và các Bộ, ngành có liên quan thành lập Hội đồng chuyên gia KH&CN quốc gia với sự tham gia của hơn 100 chuyên gia từ hơn 30 viện nghiên cứu, trường đại học; thành lập Tổ công tác thường trực tại 4 tỉnh phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để khảo sát thực địa, lấy mẫu và xử lý một số mẫu vật, kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan. Thành lập, tổ chức họp Hội

đồng phản biện và kết luận về nguyên nhân hải sản chết bất thường. Kết luận nghiên cứu đã khẳng định độc tố hóa học (phenol, xyanua...) là nguyên nhân gây hải sản chết hàng loạt tại 4 tỉnh miền Trung vừa qua. Các kết quả thí nghiệm mô phỏng, phân tích ảnh vệ tinh, kiểm toán chất thải và những mẫu vật thu được tại hiện trường chứng minh đã có một nguồn thải lớn từ khu vực Vũng Áng (Hà Tĩnh) có chứa các hạt keo sắt dưới dạng mixel hấp phụ các độc tố như phenol, xyanua, kim loại nặng, hydrocarbon thơm đa vòng... di chuyển theo dòng hải lưu đã gây nên cá chết hàng loạt.

Bộ TN&MT đã phối hợp với các Bộ, ngành và 4 tỉnh ven biển nêu trên rà soát toàn bộ các nguồn thải lớn ra biển, kết quả cho thấy các nguồn thải lớn chỉ tập trung ở Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh; đồng thời Bộ đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về BVMT và tài nguyên nước đối

với các cơ sở có nguồn thải ra biển tại Khu kinh tế Vũng Áng (gồm có: Công ty Formosa Hà Tĩnh, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh và Trung tâm Dịch vụ Hạ tầng Khu kinh tế Hà Tĩnh) với sự tham gia của 72 cán bộ, chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực: môi trường, viễn thám, khí tượng thủy văn, hải văn, sinh thái học, hóa học, luyện gang thép... được chia thành 6 tổ do các Viện trưởng, Phó Viện trưởng các cơ quan khoa học làm Tổ trưởng. Kết quả kiểm tra cho thấy, Công ty Formosa Hà Tĩnh đã có nhiều hành vi vi phạm hành chính về BVMT và tài nguyên nước, phát hiện một số dấu hiệu là nguyên nhân gây ra sự cố môi trường; đồng thời với kết quả rà soát nguồn thải của các cơ sở hoạt động trên địa bàn 4 tỉnh từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên - Huế, Bộ TN&MT xác định chỉ có nguồn thải của Công ty Formosa Hà Tĩnh mới có các độc tố phenol, xyanua.



▲ Bộ Trưởng Trần Hồng Hà dẫn đầu đoàn công tác tại tỉnh Hà Tĩnh tìm nguyên nhân gây nên hiện tượng cá chết hàng loạt (Ảnh: baohatinh)



Từ kết quả nghiên cứu, rà soát và kiểm tra, Bộ TN&MT, Bộ KH&CN, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam và các Bộ, ngành thống nhất nguyên nhân sự cố môi trường gây hải sản chết bất thường tại 4 tỉnh từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên - Huế vừa qua là do các độc tố phenol, xyanua từ nguồn thải của Công ty Formosa Hà Tĩnh.

Qua đấu tranh pháp lý, Công ty Formosa Hà Tĩnh nhận trách nhiệm về việc gây ra sự cố môi trường, làm hải sản chết hàng loạt tại 4 tỉnh từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên - Huế trong thời gian qua, đồng thời cam kết: (1) Công khai xin lỗi Chính phủ và nhân dân Việt Nam vì để xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng; (2) Thực hiện việc bồi thường thiệt hại kinh tế cho người dân và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; bồi thường xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung của Việt Nam với tổng số tiền tương đương trên 11.500 tỷ đồng (500 triệu USD); (3) Khắc phục triệt để các tổn tại, hạn chế của hệ thống xử lý chất thải, nước thải, hoàn thiện công nghệ sản xuất, bảo đảm xử lý triệt để các chất thải độc hại trước khi thải ra môi trường theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước của Trung ương và tỉnh Hà Tĩnh để không tái diễn sự cố môi trường như đã xảy ra; (4) Phối hợp với các bộ, ngành của Việt Nam và các tỉnh miền Trung xây dựng các giải pháp đồng bộ để kiểm soát môi trường biển miền Trung, bảo đảm phòng, chống ô nhiễm, không để xảy ra sự cố môi trường tương tự để tạo niềm tin với người dân Việt Nam và quốc tế; (5) Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết, không để tái diễn các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT.

Việc xác định nguyên nhân và đối tượng gây ra sự cố môi trường là kết quả của việc chỉ đạo khẩn trương, quyết liệt của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự vào cuộc tích cực của các bộ, ngành và địa phương có liên quan. Trên thực tế, nhiều sự cố tương tự trên thế giới, việc xác định nguyên nhân và đối tượng gây ra sự cố phải mất nhiều thời gian, ngay cả ở các nước phát triển, thậm chí có nơi còn không xác định được nguyên nhân, thủ phạm gây ra sự cố.

Cùng với việc tìm kiếm nguyên nhân, thủ phạm gây ra sự cố, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 9/5/2016 hỗ trợ khẩn cấp cho người dân tại các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế bị ảnh hưởng do hiện tượng hải sản chết bất thường; Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 25/6/2016 về việc tăng thời gian



▲ Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc làm việc với các địa phương bị ảnh hưởng do hiện tượng hải sản chết bất thường
Ảnh: VGP

hỗ trợ ngư dân, diêm dân 4 tỉnh miền Trung theo Quyết định số 772/QĐ-TTg. Theo đó hỗ trợ hộ nông dân, ngư dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng do hiện tượng hải sản chết bất thường như cơ chế hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian 6 tháng đối với các nhân khẩu thuộc hộ gia đình chủ tàu và hộ gia đình của lao động trên tàu; hỗ trợ một lần tối đa 5 triệu đồng/tàu đánh bắt ven bờ và vùng lòng phải tạm ngừng ra khơi; hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn tín dụng trong thời gian tạm trữ 6 tháng đối với các doanh nghiệp, chủ vựa, tàu dịch vụ hậu cần nghề cá để thu mua, tạm trữ hải sản từ ngày 5/5/2016 đến ngày 5/7/2016; hỗ trợ không quá 70% giá trị hải sản không đảm bảo an toàn buộc phải tiêu hủy; hỗ trợ khắc phục hậu quả môi trường. Đến nay, Chính phủ đã xuất cấp gần 4.182 tấn gạo từ dự trữ quốc gia; Quỹ BVMT Việt Nam đã hỗ trợ ban đầu cho 4 tỉnh bị ảnh hưởng để xử lý, tiêu hủy cá chết (khoảng 4 tỷ đồng); Ủy ban Trung ương

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã hỗ trợ trên 5 tỷ đồng cho người dân bị thiệt hại.

Ngay sau khi xảy ra sự cố hải sản chết bất thường và tiếp nhận báo cáo của các địa phương trong khu vực xảy ra sự cố, Bộ TN&MT đã triển khai hoạt động quan trắc tại các khu vực xảy ra sự cố từ ngày 21/4/2016 đến ngày 2/5/2016. Đồng thời, Bộ cũng đã có văn bản hướng dẫn UBND 4 tỉnh từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên - Huế thực hiện quan trắc hàng ngày tại các bãi tắm từ ngày 29/4/2016 và duy trì đến thời điểm hiện nay với các thông số được quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển ven bờ cho vùng bãi tắm và thể thao dưới nước (QCVN 10-MT:2015/BTNMT). Các kết quả quan trắc được công bố hàng ngày trên các Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT, Tổng cục Môi trường và cung cấp cho 300 đầu mối các kênh thông tin truyền thông (Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân dân, Lao động, Tiền phong...) để kịp thời thông báo tới nhân dân được biết.



▲ Chính phủ họp báo công bố nguyên nhân cá chết bất thường tại 4 tỉnh miền Trung
Ảnh: VGP

Bộ TN&MT đã huy động tổng lực các trạm quan trắc môi trường biển thuộc hệ thống quan trắc môi trường quốc gia và 4 tỉnh xảy ra sự cố để thực hiện Chương trình quan trắc môi trường biển ven bờ, gần bờ và xa bờ từ Thanh Hóa đến Quảng Nam với tần suất, mật độ tăng cường tối đa được quy định tại Quyết định số 977/QĐ-BTNMT. Chương trình thực hiện quan trắc chất lượng nước tại 50 điểm quan trắc vùng ven bờ, 27 điểm quan trắc gần bờ và 16 điểm quan trắc xa bờ; quan trắc chất lượng trầm tích tại 14 điểm quan trắc gần bờ với các thông số được quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (QCVN 10-MT:2015/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (QCVN 43:2012/BTNMT). Kết quả quan trắc cho thấy, tại thời điểm xảy ra sự cố, môi trường nước biển và trầm tích khu vực ven bờ và gần bờ tại 4 tỉnh bị ô nhiễm đối với một số thông số như sắt, phenol, amoni... Tuy vậy đến nay, môi trường nước biển đã dần được hồi phục, hầu hết các thông số đã đạt ngưỡng cho phép đảm bảo an toàn.

Hiện nay, Bộ TN&MT đang triển khai chương trình khảo sát, điều tra, đánh giá ô nhiễm môi trường biển tại 4 tỉnh ven biển miền Trung; trong đó tiến hành khảo sát tại 36 tuyến vuông góc với đường bờ biển, với tổng số 146 điểm khảo sát, tổng chiều dài các tuyến khảo sát khoảng 348 km. Chương trình điều tra, đánh giá ô nhiễm môi trường biển thực hiện đối với các thành phần: môi trường nước (tầng mặt, tầng giữa và tầng đáy); trầm tích, sinh vật phù du, sinh vật đáy, hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái cỏ biển và mẫu màng bám keo tụ trên san hô, các nền đáy cứng thông qua các nhóm quan trắc khảo sát trên biển, thợ lặn vùng đáy biển, ghi hình, quay phim hệ sinh thái biển. Chương trình đã được triển khai để cung cấp thêm thông tin về hiện trạng chất lượng môi trường biển tại 4 tỉnh và trên cơ sở đó tiến

hành các biện pháp xử lý ô nhiễm và phục hồi các hệ sinh thái biển.

Như vậy, sự cố ô nhiễm môi trường làm hải sản chết hàng loạt vùng biển ven bờ các tỉnh miền Trung là sự cố môi trường biển nghiêm trọng nhất, lần đầu tiên xảy ra trên diện rộng ở nước ta, lúc đầu việc ứng phó sự cố có nhiều lúng túng, chưa hiệu quả. Tuy nhiên, sau khi có sự chỉ đạo của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã vào cuộc quyết liệt, phối hợp nhịp nhàng với tinh thần khẩn trương, thận trọng, khách quan, khoa học. Với sự tham gia của nhiều cán bộ quản lý, chuyên gia, nhà khoa học kết hợp phân tích lý thuyết, hình ảnh viễn thám, mô phỏng, khảo sát thực địa, lấy mẫu phân tích, đối chứng, kiểm tra các dự án lớn trong khu vực, đấu tranh pháp lý chỉ chưa đầy 3 tháng đã tìm ra nguyên nhân, buộc đối tượng phải nhận trách nhiệm gây ra sự cố, cam kết bồi thường và khắc phục sự cố, các vi phạm pháp luật. Cùng với quá trình tìm kiếm nguyên nhân và thủ phạm gây ra sự cố, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành các chính sách, có các hoạt động hỗ trợ ổn định đời sống của người dân,

phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu vực. Bên cạnh đó, Bộ TN&MT cũng đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, UBND 4 tỉnh tiến hành quan trắc, khảo sát đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, tổn thương của các hệ sinh thái biển, diễn biến chất lượng môi trường nước biển và trầm tích để công bố nhân dân biết cũng như triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả do sự cố gây ra.

Qua sự cố môi trường này, chúng ta rút ra được nhiều bài học trong công tác chỉ đạo điều hành, phối hợp giải quyết vấn đề môi trường có tính liên ngành, liên vùng, được dư luận đặc biệt quan tâm. Sự chỉ đạo quyết liệt, nhất quán và sâu sát Lãnh đạo Đảng, Chính phủ; sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các Bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương; huy động sự tham gia đồng đạo các chuyên gia, các nhà khoa học; hỗ trợ kịp thời người dân trong khu vực bị ảnh hưởng; kết hợp đấu tranh pháp lý buộc Công ty Formosa Hà Tĩnh phải nhận trách nhiệm, bồi thường thiệt hại, đồng thời tiến hành kịp thời các hoạt động khảo sát, đánh giá hậu quả đối với môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục.

Sự cố ô nhiễm môi trường dẫn đến hải sản chết hàng loạt ven biển 4 tỉnh miền Trung và nhiều điểm nóng ô nhiễm môi trường cùng lúc bùng phát ở nhiều tỉnh thành trên cả nước là hệ quả của giai đoạn phát triển nóng, thiếu bền vững trong thời gian qua. Nhiều địa phương đã chú trọng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà chưa quan tâm đúng mức đến công tác BVMT. Đối mặt cùng lúc với nhiều thách thức



lớn về ô nhiễm môi trường cần phải có các giải pháp đồng bộ và toàn diện để phòng ngừa, ứng phó trước mắt và lâu dài, trong đó cần tập trung thực hiện một số giải pháp:

Một là, tiến hành rà soát, đánh giá, khoanh vùng các nguồn thải lớn, rủi ro gây ra sự cố môi trường và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ từng nguồn thải (quan trắc, lấy mẫu tự động, hồ điều hòa lưu giữ nước thải sau xử lý, sử dụng chỉ thị sinh học, camera tự động để giám sát). Tăng cường kiểm tra, thanh tra để kịp thời phát hiện các bất cập, vi phạm pháp luật về BVMT, cảnh báo nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Hai là, tăng cường năng lực quan trắc, theo dõi, đánh giá hiện trạng, diễn biến môi trường, cảnh báo kịp thời các dấu hiệu bất thường để chủ động ứng phó, nhất là tại các vùng kinh tế trọng điểm, khu vực tập trung nhiều nguồn thải lớn, khu vực môi trường nhạy cảm. Bên cạnh đó, cần tăng cường năng lực tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc; xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, số liệu quan trắc, cảnh báo về môi trường.

Ba là, xây dựng và ban hành quy chế ứng phó sự cố môi trường theo hướng quy định rõ quy trình, các bước thực hiện, trách nhiệm

của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương theo hướng Trung ương chỉ đạo thống nhất và địa phương xây dựng năng lực tự ứng phó theo phương châm “ba tại chỗ” (nhân lực, thiết bị, nguồn lực). Quy chế này cũng được áp dụng cho việc xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường đang bùng phát cùng lúc ở nhiều địa phương trên cả nước.

Bốn là, quán triệt quan điểm đầu tư phát triển bền vững, không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế, không thu hút đầu tư bằng mọi giá; cần xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy chuẩn, các hàng rào kỹ thuật để phòng ngừa, ngăn chặn, sàng lọc có hiệu quả, không để lọt các loại hình sản xuất, công nghệ sản xuất lạc hậu, các dự án đầu tư tiêu tốn tài nguyên, năng lượng, gây ô nhiễm môi trường vào

nước ta, đặc biệt là vào các vùng, khu vực nhạy cảm về môi trường.

Năm là, khắc phục những bất cập trong công tác quản lý nhà nước về BVMT, nhất là trong việc áp dụng các công cụ, biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường từ đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kiểm tra, xác nhận công trình, biện pháp BVMT, kiểm tra, thanh tra, quan trắc, giám sát nguồn thải... bảo đảm các công cụ, biện pháp này phát huy hiệu lực, hiệu quả trên thực tế để kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải ra môi trường.

Sáu là, xem xét kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng lớn, phức tạp và sự bùng phát các sự cố gây ô nhiễm môi trường■

THANH TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC TẠI CÁC DỰ ÁN CÓ XẢ THẢI TRONG CẢ NƯỚC

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát các dự án có xả thải trên phạm vi cả nước, ngày 21/7/2016, Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 1620/QĐ-BTNMT về Kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT và tài nguyên nước đối với các dự án có xả thải ra môi trường (tập trung chính vào các cơ sở sản xuất công nghiệp có nguồn xả nước thải từ 200 m³/ngày, đêm trở lên, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường biển, lưu vực sông).

Mục đích của Kế hoạch thanh tra nhằm đánh giá một cách toàn diện công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực BVMT và tài nguyên nước của các cơ quan hành chính nhà nước và các cơ quan chuyên môn có liên quan. Trên cơ sở đó, Bộ TN&MT sẽ đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chế định pháp luật trong quá trình thẩm định, xét duyệt và thực hiện dự án đầu tư; Đề xuất các giải pháp khắc phục những tồn tại, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích doanh nghiệp chấp hành nghiêm quy định về phát triển kinh tế gắn với BVMT. Tăng

cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý đối với các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh có xả thải ra môi trường...

Theo Kế hoạch, sẽ tiến hành thanh tra công tác tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và xác nhận bản cam kết BVMT; Việc xác nhận các công trình, biện pháp BVMT; Công tác thống kê, đánh giá chất thải nguy hại phát sinh; Việc cấp phép và mã số hoạt động quản lý chất thải nguy hại; Công tác thẩm định, thu phí nước thải công nghiệp... đối với các cơ quan hành chính nhà

nước và các cơ quan chuyên môn có liên quan.

Với các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh có thải ra môi trường, sẽ thanh tra việc lập và thực hiện các nội dung trong báo cáo ĐTM hoặc cam kết BVMT; Xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp BVMT trước khi dự án đi vào vận hành chính thức; Việc kê khai, nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp...

Thời gian tổ chức các đoàn thanh tra dự kiến vào đầu tháng 8/2016. Kết quả thanh tra được thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Luật Thanh tra.

BẢO BÌNH



Tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường không khí ở Việt Nam

ThS. LÊ HOÀI NAM

Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm

Tổng cục Môi trường

Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí (CLKK) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (KHHĐQG) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 1/6/2016 đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường các hoạt động kiểm soát ô nhiễm không khí (ÔNKK), đặc biệt là triển khai các quy định của Luật BVMT năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Trong thời gian qua, tại Việt Nam, ô nhiễm môi trường không khí đã gây ra những tác động không nhỏ tới sức khỏe cộng đồng và các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, công tác quản lý CLKK hiện nay còn nhiều khó khăn, bất cập. Công tác phòng ngừa, giảm thiểu ÔNKK từ các cơ sở sản xuất, phương tiện giao thông chưa được thực hiện đầy đủ. Hệ thống quan trắc và thông tin về kiểm soát, quản lý CLKK chưa đáp ứng yêu cầu thực tế...

Trong Luật BVMT năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã đưa ra một số quy định về quản lý CLKK. Để tăng cường công tác quản lý CLKK, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành KHHĐQG về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Kế hoạch đặt mục tiêu tổng quát là tăng cường công tác quản lý CLKK thông qua kiểm soát nguồn phát sinh khí thải và giám sát CLKK xung quanh nhằm cải thiện chất lượng môi trường không khí và bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Trong đó, kiểm soát tốt các nguồn khí thải, tập trung vào nguồn khí thải công nghiệp, năng lượng lớn và giao thông. Đến năm 2020, bảo đảm 80% các cơ sở sản xuất thép, hóa chất và phân bón hóa học xử lý bụi và các khí thải SO_2 , NO_x , CO đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường; 90% cơ sở sản xuất nhiệt điện, 80% cơ sở sản xuất xi măng, 70% cơ sở sản xuất thép, hóa chất và phân bón hóa học đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục với các thông số theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Kiểm kê khí thải cho 90% cơ sở sản xuất nhiệt điện, 80% cơ sở sản xuất xi măng, 70% cơ sở sản xuất thép, hóa chất và phân bón hóa học; Triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi



▲ Mục tiêu của KHHĐQG là kiểm soát nguồn phát sinh khí thải và giám sát chất lượng không khí

PM_{10} và $\text{PM}_{2.5}$ tại các nguồn thải chính; Hoàn thành thực hiện Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, TP”, Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 1/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; Tăng cường năng lực quốc gia về kiểm soát khí nhà kính (KNK), góp phần thực hiện cam kết quốc gia về giảm phát thải KNK của Việt Nam.

Song song với kiểm soát nguồn thải, KHHĐQG cũng đề ra mục tiêu theo dõi, giám sát CLKK xung quanh, trong đó phải xác định hiện trạng ô nhiễm bụi PM_{10} và $\text{PM}_{2.5}$ tại các đô thị đặc biệt và đô thị trực thuộc Trung ương; đồng thời tăng số lượng trạm quan trắc không khí xung quanh tự động liên tục tại các đô thị so với năm 2015 theo đúng quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, giám sát thường xuyên các thông số theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thông số VOCs, HC.

KHHĐQG đã đưa ra quan điểm quản lý CLKK



▲ Kiểm soát tốt khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, TP

phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam để đảm bảo tính hiệu quả, lấy phòng ngừa ô nhiễm là chính, kết hợp với xử lý, khắc phục ô nhiễm, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường không khí xung quanh. Quản lý CLKK phải dựa trên phân tích chi phí lợi ích, được tiến hành thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình quản lý phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Quản lý CLKK là trách nhiệm của chủ các nguồn phát thải và các cơ quan quản lý nhà nước với sự giám sát của nhân dân.

Để thực hiện các mục tiêu trên, KHHĐQG đã đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp gồm: Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý CLKK; Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực về quản lý CLKK; Phòng ngừa, giảm thiểu phát thải khí thải; Hoàn thiện cơ chế tài chính, đa dạng hóa nguồn lực cho lĩnh vực quản lý CLKK; Hợp tác quốc tế và nghiên cứu

khoa học, công nghệ về quản lý CLKK; Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT không khí; Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao năng lực, nhận thức về quản lý CLKK.

Đồng thời, KHHĐQG yêu cầu sự tham gia, phối hợp của các Bộ, ngành, đặc biệt là vai trò của Bộ TN&MT, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải cũng như các cấp quản lý từ Trung ương đến địa phương. Mặt khác, KHHĐQG cũng đưa ra các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên để triển khai, thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ thời gian, cơ quan thực hiện và các kết quả mong đợi của các nhiệm vụ.

Quản lý CLKK là trách nhiệm không chỉ của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương mà còn của mỗi cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, vì vậy cần sự chung tay của cả xã hội trong việc nâng cao nhận thức, tăng cường

công tác phối hợp nhằm BVMT không khí và sức khỏe cộng đồng. KHHĐQG là cơ sở để hoạt động quản lý CLKK của Việt Nam trong thời gian tới được thực hiện một cách toàn diện, bài bản, phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại Việt Nam và theo xu thế của thế giới về quản lý CLKK.

Hiện tại, Bộ TN&MT với vai trò là cơ quan đầu mối đang khẩn trương xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Quyết định số 985a/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, để triển khai KHHĐQG một cách có hiệu quả, trong thời gian tới, bên cạnh việc sử dụng nguồn lực trong nước, Việt Nam cần sự hỗ trợ của các quốc gia và tổ chức quốc tế trong việc hoàn thiện cơ chế chính sách, kinh nghiệm thực tiễn về kiểm soát ÔNKK, xây dựng cơ sở dữ liệu về khí thải...; cũng như sự tham gia của các nhà khoa học, tổ chức nghiên cứu về quản lý CLKK nhằm ứng dụng các công cụ kỹ thuật vào quản lý CLKK■



Một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

LÊ MINH ANH

Tổng cục Môi trường

Ngày 1/7/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2016/NĐ-CP quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực TN&MT (Nghị định). Nghị định quy định một số điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản và BVMT.

Nghị định gồm có 5 chương, 33 điều và 5 phụ lục, được xây dựng quan điểm: Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan; Kế thừa quy định điều kiện đầu tư kinh doanh đang được quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ TN&MT, đáp ứng yêu cầu trong hoạt động quản lý nhà nước về TN&MT; Sửa đổi, bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh hiện không còn phù hợp, tạo môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp.

Điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên nước

Trên cơ sở các điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT và Thông tư số 56/2014/TT-BTNM của Bộ TN&MT, Nghị định quy định về điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ để nghị cấp giấy phép tài nguyên nước....

Theo Nghị định, quy mô hành nghề khoan dưới đất được phân thành 3 trường hợp: Quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm; Quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250 mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm; Quy mô lớn gồm không quy định tại 2 trường hợp nêu trên.



▲ Phương tiện vận chuyển CTNH phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật

Để được cấp giấy phép khoan dưới đất, các tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện: Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình do cơ quan có thẩm quyền cấp; Người đứng đầu tổ chức (Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc) hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề phải đáp ứng các điều kiện theo quy định; Máy khoan và các thiết bị thi công khoan phải bảo đảm có tính năng kỹ thuật phù hợp đáp ứng quy định.

Điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản

Theo Nghị định quy định, tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản khi hợp đồng thi công để án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản phải đáp ứng quy định tại Điều 35 Luật Khoáng sản và các quy định: Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã; Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng và nhiệm vụ thăm dò khoáng sản.

Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1



Điều 35 Luật Khoáng sản và các quy định: Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước khoáng là chuyên ngành địa chất thủy văn- địa chất công trình; Kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 5 năm; Chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ TN&MT cấp...

Các thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp phép thăm dò khoáng sản; Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

Điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực BVMT

Trên cơ sở các điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Thông tư số 19/2010/TT-BTNMT, Thông tư số 52/2013/TT-BTNMT; Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT và Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT của Bộ TN&MT, Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh chế phẩm sinh học (CPSH) trong xử lý chất thải (XLCT) tại Việt Nam; điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm; điều kiện cấp phép XLCT nguy hại (CTNH).

Điều kiện kinh doanh CPSH trong XLCT

CPSH trong XLCT là sản phẩm có nguồn gốc sinh học được dùng để XLCT gồm: vi sinh vật, enzyme và các chất chiết xuất từ động vật, thực vật, vi sinh vật, không bao gồm các sinh vật biến đổi gen. Các CPSH tương đối nhạy cảm, trong một số trường hợp rất dễ lây lan, phát tán và trở nên nguy hại trong điều kiện thích hợp, do vậy cần phải kiểm soát chặt chẽ.

Theo Nghị định, tổ chức, cá nhân kinh doanh, nhập khẩu CPSH trong XLCT phải được cấp giấy chứng nhận lưu hành CPSH do Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT cấp theo quy định. CPSH đã được cấp giấy chứng nhận lưu hành nhưng có thay đổi về thành phần hoặc hàm lượng các hoạt chất trong CPSH làm ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý và tính an toàn đối với sức khỏe con người và sinh vật thì phải đăng ký cấp lại giấy chứng nhận lưu hành CPSH theo quy định.

Giấy chứng nhận lưu hành CPSH sẽ bị thu hồi trong trường hợp cấp không đúng

quy định; thay đổi thành phần CPSH; có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với CPSH đã đăng ký lưu hành. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy chứng nhận lưu hành CPSH có trách nhiệm thu hồi và xử lý CPSH đã được sản xuất, nhập khẩu và đang lưu hành theo quy định của pháp luật. Khi giấy chứng nhận lưu hành CPSH bị thu hồi, Tổng cục Môi trường có trách nhiệm đưa CPSH này ra khỏi Danh mục CPSH trong XLCT tại Việt Nam và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Môi trường và trang thông tin điện tử của Bộ TN&MT.

Để khảo nghiệm CPSH, cơ sở khảo nghiệm là tổ chức có chức năng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sinh học hoặc công nghệ môi trường; có đủ trang thiết bị, nguyên vật liệu và nhân lực triển khai ứng dụng tại hiện trường theo hướng dẫn sử dụng CPSH. Ngoài ra, cơ sở khảo nghiệm có thể lựa chọn cơ quan phối hợp trong quá trình khảo nghiệm và có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ kết quả ít nhất là 60 tháng sau khi kết thúc khảo nghiệm. Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký lưu hành CPSH được lựa chọn cơ quan, địa điểm để khảo nghiệm và phải trả chi phí thực hiện khảo nghiệm theo hợp đồng thỏa thuận.

Điều kiện kinh doanh vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm

Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ với khối lượng bằng hoặc vượt ngưỡng khối lượng được quy định tại cột 6 Phụ lục 3 của Nghị định này phải có giấy phép vận chuyển. Khi vận

chuyển từng loại hàng nguy hiểm có khối lượng không vượt ngưỡng khối lượng phải cấp phép vận chuyển, nhưng tổng khối lượng của các chất độc hại, chất lây nhiễm vận chuyển trên cùng một phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lớn hơn 1 tấn/chuyến (không tính khối lượng bao bì) thì cũng phải có giấy phép vận chuyển.

Tổ chức, cá nhân không cần có giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm trong các trường hợp: Vận chuyển bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ với khối lượng dưới ngưỡng khối lượng phải cấp phép, nhưng phải có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường và phải tuân thủ các điều kiện vận chuyển theo quy định; Vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường thủy nội địa hoặc đường sắt, nhưng phải tuân theo các quy định tương ứng tại Nghị định số 29/2005/NĐ-CP hoặc Nghị định số 14/2015/NĐ-CP và phải tuân theo các điều kiện vận chuyển theo quy định.

Các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa vận chuyển hàng nguy hiểm phải đáp ứng các điều kiện: Không vận chuyển hàng nguy hiểm cùng với hành khách, vật nuôi, lương thực thực phẩm hoặc vận chuyển hàng nguy hiểm có khả năng phản ứng với nhau gây cháy, nổ hoặc tạo ra các chất mới độc hại đối với môi trường và sức khỏe con người trên cùng một phương tiện; Có trang thiết bị, phủ kín toàn bộ khoang chở hàng; Đảm bảo đầy đủ thiết bị, vật liệu ứng phó sự cố trong quá trình vận chuyển; Đáp ứng các quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn về vận chuyển hóa chất



nguy hiểm hoặc hàng nguy hiểm, các điều kiện về an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật...

Điều kiện cấp phép XLCT nguy hại

Tổ chức, cá nhân đăng ký cấp giấy phép xử lý CTNH phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý liên quan đến điều kiện cấp phép xử lý CTNH gồm:

Các phương tiện, thiết bị lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTNH phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý tại Phụ lục V của Nghị định; Phương tiện vận chuyển phải có hệ thống định vị vệ tinh (GPS) được kết nối với mạng thông tin trực tuyến để xác định vị trí và ghi lại hành trình vận chuyển CTNH; Một phương tiện, thiết bị chỉ được đăng ký cho một giấy phép xử lý CTNH, trừ các phương tiện vận chuyển đường biển, đường sắt, đường hàng không; Công trình BVMT tại cơ sở xử lý CTNH và trạm trung chuyển CTNH (nếu có) phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục V của Nghị định.

Tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép xử lý CTNH phải xây dựng đầy đủ các nội dung về quy trình vận hành an toàn các hệ thống, phương tiện, thiết bị; các kế hoạch về kiểm soát ô nhiễm và BVMT, an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa và ứng phó sự cố, đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm, xử lý ô nhiễm và BVMT khi chấm dứt hoạt động; chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH.

Tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép xử lý CTNH phải lập các bảng hướng dẫn dạng rút gọn hoặc dạng sơ đồ về quy trình vận hành an toàn quy định tại khoản 5 Điều này với kích thước phù hợp và lắp đặt tại vị trí thuận tiện để quan sát trên phương tiện vận chuyển, trong cơ sở xử lý và trạm trung chuyển (nếu có).

Nghị định quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực TN&MT được ban hành nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực TN&MT ngày càng phát triển■

Nâng cao năng lực thực hiện đánh giá môi trường chiến lược ngành Công Thương

NGUYỄN THANH PHƯƠNG

*Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp
Bộ Công Thương*

Công tác đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) đã được quy định rõ tại Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn như Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT của Bộ TN&MT, nhằm tăng cường pháp chế trong phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường đối với các hoạt động đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 35/2015/TT-BCT quy định về BVMT ngành Công thương, trong đó đề cập chi tiết việc thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐMC đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Bộ. Ngay sau khi Thông tư số 35/2015/TT-BCT được ban hành, Bộ Công Thương đã triển khai hỗ trợ, hướng dẫn cho các đơn vị trong Bộ lập ĐMC thông qua tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng lập ĐMC cho các cán bộ của ngành, tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ lập ĐMC...

MỘT SỐ KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC ĐMC

Trong thời gian qua, công tác ĐMC đối với hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong các ngành, lĩnh vực

thuộc Bộ Công Thương quản lý bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT. Tuy nhiên, việc thực hiện ĐMC trong quá trình lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Công Thương còn tồn tại một số bất cập cần có giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế.

Một số báo cáo ĐMC không đạt chất lượng để thẩm định; một số báo cáo ĐMC đã được thẩm định nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung nhiều nội dung mới được thông qua. Việc tham vấn trong quá trình triển khai ĐMC chưa được thực hiện đúng quy trình. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo ĐMC mất nhiều thời gian cho nên khi ban hành không còn phù hợp với thực tiễn như báo cáo ĐMC của quy hoạch phát triển công nghiệp môi trường, quy hoạch công nghiệp hỗ trợ cho một số ngành công nghệ cao. Việc thẩm định ĐMC thường được tiến hành dưới hình thức nghiên cứu tài liệu và thông qua phiên họp, chưa điều tra đối chứng thông tin, phỏng vấn sâu các đối tượng liên quan để lấy ý kiến. Một số quy định về ĐMC còn thiếu, hoặc chưa rõ ràng, gây khó khăn trong quá trình triển



khai như trách nhiệm thẩm định ĐMC đối với các chiến lược, quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ nhưng ủy quyền cho các Bộ, ngành phê duyệt; thời điểm thẩm định ĐMC; điều kiện năng lực của đơn vị tư vấn lập ĐMC; thời gian chỉnh sửa báo cáo sau thẩm định... Một số quy hoạch khó khả thi do sử dụng thông tin, số liệu cũ so với thời điểm được thẩm định ĐMC (quy hoạch phát triển công nghiệp môi trường, quy hoạch phát triển ngành ô tô Việt Nam).

Đối với vấn đề tài chính, kinh phí (nguồn vốn, định mức) cho lập báo cáo ĐMC, thực hiện Thông tư liên tịch số 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT của Liên Bộ Tài chính - Bộ TN&MT, Bộ Công Thương đã chủ động bố trí kinh phí lập ĐMC đồng thời với kinh phí lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch từ nguồn sự nghiệp kinh tế. Tuy nhiên, kinh phí bố trí vẫn ở mức thấp so với khối lượng báo cáo ĐMC phải thực hiện. Từ năm 2010 - 2015, Bộ Công Thương lập khoảng 72 quy hoạch, trong đó có 41 quy hoạch phải lập báo cáo ĐMC, nhưng giai đoạn từ năm 2010 - 2012, chưa bố trí được kinh phí riêng để thực hiện ĐMC, nên kinh phí ĐMC chỉ được trích từ kinh phí lập quy hoạch, hoặc nguồn tài trợ khác mà đơn vị lập quy hoạch chủ động xin hỗ trợ. Thông tư số 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT mới chỉ quy định các nội dung ĐMC được sử dụng kinh phí và mức kinh phí tối đa cấp cho các loại hình ĐMC, chưa quy định về định mức chi phí, dẫn đến thiếu cơ sở phê duyệt đề cương, dự toán của các nhiệm vụ lập ĐMC. Một số hoạt động cần thiết không được sử dụng kinh phí ĐMC như hoạt động quan trắc, phân tích môi trường, do đó, nhiều ĐMC thiếu thông tin và số liệu đánh giá.

Bên cạnh đó, theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, Bộ TN&MT xây dựng hướng dẫn kỹ thuật lập ĐMC chuyên ngành làm cơ sở để lập ĐMC cho từng loại hình quy hoạch cụ thể. Tuy nhiên, đến nay, chưa có hướng dẫn kỹ thuật lập ĐMC cho quy hoạch chuyên ngành công nghiệp. Nhu cầu nâng cao năng lực lập, thẩm định báo cáo ĐMC là cần thiết đối với các cán bộ chuyên trách về ĐMC và đơn vị tư vấn môi trường trong ngành Công Thương, nhưng chưa được tập huấn nhiều. Mặt khác, các cán bộ thực hiện ĐMC phải có chứng chỉ tư vấn ĐMC, trong khi Bộ TN&MT quản lý việc đào tạo, cấp chứng chỉ tư vấn ĐMC nhưng hiện vẫn chưa có văn bản



▲ Hội thảo tập huấn công tác thực hiện ĐMC của Bộ Công Thương

hướng dẫn cụ thể về nội dung này, nên công tác thực hiện báo cáo ĐMC trong ngành Công Thương còn gặp khó khăn khi lựa chọn đơn vị tư vấn ĐMC.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ĐMC CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Để ĐMC trở thành công cụ hữu hiệu trong công tác quản lý, BVMT nói chung và hoạt động BVMT ngành Công Thương nói riêng, thời gian tới, cần có lộ trình thực hiện một số nội dung:

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật về ĐMC, bao gồm: quy định về định mức kinh phí lập ĐMC; điều kiện năng lực của đơn vị lập ĐMC hoặc cán bộ chủ trì nhiệm vụ lập ĐMC; trách nhiệm thẩm định ĐMC của các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ nhưng ủy quyền cho các Bộ, ngành phê duyệt.

Xây dựng và ban hành các hướng dẫn kỹ thuật ĐMC chuyên ngành: Đối với một số chiến lược, quy hoạch phát triển ngành/lĩnh vực công nghiệp có ảnh hưởng lớn đến môi trường, kinh tế - xã hội

khi thực hiện quy hoạch cần xây dựng hướng dẫn chi tiết về phương pháp luận và cách thức tổ chức thực hiện ĐMC. Do đó, việc sớm ban hành các hướng dẫn kỹ thuật ĐMC đối với chiến lược, quy hoạch phát triển ngành/lĩnh vực công nghiệp trong thời gian tới là rất cần thiết.

Đẩy mạnh công tác nâng cao năng lực lập, thẩm định ĐMC: Hàng năm, tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu về công tác thẩm định ĐMC với đối tượng là cán bộ phụ trách ĐMC của các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành quản lý; Nâng cao trình độ các đơn vị, cá nhân tham gia nghiên cứu ĐMC.

Tăng cường phối hợp của các bên liên quan: Cần có cơ chế đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan (cơ quan, tổ chức, địa phương, người dân) vào quá trình lập, thẩm định và giám sát thực hiện các giải pháp BVMT đề xuất trong báo cáo ĐMC của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, qua đó, tạo tính công khai, minh bạch, cũng như đồng thuận của các bên liên quan, đảm bảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch triển khai bền vững, hiệu quả■



Huy động sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường làng nghề

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Bộ TN&MT

Làng nghề truyền thống là một trong những đặc thù của nông thôn Việt Nam. Nhiều sản phẩm được sản xuất trực tiếp tại làng nghề đã trở thành thương phẩm trao đổi, góp phần cải thiện đời sống hộ gia đình nông thôn. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, ô nhiễm môi trường làng nghề đang trở thành một vấn đề cấp bách cần phải được giải quyết.

GIA TĂNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Theo số liệu thống kê của Bộ NN&PTNT, hiện cả nước có 5.096 làng nghề và làng có nghề, trong đó số làng nghề truyền thống được công nhận là 1.798. Số làng nghề nằm trong khu, cụm công nghiệp ít nên việc xử lý môi trường của các làng nghề nhiều nơi vẫn còn bỏ ngỏ. Qua khảo sát 52 làng nghề điển hình, khoảng 46% môi trường bị ô nhiễm nặng; 27% ô nhiễm vừa và mức độ ô nhiễm có xu hướng gia tăng.

Trong cả nước, làng nghề phân bố tập trung chủ yếu tại đồng bằng sông Hồng (chiếm khoảng 60%); còn lại là miền Trung (30%) và miền Nam khoảng 10%. Dựa trên các yếu tố tương đồng về ngành sản xuất, sản phẩm, thị trường nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, có thể chia hoạt động làng nghề Việt Nam thành 6 nhóm ngành chính gồm làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ; làng nghề dệt nhuộm,繻 tơ, thuộc da; làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác đá; làng nghề tái chế phế liệu; làng nghề thủ công mỹ nghệ; làng nghề chế tạo nông cụ...

Báo cáo Môi trường quốc gia năm 2014 của Bộ TN&MT cũng cho thấy, các chất thải phát sinh tại nhiều làng nghề hiện nay đã và đang gây ô nhiễm và làm suy thoái môi trường nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến sức khỏe người dân. Nguy cơ 95% số người lao động trực tiếp phải tiếp xúc với bụi; 85% tiếp xúc với nhiệt; 59,6% tiếp xúc với hóa chất.

Nguyên nhân gây ô nhiễm tại các làng nghề chủ yếu từ đốt nhiên liệu và sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất trong dây truyền sản xuất.



▲ Làng nghề sản xuất gốm Đồng Triều, Quảng Ninh

Trong đó, than là nhiên liệu chính được sử dụng phổ biến ở các làng nghề. Qua khảo sát của Cục Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương) tại làng nghề tái chế Đa Hội, tỉnh Bắc Ninh: Lượng than sử dụng 270 nghìn tấn/năm, sản sinh ra 2.457 tấn bụi; 81 tấn CO₂; 2.894,4 tấn SO₂; 2.359,80 NO₂. Riêng lượng chất thải rắn của 255 làng nghề của Hà Nội đã lên tới 207,3m³/ngày, tương đương 90 tấn/ngày (chưa tính chất thải rắn trong chăn nuôi gia súc, gia cầm).

Ngoài ra, khối lượng nước thải của các làng nghề thuộc nhóm chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ có nơi lên tới 7.000m³/ngày đêm và không được xử lý mà xả trực tiếp vào môi trường. Chẳng hạn, làng bún Phú Đô - Hà Nội, mỗi năm sản xuất 10.200 tấn sản phẩm, đã xả ra môi trường 76,90 tấn COD; 53,14 tấn BOD₅; 9,38 tấn SS vượt tiêu chuẩn cho phép hàng chục lần, gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước mặt, nước ngầm và ô nhiễm đất.

MỘT SỐ TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC BVMT LÀNG NGHỀ

Bên cạnh mặt tích cực, sự phát triển sản xuất tại các làng nghề cũng mang lại nhiều bất cập về môi trường và xã hội. Những tồn tại từ nhiều năm trong quá trình phát triển làng nghề là những nguyên nhân làm cho chất lượng môi trường ngày càng suy giảm, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển bền vững của các làng nghề.

Trước hết, hoạt động sản xuất tại nhiều làng nghề còn ở quy mô nhỏ, khó phát triển vì mặt bằng sản xuất chật hẹp, xen kẽ với khu dân cư. Sản xuất càng phát triển thì nguy cơ lấn chiếm khu vực sinh hoạt và phát thải ô nhiễm cho khu dân cư càng lớn, dẫn đến chất lượng môi trường khu vực càng xấu đi. Bên cạnh đó, người dân trong các làng nghề phần lớn chỉ quan tâm đến lợi nhuận trước mắt, không lường hết tác hại lâu dài của ô nhiễm môi trường. Do đó, họ chỉ lựa chọn quy trình sản xuất thô sơ, sử dụng



hiều lao động trình độ thấp. Nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, nhiều cơ sở sản xuất còn sử dụng các nhiên liệu rẻ tiền, hóa chất độc hại, không đầu tư phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động, không đảm bảo điều kiện lao động nên làm tăng mức độ ô nhiễm.

Cùng với đó, việc sử dụng công nghệ sản xuất và thiết bị còn lạc hậu. Cộng với vốn đầu tư của các cơ sở sản xuất quá thấp, khó có điều kiện phát triển hoặc đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường. Trình độ người lao động chủ yếu là lao động thủ công, văn hóa thấp nên hạn chế nhận thức đối với công tác môi trường. Đồng thời, đa số làng nghề chưa quan tâm đến xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho BVMT. Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng quản lý môi trường làng nghề vẫn còn nhiều tồn tại bất cập chưa được giải quyết, vẫn còn sự chồng chéo và không rõ ràng về vai trò và trách nhiệm trong việc BVMT làng nghề giữa các Bộ, ngành và giữa Bộ, ngành với các địa phương.

Ở cấp địa phương, vai trò của các cấp chính quyền sở tại trong quản lý môi trường còn mờ nhạt. Các văn bản pháp luật mới dừng lại ở mức độ quy trách nhiệm cho UBND cấp tỉnh. Như vậy, để pháp luật thực sự có hiệu lực, phải có văn bản quy định trách nhiệm cho UBND từng cấp, thậm chí quy định trách nhiệm đến cấp làng, xã, thôn, bản. Bên cạnh đó, công tác quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung cho làng nghề mới dừng lại ở việc cấp điện, hệ thống giao thông nội bộ sơ sài, hầu hết không có quy định về BVMT, không có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lực lượng cán bộ làm công tác môi trường các cấp còn quá mỏng về số lượng và hạn chế về trình độ.

Ngoài ra, kinh phí từ Trung ương hoặc địa phương dành cho công tác BVMT làng nghề còn hạn hẹp. Tính

từ năm 2002 đến năm 2008, tổng đầu tư cho làng nghề vào khoảng 550 tỷ đồng, chủ yếu đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng các làng nghề, cụm cơ sở làng nghề nông thôn, có rất ít từ nguồn kinh phí này dành cho các công trình xử lý ô nhiễm, hoạt động BVMT. Một thách thức nữa là chưa huy động được đầy đủ các nguồn lực xã hội trong BVMT làng nghề. Sự tham gia của cộng đồng vào các quá trình đóng góp ý kiến ra quyết định, hoạch định chính sách và các hoạt động quản lý môi trường làng nghề vẫn còn nhiều hạn chế.

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác BVMT làng nghề, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành các cơ chế, chính sách cũng như các văn bản pháp luật BVMT làng nghề,



▲ Ô nhiễm môi trường làng nghề ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động



trong đó Điều 70 Luật BVMT năm 2014, đã quy định rõ về vấn đề BVMT làng nghề. Để triển khai nội dung này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 19/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT, trong đó Chương IV đã quy định rõ trách nhiệm BVMT làng nghề của các Bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, việc thực thi các văn bản pháp luật về BVMT tại các làng nghề vẫn còn hạn chế, do vậy, để nâng cao công tác BVMT làng nghề, một số giải pháp cần được triển khai là:

Một là, tăng cường tổ chức thực hiện pháp luật BVMT làng nghề, trong đó chú trọng tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về BVMT làng nghề, cụ thể như: Xây dựng quy định về sinh môi trường tại các làng nghề, các quy chuẩn quốc gia về khí thải, nước thải; thực hiện kiểm kê nguồn thải; áp dụng công cụ kinh tế như phí BVMT đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn.

Hai là, Nhà nước cần tiến hành quy hoạch, tổ chức, phân bổ lại sản xuất tại các làng nghề phù hợp với tính chất đặc thù của từng loại hình làng nghề; Tổ chức điều tra, thống kê, phân loại các cơ sở trong làng nghề trên địa bàn các xã, huyện theo các nhóm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thấp và cao.

Ba là, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

Bốn là, tăng cường hoạt động giám sát của cộng đồng đối với môi trường làng nghề; Phát hiện và đưa vào "danh sách đen" các làng nghề tiếp tục gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Yêu cầu các làng nghề triển khai áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm giảm thiểu ô nhiễm.

Năm là, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý môi trường tại địa phương, đồng thời thiết lập hệ thống quản lý môi trường làng, xã với sự tham gia của đại diện cho hộ sản xuất làng nghề.

Sáu là, khuyến khích các cơ sở sản xuất trong làng nghề áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn để giảm lượng phát thải và mang lại hiệu quả kinh tế cao; Xây dựng tiêu chí "Làng nghề xanh" nhằm xếp loại cho các làng nghề BVMT theo hướng phát triển bền vững.

Bảy là, xã hội hóa công tác BVMT làng nghề nhằm huy động sự tham gia của rộng rãi của toàn xã hội; Phát huy vai trò của cộng đồng trong BVMT làng nghề; Thực hiện các hoạt động tham vấn cộng đồng thường xuyên trong BVMT làng nghề; thu thập những ý kiến của cộng đồng về những vấn đề môi trường đang diễn ra tại địa phương.

Tám là, tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến các quy định pháp luật BVMT cho cộng đồng dân cư trong các làng nghề; Tuyên dương những hộ gia đình làm tốt công tác BVMT■

VĂN BẢN MỚI

● Điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Ngày 1/7/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm.

Theo đó, Nghị định quy định điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), nhà xưởng, kho bảo quản thuốc BVTV được bố trí trong khu công nghiệp (KCN), phải đáp ứng các quy định của KCN; Có thiết bị đạt yêu cầu an toàn theo quy định; hệ thống xử lý khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCKTQG) Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Hệ thống xử lý nước thải đạt QCKTQG -QCVN 07: 2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại...; Hệ thống xử lý chất thải rắn (CTR) đáp ứng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu...

● Tăng cường năng lực về quản lý tiếp cận nguồn gen

Ngày 27/6/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1141/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường năng lực về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen (SDNG) giai đoạn 2016 -2025.

Để án đề ra mục tiêu đến năm 2025, hệ thống tổ chức, các công cụ quản lý và kỹ thuật tiếp cận và chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc SDNG, tri thức truyền thống (TTTT) về nguồn gen được hoàn thiện và vận hành hiệu quả, đạt được các kết quả: 90% các cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương và cấp tỉnh có đủ năng lực thực hiện cấp phép, giám sát và kiểm soát các hoạt động tiếp cận nguồn gen, TTTT về nguồn gen; 90% cán bộ quản lý có liên quan tại các Bộ, ngành Trung ương và 70% cán bộ quản lý có liên quan tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đào tạo các kiến thức cơ bản và các quy định quản lý về tiếp cận và chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc SDNG, TTTT về nguồn gen; 80% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn gen và TTTT về nguồn gen...

Để thực hiện mục tiêu trên, Đề án đề ra các nhiệm vụ: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý tiếp cận và chia sẻ lợi ích phát sinh từ



TẠP CHÍ VỚI BẠN ĐỌC

việc SDNG, TTTT về nguồn gen; Nghiên cứu, tiếp thu kiến thức và kinh nghiệm quốc tế về trình tự, thủ tục cấp phép tiếp cận nguồn gen, TTTT về nguồn gen; sự tham gia của các bên liên quan, cơ chế quản lý, chia sẻ và sử dụng lợi ích phát sinh từ việc SDNG, TTTT về nguồn gen; Ban hành các quy trình, thủ tục cấp phép và kiểm tra, giám sát tiếp cận nguồn gen; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về tiếp cận, chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc SDNG, TTTT về nguồn gen...

● Thành lập Tổ công tác thực thi các cam kết về tài nguyên và môi trường của TPP và EVFTA

Ngày 1/7/2016, Bộ TN&MT ban hành Quyết định số 1520/QĐ-BTNMT thành lập Tổ công tác và giao đơn vị đầu mối thực thi các cam kết về TN&MT của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu-Việt Nam (EVFTA).

Tổ công tác có nhiệm vụ: Rà soát các cam kết TN&MT trong TPP, EVFTA; đánh giá tính tương thích và tác động của TPP, EVFTA đối với hệ thống pháp luật TN&MT và lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung và lộ trình sửa đổi, bổ sung; Xây dựng kế hoạch và phân công trách nhiệm thực thi và kế hoạch tuân thủ các cam kết về TN&MT của TPP và EVFTA; Thiết lập quy trình và tổ chức tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, chất vấn của các nhà đầu tư và các nước trong TPP, EVFTA về các vấn đề pháp lý có liên quan; thiết lập cơ chế tuân thủ và minh bạch thông tin về pháp luật và tuân thủ pháp luật theo quy định của TPP, EVFTA; Tham gia giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ TPP, EVFTA, bao gồm: tranh chấp giữa nhà nước với nhà nước (SSDS) và tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với nhà nước (ISDS)...■

★Theo Điều 165 Luật BVMT tại Khoản 1 quy định, sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gồm các mức độ: Có suy giảm, suy giảm nghiêm trọng, suy giảm đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, việc xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường là rất khó khăn vì có nhiều trường hợp hậu quả lại không xảy ra ngay mà phải sau một thời gian, thậm chí nhiều năm sau mới phát hiện, xác định được hậu quả thiệt hại. Vậy Bộ TN&MT đã có những hướng dẫn cụ thể về vấn đề này và ban hành các quy định để đánh giá thiệt hại và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng?

CỬ TRI CÁC TỈNH: HÒA BÌNH, HẢI PHÒNG

Sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được quy định tại Điều 165 Luật BVMT năm 2014 thành các mức: Có suy giảm, suy giảm nghiêm trọng, suy giảm đặc biệt nghiêm trọng. Các nội dung này đã được hướng dẫn cụ thể trong Nghị định số 3/2015/NĐ-CP ngày 6/1/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường tương ứng với các mức độ môi trường bị ô nhiễm, bị ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng và bị ô nhiễm ở mức đặc biệt nghiêm trọng. Bên cạnh đó, Thông tư hướng dẫn cụ thể về tiêu chí phân loại khu vực ô nhiễm môi trường, Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 3/2015/NĐ-CP về đánh giá thiệt hại và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra cũng đang được Bộ TN&MT khẩn trương xây dựng và sẽ sớm được ban hành trong thời gian tới.

★Tỉnh Lào Cai có các khu vực vùng cao núi đá như huyện Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai đang chịu ảnh hưởng nặng nề của của biến đổi khí hậu khiến nguồn nước cạn kiệt, nguy cơ sa mạc hóa rất cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, dân sinh trong mùa khô. Để phục vụ sản xuất và dân sinh, Bộ TN&MT đã có những chương trình, dự án gì phục hồi, cân bằng tài nguyên nước?

CỬ TRI TỈNH LÀO CAI

Ngày 2/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 264/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt cho các tỉnh vùng cao, vùng khan hiếm nước, trong đó giao cho Bộ TN&MT phối hợp với Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN thực hiện Chương trình. Phạm vi Chương trình sẽ được thực hiện tại 44 tỉnh trên cả nước trong đó có tỉnh Lào Cai. Hiện tại, Bộ TN&MT đang khẩn trương phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Chương trình này. Đây sẽ là một trong các Chương trình trọng điểm được thực hiện từ nay đến năm 2020 để đảm bảo an ninh nguồn nước cho các tỉnh đặc biệt khan hiếm nước.

Ngoài ra, Bộ TN&MT đang xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát nguồn nước xuyên biên giới, giai đoạn 1 xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát nguồn nước xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thực hiện tại 8 tỉnh phía Bắc, trong đó có 2 trạm Trinh Tường (sông Hồng) và Tả Gia Khâu (sông Chảy) thuộc tỉnh Lào Cai. Dự án đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư. Các trạm quan trắc, giám sát tài nguyên nước sẽ thực hiện nhiệm vụ quan trắc nguồn nước chảy vào Việt Nam. Dự án này sẽ cung cấp thông tin nguồn nước đến và nguồn nước chảy ra khỏi Việt Nam, phục vụ công tác quản lý, khai thác sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh nguồn nước.



Cái “mất và được” sau vụ việc của Công ty Formosa Hà Tĩnh

VŨ NGỌC LÂN

Sau 3 tháng liên tục tìm kiếm chứng cứ, điều tra, xác minh, nghiên cứu của các Bộ, ngành, địa phương, trong đó có 30 cơ quan cùng với 100 nhà khoa học trong và ngoài nước, dưới sự chỉ đạo kiên quyết của Chính phủ, nguyên nhân cá chết hàng loạt tại 4 tỉnh miền Trung (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế) đã được làm rõ. Đó là do Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Công ty Formosa Hà Tĩnh) có một số hành vi vi phạm làm môi trường biển 4 tỉnh nêu trên bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Formosa Hà Tĩnh đã để xảy ra sự cố làm nước thải xả ra biển có chứa các độc tố phenol, xyanua, hydroxit sắt vượt quá mức cho phép.

Ngày 30/6/2016, Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã tổ chức họp báo công bố nguyên nhân cá chết tại 4 tỉnh miền Trung. Trong buổi họp báo, một đoạn video đã được trình chiếu ghi hình tập thể lãnh đạo Công ty Formosa Hà Tĩnh thừa nhận lỗi. Trong video dài khoảng 5 phút, thay mặt Ban lãnh đạo Công ty cùng hơn 6.300 cán bộ, nhân viên, ông Trần Nguyên Thành, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Formosa Hà Tĩnh đã có bài phát biểu thừa nhận: “Trong quá trình vận hành thử nghiệm của Công ty và kết quả kiểm tra nghiên cứu, đánh giá của Đoàn kiểm tra liên ngành cho thấy, sự cố xảy ra trong nhà máy là nguyên nhân gây ra sự cố môi trường làm hải sản chết hàng loạt tại 4 tỉnh miền Trung của Việt Nam. Công ty xin nhận trách nhiệm và thành thật xin lỗi nhân dân Việt Nam, đặc biệt là nhân dân 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế”.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Formosa Hà Tĩnh cũng xin lỗi Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ Việt Nam vì gây ra sự cố môi trường thời gian qua, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sản xuất, việc làm của người dân và môi trường biển 4 tỉnh miền Trung. “Chúng tôi xin cam kết thực hiện bồi thường thiệt hại về kinh tế cho người dân, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, bồi thường xử lý ô nhiễm, phục hồi môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung”, Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty



▲ Ban Lãnh đạo Công ty Formosa Hà Tĩnh thừa nhận sự cố ô nhiễm môi trường là do Công ty gây ra và cúi đầu xin lỗi Đảng, Nhà nước, Quốc hội và nhân dân Việt Nam

Formosa Hà Tĩnh nhấn mạnh và khẳng định cam kết khắc phục triệt để các tổn tại, hạn chế của hệ thống xử lý chất thải, hoàn thiện công nghệ của nhà máy theo yêu cầu của Bộ/ngành Việt Nam và UBND tỉnh Hà Tĩnh. “Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết với Chính phủ liên quan đến vụ việc này và cam kết không tái diễn các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT và tài nguyên nước của Việt Nam. Chúng tôi mong rằng bằng sự chân thành từ trái tim, sự nỗ lực tối đa trong giải quyết sự cố, chúng tôi sẽ nhận được sự cảm thông của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam”. Ông Trần Nguyên Thành kết thúc bài phát biểu và cùng 6 thành viên lãnh đạo Công ty Formosa Hà Tĩnh đứng lên cúi đầu xin lỗi.

Chắc chắn vụ việc gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa từng xảy ra ở vùng biển Việt Nam do Công ty Formosa Hà Tĩnh gây ra là một trong những sự kiện nổi bật nhất trong năm 2016. Đồng

thời, qua vụ việc này, Chính phủ, các ngành, các cấp, các cơ quan liên quan, trên cương vị, trách nhiệm của mình sẽ rút được nhiều kinh nghiệm trong quá trình kêu gọi đầu tư phát triển đất nước gắn với BVMT. Tác giả bài viết bước đầu có một số suy nghĩ về “cái mất và được” sau vụ việc của Công ty Formosa Hà Tĩnh.

“CÁI MẤT” TỪ VỤ VIỆC CỦA CÔNG TY FORMOSA HÀ TĨNH

Hiện nay, sự thiệt hại về nhiều mặt do sự cố môi trường mà Công ty Formosa Hà Tĩnh gây ra vẫn đang được phân tích, thống kê, làm rõ. Đồng thời, không lường trước và tính toán được hết tác hại của việc xả thải chất độc chưa qua xử lý của Công ty Formosa Hà Tĩnh ra môi trường biển 4 tỉnh miền Trung. Ban đầu mới chỉ là làm chết hàng loạt hải sản. Vậy về lâu dài, sự cố môi trường này liệu có ảnh hưởng gì đến vùng biển và con người tại 4 tỉnh này và một số tỉnh, TP lân cận? Nhưng trước mắt



có thể nhìn thấy, đo đếm được một số thiệt hại và cũng có thể là những “cái mất” chính như sau:

1. Hải sản chết hàng loạt, không thể sử dụng vào việc gì khác ngoài tiêu hủy, không bán được đồng nào lại phải mất công tiêu hủy, vệ sinh môi trường ven biển.

2. Hải sản chết đúng vào dịp bắt đầu mùa du lịch, do vậy, nhiều khu du lịch không chỉ tại 4 tỉnh miền Trung mà nhiều tỉnh lân cận khác vắng khách, nhiều đoàn khách du lịch bỏ chuyến, hủy tour, nhiều người không tắm biển, ăn hải sản sợ độc hại.

3. Hàng trăm nghìn ngư dân ở 4 tỉnh miền Trung bị mất việc, không ra khơi được, ảnh hưởng xấu đến công ăn việc làm, thu nhập, phải chuyển đổi ngành nghề trong điều kiện khó khăn.

4. Chính phủ phải hỗ trợ ngư dân về lương thực, chuyển đổi nghề nghiệp, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm nghìn ngư dân ở 4 tỉnh miền Trung, đồng thời phải huy động nhiều Bộ, ngành, địa phương điều tra, nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân vụ việc, ổn định tư tưởng, tâm lý của nhân dân.

5. Sự cố môi trường của Công ty Formosa Hà Tĩnh làm ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế về việc bảo đảm an toàn môi trường biển trong các dự án đầu tư phát triển kinh tế, đồng thời thủy, hải sản của Việt Nam xuất khẩu ra thị trường quốc tế sẽ bị soi xét kỹ càng hơn.

“CÁI ĐƯỢC” SAU VỤ VIỆC CÔNG TY FORMOSA HÀ TĨNH

Bất kỳ hiện tượng, vụ việc gì cũng có hai mặt của nó. Trong “cái mất” là “cái được”. Vậy sau những “cái mất” từ sự cố môi trường do Công ty Formosa Hà Tĩnh gây ra chúng ta “được” cái gì?

1. “Cái được” lớn nhất sau khi chúng ta tìm ra “thủ phạm” sự cố môi trường ở vùng biển 4 tỉnh miền Trung là lấy được niềm tin của nhân dân đối với Chính phủ trong việc kiên quyết, kiên trì, bình tĩnh xử lý vụ việc, không kiêng nể bất kỳ đối tượng nào vi phạm luật pháp về BVMT, đồng thời công khai, minh bạch sau khi vụ việc được làm rõ. Trong khi “một bộ phận không nhỏ” cán bộ, Đảng viên, trong đó có cả những cán bộ cao cấp suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cùng với sự lãnh đạo, điều hành yếu kém, quan liêu, xa dân của nhiều cấp, nhiều ngành và không ít

cán bộ, lãnh đạo, quản lý, làm giảm lòng tin của người dân đối với Đảng, Nhà nước thì sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ và các thành viên vừa nhận chức đã góp phần làm cho người dân tin tưởng hơn vào một Chính phủ mới vì nước, vì dân.

2. “Cái được” không kém phần quan trọng là sự cố môi trường của Công ty Formosa Hà Tĩnh là dịp để toàn thể cán bộ lãnh đạo, quản lý cao nhất của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đến cán bộ, công chức, đảng viên, người lao động và mỗi người dân có dịp nhận thức một cách sâu sắc, cụ thể, rõ ràng hơn quan điểm: Không đánh đổi lợi ích môi trường lấy lợi ích kinh tế bằng bất cứ giá nào. Câu trả lời cụ thể là: “Việt Nam không đổi sự ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển để lấy thép!”, “Việt Nam không đánh đổi hải sản để lấy thép!”. Có thể nói, bấy lâu nay Việt Nam đã “trải thảm đỏ” để chào đón các nhà đầu tư nước ngoài với mục đích phát triển kinh tế cho ngành, địa phương mà nhiều khi coi nhẹ, thậm chí bỏ qua vấn đề BVMT trong quá trình sản xuất kinh doanh. Sự cố tại Công ty Formosa Hà Tĩnh là bài học cảnh tỉnh cho chúng ta về vai trò, tầm quan trọng của BVMT, bảo đảm phát triển bền vững đất nước nói chung và từng địa phương nói riêng.

3. Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết, chính sách, pháp luật, quy chế, quy định về phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, về công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư, nhất là ở cơ sở đối với các chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế -

xã hội. Tuy nhiên, các chương trình, dự án có vốn đầu tư nước ngoài thì lại không có sự giám sát của người dân. Qua sự cố môi trường của Công ty Formosa Hà Tĩnh, “cái được” rất lớn của các cơ quan, ban, ngành, địa phương là cần phát huy tốt hơn nữa vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, của cộng đồng trong thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

4. Qua vụ việc của Công ty Formosa Hà Tĩnh, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở, cá nhân, những cán bộ lãnh đạo, quản lý, điều hành có được kinh nghiệm xử lý những sự cố về môi trường, nhất là ở những chương trình, dự án liên quan có sự đầu tư của nước ngoài. Đồng thời, các cơ quan, cá nhân liên quan có được kinh nghiệm trong việc phát hiện, “lắp kín” những kẽ hở trong chính sách, pháp luật, trong đó có Luật BVMT, để đối tác không thể lợi dụng vì mục đích kinh tế mà gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

5. Kết quả xử lý, làm rõ, xác minh thủ phạm gây ô nhiễm môi trường tại 4 tỉnh miền Trung một lần nữa bác bỏ những tin đồn thất thiệt, thậm chí vu cáo, khiêu khích, kích động những người nhẹ dạ, cả tin nhằm mục đích gây nhiễu, gây rối tình hình, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng thời, làm cho thế giới hiểu hơn chủ nghĩa nhân văn, cách ứng xử có tình, có lý của người Việt Nam khi phát huy truyền thống: “Đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại” trong trường hợp cụ thể là Công ty Formosa Hà Tĩnh■



BÀI HỌC TỪ VỤ FORMOSA:

Cần xem xét, loại bỏ các dự án đầu tư gây ô nhiễm môi trường

Sự cố môi trường nghiêm trọng do Formosa Hà Tĩnh gây nên một lần nữa đặt ra vấn đề "quyền lựa chọn" của Việt Nam trong thu hút FDI. Để hiểu rõ hơn về chính sách thu hút FDI của Việt Nam những năm gần đây, phóng viên Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với GS. Nguyễn Mai - Chủ tịch Hiệp hội Các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Việt Nam (VAFIE).



▲ GS. Nguyễn Mai - Chủ tịch Hiệp hội VAFIE

★Xin ông cho biết một số chính sách thu hút và sử dụng vốn FDI của Việt Nam những năm gần đây?

GS. Nguyễn Mai: Ngày 27/3/2013 tại Hà Nội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng kết 25 năm hoạt động FDI (1987 - 2012), trên cơ sở đó Chính phủ ban hành Nghị quyết số 103/NQ-CP để ra định hướng mới và hệ thống giải pháp, coi trọng hơn cơ cấu, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội của FDI. Theo đó, Nghị quyết nhấn mạnh đến việc ưu tiên các dự án có công nghệ và dịch vụ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, ít phát thải khí các bon và các loại khí gây hiệu ứng nhà kính, có công nghệ thân thiện với môi trường, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần xây dựng "kinh tế xanh" và bền vững. Đồng thời, Nghị định sửa đổi bổ sung một số ưu đãi đối với dự án FDI, gắn ưu đãi ngành với vùng lãnh thổ. Nếu như trước đây ưu đãi dự án sử dụng nhiều lao động thì hiện nay chỉ ưu đãi dự án đó ở những địa phương kinh tế kém phát triển, không khuyến khích đầu tư vào thành phố.

Thực tế, sau tổng kết 25 năm thu hút FDI, không ít địa phương đã nói

không với các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, những ám ảnh thành tích vẫn luôn khiến các địa phương dành nhiều ưu ái cho các dự án quy mô lớn, mà không lường trước những tác động khôn lường tới môi trường.

★Ông đánh giá thế nào về vụ việc Formosa gây ra thảm họa môi trường biển ở Miền Trung thời gian qua?

GS. Nguyễn Mai: Tôi đồng tình với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ là "đánh kẻ chạy đi, ai đánh kẻ chạy lại." Lãnh đạo Formosa đã cúi đầu nhận lỗi và hứa ngoài 500 triệu USD bồi thường, còn làm cách nào để môi trường trở lại như cũ, bồi thường cho người dân và hỗ trợ chuyển nghề... chắc cũng không ít tiền. Theo quan điểm của tôi, vụ việc vừa qua Chính phủ triển khai rất khoa học và khách quan.

Tuy nhiên, chúng ta

không thể vội vã kết luận như một số người yêu cầu, vì như thế sẽ thiếu những bằng chứng thuyết phục. Do đó mình không rút giấy phép là đúng. Đồng thời Thủ tướng cũng tuyên bố mạnh mẽ nếu Formosa tái phạm thì không thể tha thứ được. Qua vụ Formosa lần này đã cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

★PV: Sau sự cố ô nhiễm môi trường biển do Formosa gây ra tại các tỉnh ven biển miền Trung, theo ông, Việt Nam cần làm gì để tiếp tục thu hút được nguồn vốn FDI có chất lượng cao?

GS. Nguyễn Mai: Thu hút FDI vẫn quan trọng với nền nước ta, nhưng quan trọng là phải biết sử dụng quyền lựa chọn dự án và nhà đầu tư để bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đúng định hướng tăng trưởng với tốc độ cao, bền vững và xây dựng nền kinh tế



xanh đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng XII. Đây là nhiệm vụ của cả Chính phủ, doanh nghiệp, người dân và phải được quan tâm ngay từ việc lựa chọn dự án FDI hay nhà đầu tư.

Theo định hướng đó, tôi kiến nghị Chính phủ nên cân nhắc để chỉ đạo các địa phương hãy thận trọng hơn trong việc lựa chọn những dự án có nguy cơ hủy hoại môi trường như: Lọc dầu, xi măng, sắt thép và dệt nhuộm. Các dự án lọc hóa dầu và xi măng hiện tại của Việt Nam đều dư thừa và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nên tạm dừng triển khai các dự án mới. Ngoài ra, các dự án thép cũng nên dừng lại, bài học dư thừa thép và ô nhiễm ở Trung Quốc vẫn còn đó. Vì vậy, Việt Nam có thể chuyển sang ưu tiên cho các dự án sản xuất hợp kim cao cấp. Đối với các dự án dệt nhuộm, để bảo đảm không xảy ra thảm họa môi trường, Bộ Công Thương phối hợp với Bộ TN&MT nghiên cứu để xây dựng hệ thống chỉ tiêu môi trường và định mức vốn đầu tư xử lý môi trường của từng loại dự án; chỉ khi đã đạt chuẩn về môi trường thì mới được vận hành. Tôi cho rằng, Việt Nam là nước công nghiệp hóa đi

sau, nên cần học hỏi những kinh nghiệm của các nước đi trước để tránh các “vết xe đổ” của họ.

★Từ sự cố này, Việt Nam rút ra bài học gì đối với công tác quản lý môi trường, thưa ông?

GS. Nguyễn Mại: Phải nói rằng, ở đây không chỉ có Formosa có lỗi, mà lỗi còn nằm ở cả hệ thống các cơ quan nhà nước. Ở nước ta hiện nay, hệ thống quản lý nhà nước về môi trường đã được phân cấp từ Trung ương cho đến địa phương, trong đó có cả Cảnh sát môi trường nhưng vẫn để xảy ra sự cố thảm họa môi trường là điều đáng tiếc.

Nếu hệ thống các cơ quan hoạt động có hiệu quả, năng lực chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng, được đầu tư xây dựng thiết bị quan trắc để kịp thời thông tin đến cơ quan có trách nhiệm xử lý thì không để một thảm họa ghê gớm như vậy.

Hiện nay việc đánh giá tác động môi trường chủ yếu dựa

trên báo cáo của nhà đầu tư. Báo cáo đó dường như không có tác dụng thực tế và ít người chú ý đến sau khi dự án đi vào hoạt động. Do đó, trong thời gian tới cần phải chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Nếu thiếu đội ngũ chuyên gia giỏi, thiếu các thiết bị hiện đại... thì khó chuyển sang hậu kiểm được. Vì thế, muốn chuyển sang hậu kiểm chúng ta phải làm một cách bài bản.

Vừa qua, Formosa gây ô nhiễm khiến cá chết hàng loạt như vậy mà chúng ta không biết, vì không có quan trắc; Formosa báo cáo ra sao thì tình biết thế. Vì vậy, phải có hệ thống đầu nối với Nhà máy để quan trắc và được thẩm định, theo dõi bởi các chuyên gia có trình độ. Tuy nhiên, để chuyển sang hậu kiểm có nghĩa là phải thay đổi toàn bộ những cái đang thực hiện hiện tại và bổ sung những cái đang thiếu.

★Xin cảm ơn ông.

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)



▲ Khu liên hợp sản xuất gang thép Formosa - thủ phạm gây sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng



Tập trung bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản sau sự cố môi trường

Sự cố môi trường do Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Formosa Hà Tĩnh) gây ra đã làm cho hệ sinh thái vùng biển miền Trung bị phá hủy. Để khắc phục tình trạng trên, trước hết cần có những giải pháp bảo vệ nguồn lợi biển, giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội và chính sách hỗ trợ các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do hải sản chết bất thường. Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với TS. Lê Thanh Lưu - Giám Đốc Trung tâm Hợp tác Quốc tế Nuôi trồng và Khai thác thủy sản bền vững (ICAFIS) về vấn đề này.



▲ TS. Lê Thanh Lưu - Giám đốc Trung tâm Hợp tác Quốc tế Nuôi trồng và Khai thác thủy sản bền vững (ICAFIS)

***Sự cố môi trường do Công ty Formosa Hà Tĩnh gây ra đã để lại hậu quả lâu dài đối với hệ sinh thái vùng biển miền Trung. Theo ông, cần phải thực hiện những giải pháp gì để tái tạo nguồn lợi thủy sản, phục hồi môi trường biển 4 tỉnh miền Trung?**

TS. Lê Thanh Lưu: Ô nhiễm môi trường tại 4 tỉnh miền Trung đã làm suy thoái nguồn lợi thủy sản. Để tái tạo nguồn lợi thủy sản, trước tiên các nguồn gây ô nhiễm phải được xử lý triệt để. Bên cạnh đó, giám sát thường xuyên môi trường nước biển đối với các chỉ số như xyanua, phenol, sắt...; nghiên cứu khu hệ động, thực vật ở vùng biển 4 tỉnh trên, lựa chọn một số loài quan trọng (cá, giáp xác, nhuyễn thể, san hô), nghiên cứu kỹ thuật tái tạo nhân giống các loài đó và thả vào môi trường tự nhiên.

Hiện nay, vùng biển miền Trung có hai hệ sinh thái rất quan trọng là hệ đầm phá và hệ sinh cảnh san hô, tập trung các nguồn giống thủy sinh vật, nên cần xây dựng các vùng san hô nhân tạo để thu hút các loài cá, tôm và sinh vật khác. Tại các đầm phá, tăng cường trồng rừng ngập mặn ven biển để BVMT sống của các loài thủy sản, đặc biệt là các bãi sinh sản; duy trì, phát triển các hình thức nuôi hữu cơ (nuôi sinh thái), nuôi quảng canh cải tiến ở các vùng bãi bồi, đầm phá, rừng ngập mặn nhằm tạo sản phẩm xuất khẩu chất lượng cao, đồng thời, BVMT sinh thái và nguồn lợi thủy sản.

Mặt khác, cần xây dựng, phát triển các Khu bảo tồn biển; Mô hình đồng quản lý nghề cá, quản lý dựa vào cộng đồng để bảo vệ, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản; Có cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động bảo tồn biển, hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho cộng đồng ngư dân, đặc biệt là ngư dân sống chủ yếu dựa vào khai thác nguồn lợi tự nhiên của khu vực biển 4 tỉnh miền Trung; Đẩy mạnh hoạt động khuyến ngư để phục vụ có hiệu quả hoạt động thủy sản; Tiếp tục thực hiện các đề án, dự án bảo vệ, phục hồi và phát triển nguồn lợi thủy sản phục vụ phát triển nghề cá bền vững; Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm thu hút nguồn tài trợ về tài chính và kỹ thuật để điều tra, nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ, để học hỏi kinh nghiệm quản lý, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản của các nước.

***Xin ông chia sẻ kinh nghiệm của các nước trên thế giới về việc tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản?**

TS. Lê Thanh Lưu: Trên thế giới có một số mô hình về bảo vệ cũng như tái tạo nguồn lợi tự nhiên, có thể nghiên cứu và áp dụng vào Việt Nam. Mô hình đồng quản lý nghề cá ở Nhật Bản là một trong những mô hình thành công nhất trên thế giới, được thực hiện vào năm 1901. Theo đó, toàn bộ vùng biển ven bờ được phân khu và giao quyền sử dụng cho các tổ chức cộng đồng ngư dân hoặc các Hợp tác xã (HTX). Các ngư dân hợp bản xây dựng nội quy đánh bắt trong vùng, trong đó quy định về kích cỡ loài khai thác, sản lượng, ngư cụ khai thác nhằm duy trì sản lượng và có khả năng tái tạo nguồn lợi. Hàng năm, các ngư dân có kế hoạch cụ thể để thả các con giống về



tự nhiên... Về tài chính, Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi cho các tổ chức cộng đồng ngư dân hoặc các HTX như chợ đầu giá, cầu lên cá, kho lạnh... Bên cạnh đó, các tổ chức ngư dân hay HTX chủ động thực hiện thuê các Viện nghiên cứu để sản xuất giống tái tạo vào tự nhiên và nuôi trồng các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, khoanh vùng bảo vệ; xác định sản lượng đánh bắt từng thời kỳ đối với một số loài nhất định.

Ở Việt Nam, các mô hình đồng quản lý nghề cá đã được các dự án ODA hỗ trợ đưa vào thử nghiệm trong ngành thủy sản bước đầu đã đạt những kết quả nhất định. Tiêu biểu là một số mô hình đồng quản lý nghề cá ở Quảng Điền (Thừa Thiên - Huế), Bình Đại (Bến Tre), Buôn Triết (Đắk Lắk)... Trong thời gian tới, nên triển khai các mô hình này tại các tỉnh miền Trung để công tác bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản được thực hiện hiệu quả.

★ Ông có thể cho biết, một số chính sách của Nhà nước về bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản hiện nay?

TS. Lê Thanh Lưu: Luật Thủy sản năm 2003, có hiệu lực ngày 1/7/2004 là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản. Điều 8 của Luật Thủy sản đã quy định rõ, Nhà nước có chính sách bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là các loài thủy sản đang có nguy cơ tuyệt chủng, loài quý hiếm, loài có giá trị kinh tế cao và ý nghĩa khoa học; khuyến khích nghiên cứu khoa học để có các biện pháp phù hợp, đầu tư sản xuất giống thủy sản để thả vào môi trường sống tự nhiên và tạo ra các vùng cư trú nhân tạo nhằm tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Bên cạnh đó, nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản, ngày 13/10/2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa đến năm 2020, với mục tiêu: Từng bước hình thành hệ thống các khu bảo tồn nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản; khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lợi, bảo đảm cân bằng sinh thái, giữ gìn đa dạng sinh học các vùng nước nội địa ở mức độ cao; Giám sát, kiểm soát các biến động về đa dạng sinh học, hệ sinh thái, các loài thủy sinh quý hiếm tại từng khu bảo tồn, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư và góp phần BVMT sinh thái.

Ngoài ra, Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020 cũng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/2/2012. Mục tiêu của Chương trình nhằm phục hồi nguồn lợi thủy sản, các loài thủy sản có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nguồn lợi thủy

sản vùng ven bờ; gắn với quản lý có hiệu quả các hoạt động khai thác thủy sản nhằm phát triển ngành khai thác thủy sản bền vững, đồng thời giữ gìn tính đa dạng sinh học của tài nguyên sinh vật biển Việt Nam; Đến năm 2020, cơ bản phục hồi nguồn lợi hải sản vùng ven bờ, đặc biệt là một số loài hải sản làm nguyên liệu chế biến cho các sản phẩm thủy sản gắn với làng nghề truyền thống có thương hiệu tại Việt Nam...;

Mặt khác, trong Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1445/QĐ-TTg, ngày 16/8/2013 cũng nêu rõ, phát triển thủy sản theo các vùng sinh thái, cụ thể: Phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ khu vực cửa sông, ven biển, đầm phá (các loài tôm sú, tôm chân trắng, tôm hùm, nhuyễn thể, cá cảnh biển, các loài hải đặc sản, rong biển...) theo phương thức thâm canh và bán thâm canh. Phát triển nuôi trồng các loài cá biển, rong biển... tại các vùng khu vực quanh các đảo, quần đảo. Đồng thời, hình thành 6 Trung tâm nghề cá lớn, trong đó 5 Trung tâm nghề cá (TTNC) lớn gắn với các ngư trường trọng điểm: TTNC Hải Phòng, gắn với ngư trường vịnh Bắc bộ; TTNC Đà Nẵng, gắn với ngư trường Biển Đông và Hoàng Sa; TTNC Khánh Hòa, gắn với ngư trường Nam Trung bộ và Trường Sa; TTNC Bà Rịa - Vũng Tàu, gắn với ngư trường Đông Nam bộ; TTNC Kiên Giang, gắn với ngư trường Tây Nam bộ; Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ, gắn với vùng nuôi trồng thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long.

★ Xin cảm ơn ông!

NHẬT MINH (Thực hiện)



▲ Mô hình đồng quản lý nghề cá đã phát huy hiệu quả nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản



Bài học từ việc mất rừng ở khu vực Tây Nguyên và giải pháp bảo vệ rừng tại Việt Nam

ThS. MAI HỒNG QUÂN

Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học

Tổng cục Môi trường

Ngày 20/6/2016, tại Hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020 được tổ chức tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã tuyên bố đóng cửa rừng tự nhiên ở Tây Nguyên, không chuyển đổi hơn 2,25 triệu hécta rừng tự nhiên còn lại sang mục đích khác, kể cả dự án đã được phê duyệt, trừ các dự án liên quan an ninh quốc phòng; không có chủ trương chuyển rừng nghèo, rừng cạn kiệt sang trồng cây công nghiệp. Thủ tướng yêu cầu rà soát giấy phép các cơ sở chế biến gỗ tự nhiên, qua đó phát hiện những sai phạm để xử lý nghiêm; ngừng cấp phép cho các thủy điện liên quan đến chiếm đất rừng và rừng; yêu cầu các dự án thủy điện thực hiện nghiêm trồng rừng thay thế; kiên quyết thu hồi giấy phép đối với những dự án không chấp hành trồng rừng thay thế.

1. THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN TÌNH TRẠNG MẤT RỪNG Ở TÂY NGUYÊN

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương chính sách để phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH), quốc phòng - an ninh Tây Nguyên; trong đó có các mục tiêu phấn đấu nâng cao tỷ lệ che phủ rừng Tây Nguyên, song thực tế cho thấy, tài nguyên rừng đang ngày càng suy giảm nghiêm trọng.

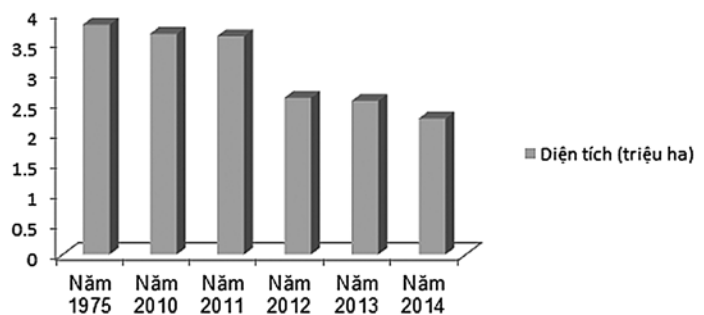
Theo Bộ NN&PTNT, tính đến ngày 31/12/2014, Tây Nguyên có hơn 2.567.118 ha đất có rừng, giảm 180.000 ha so với năm 2010. Trong đó, diện tích rừng giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng 110.000 ha (trồng cao su, cây công nghiệp, cây ăn quả...); quy hoạch địa phương 37.800 ha (xây dựng thủy điện, công trình giao thông, công trình công cộng...); phá rừng và lấn chiếm đất rừng 122.900 ha (chiếm 45%)... Trong vòng 5 năm (từ năm 2010 - 2014), trữ lượng rừng Tây Nguyên cũng giảm hơn 57 triệu m³ (giảm từ 327 triệu m³ năm 2010 xuống 270 triệu m³ năm 2015); diện tích rừng giảm tới 6,1%, đưa độ che phủ của rừng từ 51,8 % xuống chỉ còn hơn 45%. Đặc biệt, chất lượng rừng nhất là trữ lượng gỗ đã giảm tới 17,4%.

Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2015, toàn vùng Tây Nguyên đã xảy ra 3.641 vụ vi phạm lâm luật, trong đó có 93 vụ lấn chiếm đất lâm nghiệp, phá rừng trái phép lấy đất sản xuất. Trọng điểm khai thác gỗ trái pháp luật ở Tây Nguyên tập trung chủ yếu tại các khu vực còn nhiều rừng

tự nhiên, khu vực biên giới, khu vực giáp ranh, các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, Vườn quốc gia Yok Đôn, Chư Yang Sin (Đắk Lắk), Khu Bảo tồn thiên nhiên Đắk Uy (Gia Lai)...

DIỄN BIẾN RỪNG TÂY NGUYÊN 1975-2014

(Nguồn: Bộ NN&PTNT)



Có ba nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng suy giảm tài nguyên rừng và đa dạng sinh học (ĐDSH) ở khu vực Tây Nguyên. *Thứ nhất*, do việc chuyển mục đích sử dụng rừng để xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng như thủy điện, thủy lợi, giao thông kể cả các công trình tái định canh, định cư và chuyển cho các dự án phát triển KT-XH của khu vực. *Thứ hai*, do hành vi phá rừng trái pháp luật để lấy đất sản xuất

trước sự cạnh tranh của các cây nông sản hàng hóa khác, thậm chí là phá rừng để lấy đất sang nhượng trái pháp luật. *Thứ ba* là nạn khai thác trái phép các loài động vật, thực vật rừng. Tại các Vườn quốc gia và khu bảo tồn khu vực Tây Nguyên, hàng năm, Ban quản lý các cơ sở này đã thu giữ hàng trăm bẫy thú và xe máy, xe đạp thổ (tự chế) của các đối tượng sử dụng để săn bắt, vận chuyển lâm sản trái phép.



2. NHỮNG HỆ LỤY TỪ VIỆC MẤT RỪNG

Sự xuất hiện các hiện tượng thời tiết cực đoan: Phá rừng là một trong những nguyên nhân làm xuất hiện các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa bão, lũ lụt với cường độ và tần suất mạnh lên. Theo nghiên cứu của Quỹ Châu Á, trong 20 năm qua, Việt Nam là một trong 5 nước có rủi ro thiên tai cao nhất thế giới, với mức thiệt hại ước tính chiếm 1,5% GDP hàng năm. Theo phương pháp chuyển đổi giá trị trung bình trong vòng 10 năm (từ năm 2005 đến năm 2014), trung bình hàng năm ở Việt Nam có đến khoảng 649 đợt thiên tai xảy ra như lũ lụt, mưa đá, bão, lũ quét, lốc xoáy, sạt lở; 469.526 ngôi nhà bị phá hủy, 174.653 ngôi nhà bị hư hỏng và khoảng 2.715 người bị mất do các thảm họa tự nhiên gây ra. Bên cạnh đó là các hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất... đã và đang gây trở ngại cho sự phát triển của đất nước.

Suy giảm ĐDSH: Trên thực tế, rừng vẫn đang bị tàn phá, làm suy giảm về số lượng và chất lượng. Mất rừng là mất nơi trú ẩn, sinh cảnh của các loài động vật, mất đi các nguồn gen quý... Theo ước tính, Việt Nam đang mất đi 137 loài thực vật, động vật và côn trùng mỗi ngày do phá rừng nhiệt đới, con số này tương đương với 50.000 loài mỗi năm. Phá rừng đang đóng góp vào sự tuyệt diệt của các loài động thực vật.

Cạn kiệt nguồn nước: Rừng có vai trò rất quan trọng cho việc giữ nước, ngăn lũ. Nước ngầm xuống đất làm tăng lượng nước ngầm, theo đó các mạch nước cung cấp cho các dòng sông. Theo thống kê của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, hạn hán và xâm nhập mặn làm cho 475.000 hộ dân thiếu nước sinh hoạt. Trong trồng trọt, thiệt hại về lúa là gần 248.000 ha; cây công nghiệp là 129.000 ha, thủy sản là hơn 5.000 ha, hoa màu là 19.000 ha và cây ăn quả là hơn 52.000 ha.

Gia tăng biến đổi khí hậu: Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới còn là nơi chủ yếu tích lũy trữ lại nguồn khí CO₂ phát thải ra, để tạo thành chất hữu cơ. Sự tàn phá rừng, không những làm mất cân bằng sinh thái mà còn làm giảm khả năng hấp thụ CO₂ và gián tiếp làm tăng thêm lượng khí CO₂ phát thải ra khí quyển, góp phần làm cho biến đổi khí hậu toàn cầu tăng nhanh. Như vậy, sự suy giảm diện tích rừng đã thúc đẩy sự gia tăng của biến đổi khí hậu, ngược lại sự nóng lên của Trái đất cũng tác động đến sự tồn tại và phát triển của các loài động thực vật.



▲ Phá rừng không chỉ làm mất cân bằng sinh thái mà còn thúc đẩy sự gia tăng của biến đổi khí hậu

3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO VỆ RỪNG TẠI VIỆT NAM

Từ thực trạng rừng của Tây Nguyên, câu chuyện quản lý, bảo vệ "lá phổi xanh" đã, đang và sẽ có nhiều vấn đề phải suy ngẫm. Đã đến lúc cần nhìn nhận BVMT sinh thái, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở mức độ cao nhất, nghiêm túc và quyết liệt nhất. Bên cạnh đó là các giải pháp thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tuyên bố đóng cửa rừng khu vực Tây Nguyên của Thủ tướng Chính phủ là giải kịp thời và cần thiết nhằm bảo vệ tài nguyên rừng hiện có. Tuy nhiên, cần phải làm rõ trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan đến việc làm mất rừng và đưa ra các giải pháp toàn diện bảo vệ rừng.

Tiến hành rà soát hiện trạng các dự án đã và đang thực hiện trên phạm vi cả nước. Quyết tâm đình chỉ, thu hồi những dự án kém hiệu quả, dừng những dự án gây ảnh hưởng đến rừng tự nhiên; không cấp phép cho các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng là rừng tự nhiên. Bên cạnh đó cần đánh giá các chính sách liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để sửa đổi và ban hành những chính sách có hiệu quả, đảm bảo

bảo vệ tốt tài nguyên rừng, tài nguyên ĐDSH.

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về bảo vệ và phát triển rừng các cấp, xây dựng quy chế hoạt động và giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo; Chỉ đạo các cơ quan chức năng tỉnh, tiến hành kiểm tra, truy quét "đầu nậu", xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật và những cơ quan, chủ rừng, đặc biệt là những người có thẩm quyền nhưng thiếu trách nhiệm, tiêu cực để xảy ra tình trạng phá rừng, lấn chiếm, tái lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác trái phép tài nguyên rừng.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý và giám sát các cơ sở chế biến gỗ, kiên quyết xử lý nghiêm các cơ sở chế biến gỗ bất hợp pháp hoặc cố tình không tuân thủ các quy định pháp luật. Bên cạnh đó tăng cường sự giám sát của nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức. Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong việc bảo vệ rừng và phát hiện những sai phạm, tội phạm và xử lý kịp thời.

Triển khai các chiến dịch truyền thông nâng cao ý thức của cộng đồng, tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý các cấp trong công tác bảo vệ rừng■



Thiết bị hỗ trợ trong hoạt động quan trắc môi trường không khí

TS. DƯƠNG THÀNH NAM

Trung tâm Quan trắc Môi trường

Tổng cục Môi trường

Bơm thu mẫu khí (model C2P) là thiết bị hỗ trợ trong hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh và môi trường lao động với các đặc tính kỹ thuật phù hợp, hoạt động ổn định và độ tin cậy cao do Trung tâm Quan trắc Môi trường nghiên cứu, chế tạo đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN cấp Giấy chứng nhận bảo hộ và cấp bằng độc quyền sáng chế.

Phương pháp lấy mẫu hấp thụ để phân tích nồng độ các chất trong môi trường không khí đã được nghiên cứu phát triển từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Các phương pháp lấy mẫu khí đang được các đơn vị thực hiện quan trắc môi trường đối với thành phần môi trường không khí xung quanh (VOC, SO₂, NO₂ và CO₂) hay môi trường lao động đều sử dụng theo tiêu chuẩn như NIOSH 1501 (lấy mẫu khí VOC), TCVN 5968:1995 (lấy mẫu khí SO₂), TCVN 6137:2009 (lấy mẫu khí NO₂), TCVN 5973:1995 (lấy mẫu khí CO₂)... Đi kèm là các loại thiết bị lấy mẫu khí (bơm hút khí) lưu lượng thấp. Phương pháp này vẫn chứng tỏ các ưu điểm: đơn giản, dễ thực hiện triển khai, chi phí thấp (chủ yếu là chi phí cho thiết bị lấy mẫu khí).

Trên thị trường có rất nhiều hãng cung cấp thiết bị thu mẫu khí như Sibata, SKC, Gilair, Kimoto, Sensydine, Staplex... Tuy nhiên, các thiết bị này cũng gặp phải một số khó khăn như một bơm chỉ lấy được một loại khí, kinh phí đầu tư cho một thiết bị lớn (30 ÷ 45 triệu/thiết bị), thời gian nhập khẩu lâu (6 ÷ 8 tuần), bảo hành/bảo dưỡng phải gửi về hãng... Trong khi đó, thiết bị thu mẫu khí được chế tạo trong nước còn hạn chế, đặc biệt chưa có loại bơm lấy mẫu khí nào được chế tạo hoàn thiện về công năng và mạch điều khiển (được đăng ký theo Luật Sở hữu trí tuệ).

Với mong muốn chế tạo bơm thu mẫu khí đơn giản phù hợp với điều kiện Việt Nam, tự chủ về mặt công nghệ, hướng tới công năng sử dụng và tương tác thân thiện với quan trắc viên, nhóm nghiên cứu Trung tâm Quan trắc Môi trường đã phát triển thiết bị hoàn thiện về mặt kỹ thuật và phần mềm điều khiển.

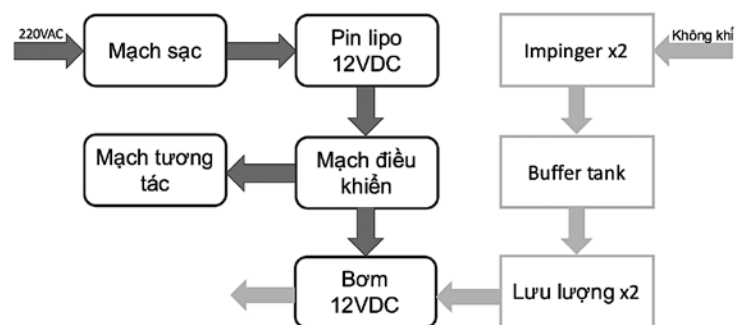
NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ CẤU TRÚC BƠM THU MẪU KHÍ

Bơm thu mẫu khí được thiết kế và xây dựng theo yêu cầu về phương pháp lấy mẫu được trình bày trong TCVN 5969:1995 (ISO 4220: 1983) và TCVN 5978:1995 (ISO 4221: 1983).

Nguyên tắc hoạt động của bơm thu mẫu khí: Các chất khí trong không khí sẽ được hút cưỡng bức vào trong ống impinger có sẵn hóa chất hấp thụ hoặc các cột lọc bằng bơm thu mẫu khí. Đồng thời, để dòng khí ổn định với lưu lượng phù hợp tiêu chuẩn thì cần phải sử dụng lưu lượng kế dạng.

Người sử dụng sẽ nhập các thông số thông qua các phím bấm và màn hình hiển thị. Thông qua các thông tin nhập từ người sử dụng như thời gian lấy mẫu, thời gian trễ, lưu lượng khí cần lấy..., mạch điều khiển sẽ điều khiển công suất hoạt động của bơm và điều khiển thời gian đóng mở bơm để đáp ứng nhu cầu người sử dụng.

Cấu trúc của bơm thu mẫu khí gồm 2 phần chính: phần thu mẫu khí và phần điện (Hình 1). Trong đó, hai phần quan trọng nhất là mạch điều khiển và mạch tương tác với người sử dụng.



▲ Hình 1: Sơ đồ cấu tạo của bơm C2P

KẾT QUẢ CHẾ TẠO BƠM THU MẪU KHÍ

Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: Ngày 13/5/2016, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành

Quyết định số 27623/QĐ-SHTT về việc bảo hộ và cấp bằng độc quyền sáng chế cho sản phẩm bơm thu mẫu khí (model C2P). Bằng có hiệu



lực trong vòng 5 năm kể từ ngày nộp đơn (ngày 10/8/2015) và có thể gia hạn tiếp sau đó.

Bơm thu mẫu khí (model C2P) được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp với các đặc điểm: Bơm có hình dạng là một khối hộp chữ nhật với tỷ lệ chiều dài/chiều rộng/chiều cao là 215 mm/180 mm/140 mm, bao gồm hai phần: phần nắp hộp và phần thân hộp. Nắp hộp

được gắn với thân hộp bằng 11 ốc vít chìm và tay cầm hình chữ U. Các mặt trước, sau, trái, phải của hộp đều có dạng hình chữ nhật, phía trên và phía dưới hơi vát. Mặt dưới của hộp hình chữ nhật, hơi vát ở các cạnh.

Mặt trước có cấu tạo 2 lưu lượng kế để điều chỉnh dòng khí, 1 màn hình hiển thị kết quả, 4 nút điều khiển (mode, down, up, enter)

và 3 đèn báo trạng thái (status, AC, charge). Mặt sau được thiết kế 1 ổ cắm USB, 1 cắm nguồn điện và 1 công tắc. Mặt trái, mặt phải tương tự nhau và được thiết kế thêm bộ gá 2 ống impinger để lấy mẫu khí. Mặt trên có dạng hình chữ nhật với màu xanh và có tay cầm bằng inox. Mặt dưới được thiết kế vít ren chìm để bắt giá đỡ thiết bị.



▲ Hình 2: Kiểu dáng công nghiệp của bơm thu mẫu khí (C2P)



▲ Hình 3: Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và Catalogue của bơm thu mẫu khí (C2P)

Đặc tính kỹ thuật của thiết bị: Quá trình kiểm tra các thông số kỹ thuật về độ chính xác, độ lặp lại, tuân thủ theo quy trình kiểm tra, quy trình hiệu chuẩn cho thấy, bơm C2P hoàn toàn đáp ứng về kỹ thuật đo lường, có khả năng đáp ứng tốt việc lấy mẫu khí với các dải đo khác nhau trong khoảng lưu lượng thấp ($0 \div 2$) L/min. Mẫu bơm C2P cũng

được lựa chọn ngẫu nhiên và thực hiện thử nghiệm theo quy định bởi Viện Đo lường Việt Nam, đã cho kết quả tương đương với sự sai khác không đáng kể. Như vậy có thể nhận định về khả năng hoạt động tốt và ổn định của bơm C2P là hoàn toàn đáp ứng về mặt đo lường và phương pháp đo theo TCVN.

Ưu thế về công năng và hiệu suất:

Sau một số thử nghiệm, C2P được lựa chọn sử dụng Pin Lipo dung lượng cao với thời gian sử dụng hiệu năng lý thuyết từ $6 \div 8$ giờ chạy liên tục. Chế độ thử nghiệm thời lượng sử dụng pin cho kết quả, với 3 bơm C2P ngẫu nhiên được lựa chọn, thời gian trung bình đạt được là 7,76 giờ (tương đương với khoảng 7h45' sử dụng khi pin được sạc đầy).



Ngoài ra, thiết bị cũng được tích hợp ngõ vào điện nguồn để có thể chạy trực tiếp khi cần sử dụng thiết bị liên tục trong thời gian dài hoặc khi pin gặp sự cố. Khi chạy ở chế độ trực tiếp này, mạch sạc sẽ tự động ngắt nguồn điện không đi qua pin để đảm bảo hiệu năng và an toàn. Một giải pháp khác cũng được thiết kế đáp ứng khả năng vận hành liên tục tại hiện trường là adapter kết nối với ắc quy cho khả năng chạy liên tục khi pin yếu và tại những nơi không có điện lưới.

Với 2 lưu lượng kế được tích hợp và vận hành đồng thời, bơm C2P cho phép người sử dụng thực hiện lấy mẫu đồng thời 2 thông số khác nhau hoặc lấy mẫu lặp cùng thông số tại cùng một thời điểm (mẫu QC). Đây chính là điểm cải tiến của C2P so với các loại bơm khác trên thị trường về công năng sử dụng thực tiễn.

Hiệu quả kinh tế và khả năng ứng dụng: Qua so sánh với các thiết bị của các hãng nước ngoài cũng như nhu cầu sử dụng thiết bị thu mẫu khí ở Việt Nam thì thiết bị C2P đáp ứng được những yêu cầu như: dải lưu lượng ($0,2 \div 2$) L/min với 2 đầu hút mẫu khí để thu thập đồng thời cùng một lúc song chỉ sử dụng 1 bơm hút. Giá thành chế tạo thiết bị C2P bằng khoảng 1/2 so với các thiết bị khác trên thị trường mà vẫn đảm bảo đặc tính kỹ thuật. Thiết bị này hỗ trợ việc lấy mẫu khí ở thực địa nên cần có thời gian hoạt động độc lập dài lên đến 8 tiếng. Lấy mẫu được cùng lúc 2 thông số bằng 2 đường riêng biệt nên rút ngắn thời gian lấy mẫu hiện trường 1/2 so với thông thường. Tăng hiệu quả kinh tế trong triển khai lấy mẫu thực địa và giảm thời gian làm việc của quan trắc viên ngoài hiện trường. Thiết kế cứng cáp, nhỏ gọn, nhẹ, tránh va đập trong quá trình vận chuyển, sử dụng và đáp ứng tính thẩm mỹ.

Tuy vậy, C2P vẫn còn một số những hạn chế cần cải tiến. Trong thời gian tới, nhóm nghiên cứu sẽ tiếp tục thu nhỏ mạch điều khiển, pin và các yếu tố kỹ thuật khác để C2P trở thành một thiết bị đa năng, có thể vận hành trong các điều kiện khác nhau và đáp ứng các phương pháp, mục đích lấy mẫu không khí khác nhau.

Hy vọng trong thời gian tới, sản phẩm C2P của Trung tâm Quan trắc Môi trường sẽ là sản phẩm thương mại, cung cấp ra thị trường phục vụ cho người sử dụng để khắc phục những hạn chế về giá thành và sự phụ thuộc do phải nhập ngoại, phù hợp và phát huy hiệu quả trong điều kiện của Việt Nam■

Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý chất lượng không khí



▲ Ông Mark Looney,
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Trưởng đại diện
Công ty ESS tại Việt Nam

Hiện nay, chất lượng không khí đang có dấu hiệu ô nhiễm do các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, việc tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để quản lý chất lượng không khí là cần thiết. Trong những năm gần đây, Công ty Environmental Source Samplers Inc (ESS) đã đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam về chuyển giao khoa học công nghệ trong kiểm soát khí thải, góp phần BVMT bền vững. Để tìm hiểu về công tác phát triển dịch vụ quan trắc, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Mark D.Looney - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Trưởng đại diện Công ty ESS tại Việt Nam về vấn đề này.

***Xin ông cho biết một số hoạt động của Công ty về phát triển dịch vụ quan trắc khí thải?**

Ông Mark D.Looney: ESS là đơn vị tư vấn quốc tế trên lĩnh vực môi trường, được thành lập vào năm 1979 tại Mỹ (North Carolina). Hiện Công ty có 6 văn phòng đại diện đặt tại 4 quốc gia: Việt Nam (có 2 văn phòng ở TP. Hà Nội và Hồ Chí Minh), Philippin (Manila), Trung Quốc (Guangzhou), Hàn Quốc (Seoul). Công ty

ESS chuyên cung cấp dịch vụ quan trắc khí thải và đo đạc tại nguồn, áp dụng công nghệ tiên tiến, với hệ thống thiết bị hiện đại, phần mềm thu thập dữ liệu, cấp nối trung tâm và hệ thống điều hòa.

Tại châu Á, Công ty ESS triển khai lắp đặt các thiết bị tự động lấy mẫu từ ống khói của các nhà máy công nghiệp; phân tích môi trường không khí bên trong và bên ngoài các cơ sở công nghiệp; đánh giá hiệu suất



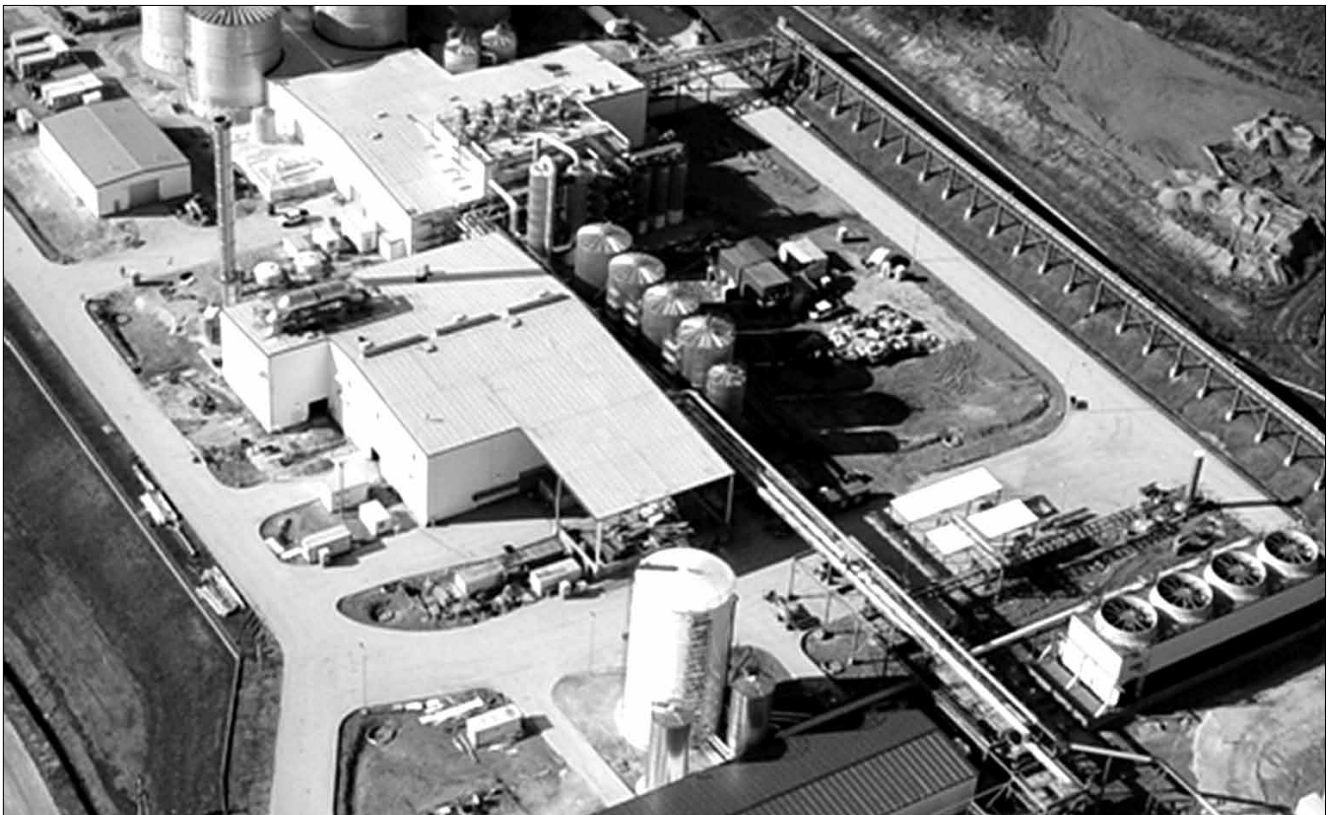
tại nhà máy nhiệt điện; lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải liên tục tại nguồn, hệ thống được quy định bắt buộc với các nhà máy công nghiệp; thiết kế, lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc môi trường xung quanh liên tục; tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quan trắc môi trường (QTMT) về đo khí thải công nghiệp... Các hệ thống thiết bị của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các Tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như hệ thống giám sát lưu lượng và độ đục tuân thủ quy định phát thải và quy trình giám sát (CEMS AMP - cherokee) ; Hệ thống quan trắc liên tục mật độ bụi (CEMS); Thiết bị đo cảm biến chất lượng không khí (Aeroqual)... Mặt khác, các thiết bị QTMT của Công ty có thể đo liên tục các chất ô nhiễm không khí phổ biến như O_3 , NO_2 , CO ... và đưa ra các thông số khí tượng như mưa, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ và hướng gió. Hệ thống thiết bị này được lắp đặt liên kết trong một mạng lưới, kết hợp với thu thập dữ liệu từ xa tạo thành hệ thống giám sát môi trường xung quanh, phù hợp đối với quy mô TP hay khu công nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp hệ thống

dữ liệu định dạng điện tử 24/24 giờ, gửi báo cáo quan trắc trực tiếp tới khách hàng với các nội dung: Kết quả, địa điểm lấy mẫu, bảng dữ liệu hiện trường, dữ liệu hoạt động, dữ liệu phòng thí nghiệm và hiệu chuẩn.

Để đảm bảo yêu cầu chất lượng, Công ty có 1 phòng thí nghiệm đặt tại Hà Nội, với 21 m² đáp ứng nhu cầu phân tích các mẫu như: Phân tích bụi và kim loại, thủy ngân; Chuẩn độ SO_2 , H_2S , H_2SO_4 ; phân tích hợp chất bằng ion và xác định yếu tố phản ứng của các chất. Với mục tiêu thử nghiệm chất lượng khí thải, lấy mẫu và báo cáo dữ liệu phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Công ty sẽ bảo mật dữ liệu một cách nghiêm ngặt theo căn cứ thông số kỹ thuật ISO 17025.

★Để quản lý chất lượng không khí, Việt Nam cần tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến. Vậy, ông có thể giới thiệu một số công nghệ về hệ thống giám sát và quan trắc khí thải đã được Công ty áp dụng ở Việt Nam?

Ông Mark D.Looney: Việt Nam đang đứng ở ngưỡng ô nhiễm không khí nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân, đặc biệt tại những khu đông dân cư như TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Ở Hà Nội, tình trạng ô nhiễm không khí hiện đang có dấu hiệu tăng lên do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là sự gia tăng số lượng ô tô, xe máy. Ngoài ra, các công trình xây dựng cũng làm gia tăng



▲ Nhà máy Ethanol Đông Âu được Công ty ESS kiểm tra phát thải trước khi đưa vào vận hành



nồng độ bụi. Theo số liệu của Trung tâm quan trắc môi trường (Tổng cục Môi trường), giá trị bụi PM_{10} và $PM_{2,5}$ tăng cao tại một số thời điểm.

Do đó, để quản lý chất lượng không khí, Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung cần phải lắp đặt hệ thống giám sát môi trường không khí xung quanh liên tục để quan trắc các chỉ số ô nhiễm. Hiện Công ty ESS đã lắp đặt hệ thống giám sát môi trường không khí tại Đại sứ quán Mỹ ở TP. Hà Nội và Hồ Chí Minh; Trường Quốc tế Liên hợp quốc tại khu Ciputra - Hà Nội; Viện TN&MT tỉnh Bình Dương. Ưu điểm nổi bật của hệ thống này là giúp cho các trường học và đơn vị cập nhật được các chỉ số môi trường xung quanh có tính chất ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe như TSP, $PM_{2,5}$, PM_{10} ... từ đó có những kế hoạch hay biện pháp điều chỉnh hoạt động hàng ngày. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức của người dân về tầm quan trọng của chất lượng không khí và giúp các nhà quản lý đưa ra những chính sách, giải pháp BVMT hiệu quả.

***Được biết, trong những năm gần đây, Công ty đã triển khai nhiều dự án điển hình về xử lý mẫu khí thải đặc biệt nguy hại mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng. Ông có thể cho biết về kết quả, cũng như những thách thức, khó khăn của Công ty khi triển khai các dự án này?**

Ông Mark D.Looney: Từ năm 2005 đến nay, Công ty ESS đã thực hiện nhiều dự án về QTMT, trong đó điển hình là Dự án lấy mẫu khí thải đặc biệt và nguy hại tại khu vực địa lý xa bờ. Dự án do Trung tâm Giám sát môi trường Mỹ đặt hàng, với mục tiêu phân loại đất bị ảnh hưởng, đo khí thải từ quá trình xử lý, giám sát không khí xung quanh tại khu vực đất bị nhiễm độc, đóng gói và vận chuyển mẫu, báo cáo các thông số đạt ngưỡng an toàn. Khi triển khai Dự án, Công ty cũng gặp một số thách thức như: Dự án ở khu vực xa, không khí nóng bức, tạo áp lực về nhiệt đối với các kỹ sư, không có dịch vụ thương mại. Đây cũng là Dự án có sự giám sát chặt

chẽ của cơ quan quản lý. Sau 1 năm triển khai, Dự án đã thu được kết quả tích cực, các hóa chất độc hại và chất ô nhiễm từ đất của khu vực này được xử lý đạt ngưỡng an toàn và không ảnh hưởng tới con người, động thực vật.

Ngoài ra, một dự án khác cũng được đánh giá cao là Dự án kiểm tra phát thải trước khi đưa vào vận hành Nhà máy Ethanol Đông Âu. Đây là Dự án được tài trợ bởi Ngân hàng phát triển đa phương (Mỹ) và Tổng Công ty Đầu tư tư nhân nước ngoài (OPIC). Mục tiêu của Dự án nhằm kiểm tra phát thải trước khi đưa vào vận hành các bộ phận của Nhà máy, bao gồm: Khu vực sản xuất ethanol sinh học, Nhà máy điện, Nhà máy làm khô, khung xe tải và chất oxy hóa nhiệt, hấp thụ các bon dioxit; nghiên cứu về môi trường xung quanh khu vực Nhà máy. Tuy nhiên, khi triển khai, Dự án gặp một số thách thức như: Dự án nằm tại một khu vực hẻo lánh ở Đông Âu, với địa hình hiểm trở nên việc vận chuyển thiết bị, giao thông đi lại khó khăn. Mặc dù thế, kết quả kiểm tra những mẫu thu được và môi trường không khí xung quanh Nhà máy đều đạt ngưỡng an toàn. Khi đi vào hoạt động, mỗi năm Nhà máy tiêu thụ 575 nghìn tấn ngô, sản xuất 240 triệu lít ethanol sinh học và sản xuất 175 nghìn tấn hạt ngô chưng cất khô, tạo công ăn việc làm cho 680 công nhân.

***Trong thời gian tới, Công ty sẽ triển khai những hoạt động gì để đẩy mạnh hợp tác chuyển giao khoa học công nghệ trong kiểm soát khí thải tại Việt Nam, thưa ông?**

Ông Mark D.Looney: Việt Nam đã hoàn thiện các

quy định pháp luật về phát triển dịch vụ QTMT, đồng thời tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, phù hợp với chủ trương xã hội hóa dịch vụ QTMT. Đây là những điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục triển khai kế hoạch dài hạn ở Việt Nam. Đặc biệt, mới đây tại Hà Nội, Tổng cục Môi trường và Công ty ESS đã phối hợp tổ chức Hội thảo ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý chất lượng không khí.

Trong thời gian tới, Công ty ESS sẽ tổ chức Chương trình hợp tác về QTMT với Việt Nam, nhằm tăng cường trao đổi các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực môi trường. Qua đó, đẩy mạnh hợp tác chuyển giao công nghệ trong kiểm soát khí thải tại Việt Nam, cũng như tìm các cơ hội cùng phát triển và tăng cường năng lực mỗi bên.

Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty sẽ thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo định kỳ, đây là cầu nối mang đến những thiết bị, phương pháp mới về QTMT của các tổ chức ở Mỹ hay châu Âu để phát triển tại thị trường châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng. Cùng với đó, Công ty cũng tổ chức khóa đào tạo cho các cán bộ QTMT của Việt Nam do các kỹ sư đầu ngành về môi trường của Mỹ giảng dạy.

Mặt khác, Công ty ESS đã và đang xây dựng những kênh đối thoại với các nhà quản lý môi trường Việt Nam, từ đó ESS có thể tư vấn cho các tổ chức, cơ quan quản lý những chính sách BVMT hiệu quả.

***Xin cảm ơn ông!**

CHÂU LOAN (Thực hiện)



Giải pháp quản lý bảo vệ môi trường nước khu vực thượng lưu sông Kiến Giang

ThS. NGUYỄN QUỲNH TRANG
Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Sông Kiến Giang là một sông trực tưới tiêu thuộc Hệ thống thủy lợi Nam Thái Bình dài khoảng 30 km. Cửa vào cống Tân Đệ lấy nước tưới từ sông Hồng, cửa ra là cống Lân chảy ra vùng ven biển thuộc tỉnh Thái Bình. Hiện nay, môi trường nước khu vực thượng lưu (KVTL) sông Kiến Giang đang chịu tác động bởi các nguồn thải từ sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ... gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

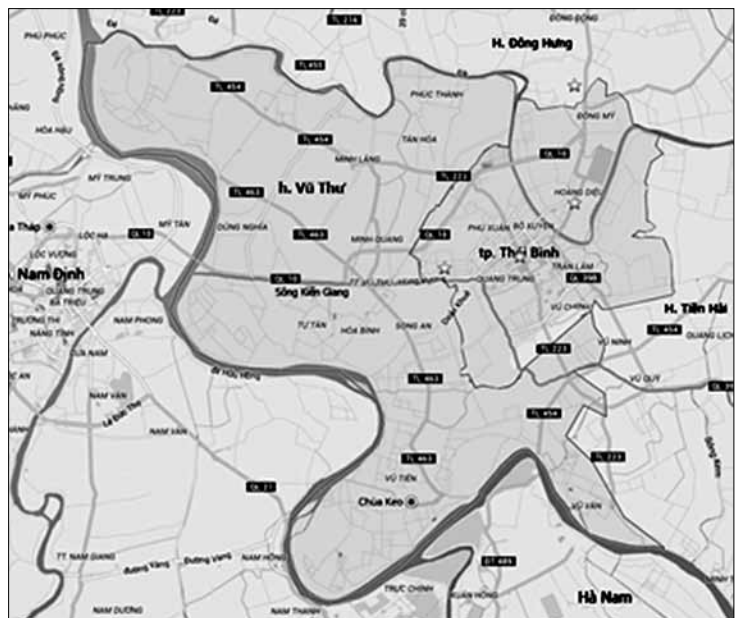
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC KVTL SÔNG KIẾN GIANG

KVTL sông Kiến Giang từ cửa vào đến đoạn kết thúc của TP. Thái Bình có 4 sông nhánh nhỏ (sông Bồ xuyên, sông Bạch, sông Vĩnh Trà và sông 3/2); đoạn chảy qua thị trấn Vũ Thư có các nhánh sông tưới tiêu của hệ thống thủy lợi Nam Thái Bình như sông Kênh, sông Cự Lâm... Nguồn nước thải sinh hoạt của các khu dân cư và nước thải công nghiệp của các cơ sở sản xuất công nghiệp, khu công nghiệp (KCN) tập trung thuộc huyện Vũ Thư và TP. Thái Bình theo các sông nhánh này chảy vào sông Kiến Giang đã góp phần làm suy giảm chất lượng nước.

Các nguồn gây ô nhiễm sông Kiến Giang gồm:

Nguồn ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt

Ô nhiễm môi trường nước ngày càng tăng và rất phức tạp. Khu vực TP. Thái Bình, nước mưa, nước thải sinh hoạt (khoảng 35.000m³/ngày, đêm) chưa được xử lý hòa với nước thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ nằm xen kẽ trong khu dân cư thoát chung vào một hệ thống thoát nước mưa và đổ ra các thủy vực tiếp nhận đã dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nước mặt của các sông như: Vĩnh Trà, Bồ Xuyên, sông 3/2, sông Bạch và sông Pari. Các sông này đều bị ô nhiễm các chất hữu cơ, thường xuyên bốc mùi hôi thối ảnh hưởng trực tiếp sức khỏe nhân dân và mỹ quan đô thị. Kết quả phân tích mẫu nước tại ngã ba Cầu Phúc Khánh - sông



▲ Bản đồ KVTL sông Kiến Giang

Bạch tháng 10/2013 các chỉ số BOD₅ vượt 1,2 lần, COD vượt 1,5 lần, N vượt 15 lần, tổng coliform vượt 12,6 lần so với cột B, TCVN 5942 - 1995.

Nguồn ô nhiễm từ nước thải công nghiệp

Hiện tại, trong lưu vực sông Kiến Giang có 4 KCN (Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh, Sông Trà thuộc TP. Thái Bình và KCN Tiền Hải thuộc huyện Tiền Hải) đã hình thành và đang hoạt động sản xuất. Trong đó, KCN Nguyễn Đức Cảnh và Phúc Khánh đã đầu tư xây

dựng khu xử lý nước thải (XLNT) tập trung và đi vào vận hành. Đối với KCN Tiền Hải chưa có chủ đầu tư cơ sở hạ tầng nên việc thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án khu XLNT tập trung tại KCN chưa được đầu tư xây dựng. Hiện nay nước thải được các doanh nghiệp tự tiến hành xử lý, nhưng một số doanh nghiệp xử lý không đạt quy chuẩn xả thải theo quy định (QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C).

Ngoài ra, còn 12 CCN khác như CCN An Hòa,



Minh Hòa (Kiến Xương), CCN Phong Phú, Tam Quang, CCN Vũ Thư đã được quy hoạch và đang kêu gọi đầu tư.

Các CCN còn lại hầu hết đều không có nhà đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng, mặc dù UBND tỉnh đã có chủ trương hỗ trợ 50% kinh phí cho nhà đầu tư xây dựng khu XLNT tập trung nhưng chưa có nhà đầu tư thực hiện.

Nguồn ô nhiễm từ hoạt động nông nghiệp

Ô nhiễm môi trường do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón: Trong sản xuất lúa và hoa màu hiện nay, nông dân trong tỉnh đã và đang sử dụng một khối lượng lớn phân hữu cơ, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật... Việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học, sử dụng tùy tiện không đúng quy trình, chủng loại, không đảm bảo thời gian cách ly, số ít còn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng, quá hạn sử dụng đang là những áp lực chính cho nông dân và môi trường đất, nước; các loại hoá chất này một phần cây hấp thụ, phần còn lại ngấm vào đất, nước, gây ô nhiễm môi trường đất, nước và giảm đa dạng sinh học.

Ô nhiễm do chăn nuôi gia trại, trang trại: Lưu vực sông Kiến Giang có hơn 300 trang trại và 11.000 gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm. Kết quả phân tích chất lượng môi trường năm 2013 của Sở TN&MT tỉnh Thái

Bình cho thấy, tình trạng ô nhiễm môi trường của các trang trại chăn nuôi đang ở mức báo động, đặc biệt là nước thải các trang trại chăn nuôi tập trung, tại ao nuôi thủy cầm có hàm lượng COD, BOD₅, coliform, amoni, tổng N, tổng P vượt TCCP nhiều lần; các chất thải đều chưa qua xử lý thải trực tiếp ra ao hồ và ruộng lúa gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng lớn đến chất lượng môi trường sống của người dân nông thôn.

ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VEN SÔNG KIẾN GIANG

Khu vực TP. Thái Bình tập trung 4 KCN và 12 CCN, các KCN đã xây dựng hệ thống XLNT và đưa vào hoạt động tương đối ổn định. Tuy nhiên các CCN và các làng nghề thủ công chưa xây dựng hệ thống XLNT dẫn đến việc ô nhiễm kim loại nặng, ô nhiễm các hợp chất hữu cơ tổng hợp. Ô nhiễm kim loại nặng trong sản xuất công nghiệp là nguyên nhân gây ra nhiều bệnh hiểm nghèo đối với cộng đồng. Đồng thời, ô nhiễm các hợp chất hữu cơ

tổng hợp bao gồm các chất nhiên liệu, chất màu, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích tăng trưởng trong nông nghiệp, các phụ gia trong được phẩm thực phẩm trong công nghiệp...gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe con người.

Ngoài ra, khi nguồn nước sông Kiến Giang bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng đến môi trường nước của sông Kiến Giang là cửa Lân. Nguồn nước bị ô nhiễm làm nguồn thủy sản bị chết, gây tổn thất lớn cho các hộ nuôi trồng thủy sản, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của cộng đồng dân cư ven cửa sông.

Ngoài ra, ô nhiễm nước vùng ven cửa sông còn làm ảnh hưởng đến phát triển du lịch ven biển và nghề sản xuất muối của địa phương.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, BVMT NƯỚC KVTL SÔNG KIẾN GIANG

Các giải pháp kỹ thuật

Bổ sung nguồn nước trong mùa kiệt: Tận dụng nguồn nước các hồ thủy điện xả nước vào các đợt trong năm mở cống Tân Đệ, các cống nhỏ lấy nước vào sông Kiến Giang cũng như các sông nhỏ và hệ thống kênh mương lấy nước và trữ nước sông để tận dụng tưới tiêu và duy trì dòng chảy làm tăng khả năng pha loãng của nguồn nước.

Nạo vét, khơi thông dòng chảy, duy trì dòng chảy mùa kiệt: Hàng năm bồi lắng phát triển nhanh không đồng đều, tùy theo từng đoạn mà mức độ bồi lắng khác nhau. Hiện nay, sông lâu ngày không được nạo vét tình trạng bồi lắng phát triển nhanh, cao trình đáy tự nhiên cao hơn cao trình thiết kết từ 1- 1,5



▲ Đoạn sông Lân (Kiến Giang) Tiền Hải, Thái Bình



▲ Nguồn nước bị ô nhiễm gây tổn thất lớn cho các hộ nuôi trồng thủy sản

m. Từ thực tế đó cho thấy, cần nạo vét toàn tuyến sông từ cống Tân Độ đến đập Cổ Ninh.

Việc nạo vét, vớt bèo khơi thông dòng chảy làm tăng tốc độ dòng chảy từ đó làm tăng khả năng tự làm sạch, giúp giảm tải ô nhiễm cho dòng sông.

Kè bờ sông phòng chống sạt lở, xói lở bờ: Hiện nay, sông Kiến Giang mới kè 14 km đoạn từ cống Tân Độ đến ngã ba Phúc Khánh, đoạn từ ngã ba Phúc Khánh đến đập Cổ Ninh chưa được kè có nguy cơ sạt lở. Do vậy, cần kè bờ đoạn còn lại dài 7,5 km từ ngã ba Phúc Khánh đến đập Cổ Ninh.

Các giải pháp quản lý

Quản lý và kiểm soát các nguồn nước thải, giảm thiểu phát sinh chất ô nhiễm tại nguồn: Khu vực TP. Thái Bình và thị trấn Vũ Thư hiện nay đang đứng trước nguy cơ bị ô nhiễm chủ yếu do việc xử lý chất thải rắn bằng biện pháp chôn lấp không đúng quy cách, đặc biệt là việc thải bỏ chất thải rắn y tế chung với chất thải rắn sinh hoạt ẩn chứa rất nhiều mầm bệnh và các chất độc hại nguy hiểm. Cần phải xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh, tăng cường thu gom rác thải sinh hoạt khu vực đô thị và nông thôn đưa về nơi xử lý. Khu vực TP và thị trấn hầu hết đã xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại. Tuy nhiên, ở các khu vực nông thôn chưa được chú trọng vấn đề này cần khuyến khích và tạo điều kiện để các hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại để xử lý sơ bộ chất ô nhiễm; Các trang trại chăn nuôi, hoặc chăn nuôi hộ gia đình sử dụng bể biogas để XLCT chăn nuôi; từng bước thực hiện XLNT các làng nghề truyền thống.

XLNT của các nguồn thải tập trung để giảm tải lượng chất ô nhiễm chảy trực tiếp vào sông: Cần có kế hoạch xây dựng nhà máy XLNT sinh hoạt trên toàn tỉnh trước hết là TP. Thái Bình nơi tập trung nhiều dân cư và các loại hình sản xuất. Đối với các KCN, CCN chưa có hệ thống XLNT phải khẩn trương xây dựng và đưa vào vận hành. Nếu KCN, CCN không thực hiện thì tiến hành xử lý vi phạm. Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp sau khi đã được cấp phép hoạt động yêu cầu các doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện các quy định về môi trường.

Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân và cán bộ làm công tác môi trường về BVMT: Tổ chức các lớp tập huấn môi trường chuyên sâu để nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ làm công tác môi trường; Phổ biến rõ những hậu quả của ô nhiễm môi trường cho người dân, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất... thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Tăng cường công tác quản lý, hoàn thiện thể chế và pháp luật về BVMT: Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ BVMT giữa các ngành, các cấp; Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho cơ quan quản lý về BVMT, chú trọng cấp huyện, TP, cấp xã, phường, thị trấn. Kiên quyết đình chỉ hoạt động, cấm hoạt động hoặc buộc di dời cơ sở đến KCN, CCN, điểm công nghiệp đối với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nằm xen kẽ trong khu dân cư. Tổ chức kiểm soát ô nhiễm chất thải, nhất là chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, y tế; Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản và chế biến, bảo quản thực phẩm. Tăng cường áp dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường cho các ngành công nghiệp trong KCN, CCN và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh■



QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI:

Đồng hành cùng doanh nghiệp cải thiện môi trường

NGUYỄN THỊ KIM THANH

Giám đốc Quỹ Bảo vệ Môi trường Hà Nội

Để sản xuất xanh và phát triển bền vững, các doanh nghiệp (DN) cần đầu tư công nghệ mới, hiện đại, thân thiện với môi trường, đòi hỏi chi phí đầu tư lớn. Thấu hiểu những khó khăn của các DN trong việc vay vốn đầu tư cải thiện môi trường, những năm qua, Quỹ BVMT Hà Nội đã luôn đồng hành với DN, là địa chỉ “xanh” hỗ trợ DN cải thiện môi trường và nâng cao năng suất lao động.



▲ Chương trình “Sử dụng rác thải nông nghiệp làm phân hữu cơ sinh học tại hộ gia đình” huyện Đông Anh (Hà Nội) do Quỹ BVMT Hà Nội hỗ trợ

ĐÁP ỨNG NHU CẦU VAY VỐN CỦA DN

Là tổ chức tài chính công lập hoạt động tại Thủ đô Hà Nội, năm 2007, Quỹ BVMT Hà Nội chính thức được thành lập theo Quyết định số 50/QĐ-UBND của UBND TP. Hà Nội. Sau khi Hà Nội được mở rộng địa giới hành chính, tháng 9/2009, Quỹ được thành lập lại theo Quyết định số 4735/QĐ-UBND của UBND TP. Hà Nội có nhiệm vụ hỗ trợ, tài trợ tài chính cho các dự án, chương trình, hoạt động BVMT, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường... trên địa bàn TP. Hiện nay, vốn

điều lệ của Quỹ BVMT Hà Nội là 300 tỷ đồng, được cấp từ nguồn ngân sách TP. Ngoài ra, Quỹ còn tiếp nhận các nguồn vốn khác như đền bù thiệt hại về môi trường, xử phạt vi phạm hành chính, phí BVMT; các nguồn viện trợ, tài trợ, vốn nhận ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực môi trường.

Hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận, nhiều năm

qua, Quỹ BVMT Hà Nội đã thực hiện nhiều biện pháp để đẩy mạnh công tác tín dụng đầu tư, hỗ trợ, tài trợ cho các dự án, hoạt động BVMT trên địa bàn TP. Với chức năng nhiệm vụ được UBND TP giao, Quỹ đã tập trung triển khai các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn: Cho vay ưu đãi; hỗ trợ lãi suất vốn vay; tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ đầu tư, tài trợ cho các



hoạt động thực hiện nhiệm vụ BVMT; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định và xét chọn các hoạt động, nhiệm vụ, dự án BVMT; thu và quản lý nguồn thu phí BVMT, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; bảo lãnh vay vốn cho các dự án thuộc lĩnh vực BVMT... Trong đó, công tác cho vay đã được Hội đồng quản lý Quỹ xác định là nhiệm vụ trọng tâm, quyết định sự tồn tại và phát triển của Quỹ.

Trong 9 năm qua, công tác cho vay với lãi suất ưu đãi của Quỹ BVMT Hà Nội đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Với lãi suất cho vay là 5,4%/năm, thời hạn cho vay từ 3-10 năm, tính đến nay, Quỹ đã cho vay trên 40 dự án, với số tiền gần 250 tỷ đồng, vốn vay được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, góp phần quan trọng vào công tác BVMT của TP. Trong đó điển hình như các dự án: Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai; Nhà máy xử lý và chế biến rác Phương Đình (Đan Phượng); Dự án đầu tư xây dựng lò đốt chất thải công nghiệp tại Nam Sơn (Sóc Sơn);... Ngoài ra, còn có nhiều dự án trong Chương trình xây dựng nông thôn mới như Dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải tại các làng nghề; xây dựng hệ thống hầm biogas xử lý chất thải của các trang trại chăn nuôi lợn tập trung... cũng được Quỹ hỗ trợ cho vay vốn.

Không chỉ hỗ trợ DN khắc phục ô nhiễm môi trường, Quỹ còn hỗ trợ tài chính giúp các DN, các hộ kinh doanh đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ vệ sinh các tuyến đường, chăm sóc vườn hoa, công viên, cây xanh tại các quận, huyện, thị xã của TP. Từ nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi, các DN đã có thêm nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giúp DN ổn định sản xuất, kinh doanh. Trong điều kiện kinh tế khó khăn hiện nay, được tiếp cận vay vốn trung và dài hạn, với lãi suất ưu đãi từ Quỹ đã giúp không ít DN cơ bản giải được bài toán khó khăn về vốn đầu tư, yên tâm hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường kinh doanh...

TỪNG BƯỚC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các DN vay vốn, những năm qua, Quỹ BVMT luôn chủ động, nhiệt tình hướng dẫn cho DN thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, lập hồ sơ; rút ngắn thời

gian xét duyệt hồ sơ, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của các dự án BVMT trên địa bàn TP. Để kiểm soát, quản lý vốn vay, Quỹ đã tiến hành kiểm tra, giám sát thường kỳ và đột xuất đối với các dự án vay vốn nhằm giảm thiểu nợ quá hạn, nợ xấu xảy ra. Ngoài nhiệm vụ trọng tâm là công tác cho vay, Quỹ đã tích cực kêu gọi các DN, tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn kinh tế lớn tại Hà Nội quan tâm và tài trợ cho công tác BVMT Thủ đô.

Ngoài ra, công tác truyền thông là nhiệm vụ chính trị quan trọng được UBND TP, Sở TN&MT giao, Quỹ BVMT Hà Nội luôn chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng năm, sát với chủ đề, hướng tới nội dung tuyên truyền ngày càng phong phú, đa dạng, tạo sức thu hút đối với cộng đồng, phát huy tốt vai trò chuyển tải thông tin đến đông đảo mọi đối tượng, phục vụ tốt cho công tác BVMT của TP. Điển hình cho công tác tuyên truyền của Quỹ là Chương trình “Hạn chế sử dụng túi ni lông vì môi trường”, “Văn hóa môi trường”, “Truyền thông học đường”, chương trình lắp máy tập thể dục kết hợp bảo vệ nước hồ tại một số hồ trên địa bàn Hà Nội, đạp xe vì môi trường” nhằm hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất, Ngày Môi trường thế giới... Các chương trình truyền thông đã tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng, được đông đảo các cơ quan, ban ngành của TP và người dân ủng hộ, hưởng ứng nhiệt tình. Một điểm nhấn quan trọng trong công tác truyền thông là Quỹ đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan tổ chức các

hội nghị tiếp cận vốn vay ưu đãi, thông qua đó, các DN, tổ chức, cá nhân đã nâng cao nhận thức về BVMT và nắm bắt được đầy đủ thông tin về nguồn vốn vay ưu đãi của Quỹ.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các hoạt động, Quỹ BVMT Hà Nội cũng gặp phải những khó khăn nhất định. Cụ thể như nguồn vốn bổ sung từ phí BVMT, các khoản bồi thường thiệt hại môi trường cho Nhà nước hiện vẫn chưa có cơ chế, chính sách chuyển nguồn về các Quỹ Môi trường Trung ương và địa phương, nên phần nào cũng ảnh hưởng đến quy mô tài chính của Quỹ. Bên cạnh đó, việc đầu tư của các DN trong lĩnh vực môi trường có chi phí lớn, thời gian hoàn vốn dài, hiệu quả kinh doanh thấp, trong khi các chính sách tín dụng đối với dự án môi trường không khác biệt nhiều so với các loại hình dự án kinh doanh, dịch vụ khác (phải có tài sản đảm bảo, tuân thủ các quy định về đầu tư xây dựng, đấu thầu...) gây khó khăn cho các chủ đầu tư tiếp cận vốn ưu đãi của Quỹ. Việc hoàn tất hồ sơ, thủ tục vay vốn đối với một số dự án thuộc hộ gia đình để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các trang trại lợn có quy mô nhỏ của hộ gia đình cũng gặp khó khăn vì đặc thù hộ cá thể nhỏ lẻ nên không có tài sản đảm bảo, quá trình đầu tư không theo quy định của Nhà nước.

Mặc dù vậy, Quỹ BVMT Hà Nội đã và đang cố gắng khắc phục khó khăn, thực hiện tốt các hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được Sở TN&MT và UBND TP Hà Nội giao, góp phần đẩy mạnh công tác BVMT trên địa bàn Thủ đô■



CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH:

Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo vệ môi trường

Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình, tiền thân là Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình được xây dựng từ những năm 70 của thế kỷ XX, trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, đến nay Công ty không ngừng sáng tạo, khắc phục mọi tồn tại, vươn lên và lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong sản xuất và đảm bảo hoạt động ổn định.

MÔI TRƯỜNG LÀ YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH

Với sự giúp đỡ của Trung Quốc, Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình được xây dựng với tổng công suất 100 MW nhưng công nghệ của Nhà máy lại có từ những năm 1960 của thế kỷ XX. Trong khi đó, Nhà máy lại được xây dựng trên địa hình chật hẹp, một nửa thiết bị chính của nhà máy nằm dưới tầng âm 7m, ống khói cao 80m thấp hơn ngọn núi Cánh Diều 30m...gây không ít khó khăn cho việc quản lý vận hành, sửa chữa thiết bị và tác động không tốt đến môi trường.

Việc Nhà máy bị ô nhiễm nặng nề khiến người dân bức xúc, đề nghị phải đóng cửa nếu không có biện pháp tháo gỡ. Hàng trăm cán bộ, công nhân viên đứng trước nguy cơ thất nghiệp. Trước tình hình đó, Công ty xác định cải thiện môi trường là yếu tố quyết định sự tồn tại và không tách rời hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong các năm 1997-2003, Nhà máy đã đầu tư 2 dự án “Khắc phục ô nhiễm môi trường khí quyển” và “Hệ thống tuần hoàn nước bãi xỉ”, góp phần giảm lượng khói bụi, các thông số kỹ thuật được cải thiện, hiệu quả sản xuất, kinh doanh tăng lên. Năm 2000, năm đầu tiên hoàn thành dự



▲ Trung tâm vận hành Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

án, sản lượng điện đã đạt 554 triệu kwh, cao nhất sau 17 năm Nhà máy vận hành liên tiếp. Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Nhà máy tiếp tục nâng cấp các thiết bị chính khác. Nhóm chuyên gia và công nhân kỹ thuật của Công ty đã trực tiếp thay thế thành công các cánh của turbin bị mòn, rạn nứt, làm giảm công suất phát điện và sự cố gây nguy cơ mất an toàn trong sản xuất. Đồng thời tích cực triển khai công trình nghiên cứu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đặc biệt, công trình kết hợp với Viện Năng lượng nghiên cứu ứng dụng thành công hệ thống vòi đốt UD của hãng Mitsubishi thay thế cho các bộ đốt cũ của các lò hơi đã được nhận giải Nhất giải thưởng VIFOTEC (Quỹ Hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam) của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt

Nam về lĩnh vực BVMT năm 2003.

Trong năm 2003, Công ty hoàn thành xử lý môi trường nước thải xỉ; xây dựng trạm bơm lắng trong và các đường ống dẫn, đồng thời hệ thống nước thải không thải ra khu vực xung quanh mà tuần hoàn tái sử dụng sau khi đã qua xử lý. Tiến hành quan trắc định kỳ một năm 2 lần, đồng thời mời Trung tâm Y tế đo lường về nước, khí bụi để đo các chỉ số. Nhờ vậy, Công ty đã giảm mức ô nhiễm môi trường do khí thải, các loại nước thải đều đạt tiêu chuẩn cho phép (TCVN 5945- 2005 đối với nước thải công nghiệp loại B).

TỪNG BƯỚC NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Thực hiện chủ trương đổi mới doanh nghiệp, từ tháng 7/2005, Nhà máy chuyển sang cơ chế hoạt động độc



lập với tên gọi Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình. Song song với công tác đảm bảo cung cấp điện với khả năng cao nhất cho hệ thống điện quốc gia là việc thực hiện phương án cổ phần hóa doanh nghiệp, sắp xếp lại mô hình tổ chức, lao động. Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch từng bước giải quyết với những biện pháp hợp lý, triển khai nhiều đợt, có hỗ trợ thêm cho người lao động tình nguyện về nghỉ nên đến tháng 1/2008 số lao động của Công ty chỉ còn 1.018/1.350 người, số đơn vị còn 14/25 đầu mối trong khi sản lượng điện tăng 1,2 lần so với năm 2004. Năm 2008, Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, lại phải chịu ảnh hưởng rất lớn từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, khiến chi phí sản xuất tăng cao. Song với tinh thần phấn đấu không mệt mỏi, CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2008 với sản lượng điện đạt 751 triệu kWh, tăng 112% so với năm 2007; nộp ngân sách Nhà nước tăng 72% so với kế

hoạch và tăng trên 2,4 lần so với năm 2007. Tháng 8/2009 cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam với mã giao dịch NBP. Hiện Công ty đang tích cực cải tạo thiết bị nhằm đáp ứng các yêu cầu về kinh tế kỹ thuật môi trường cho phù hợp với điều kiện hoạt động hiện nay để kéo dài tuổi thọ hoạt động Nhà máy đến năm 2030.

Với các doanh nghiệp sản xuất, vấn đề an toàn đã luôn được quan tâm, nhưng với ngành điện thì đây là vấn đề được đặt lên hàng đầu. Để đảm bảo cho công tác an toàn, Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình luôn đảm bảo các điều kiện về an toàn như: Đầu tư bảo hộ lao động, trang thiết bị điều kiện làm việc; thường xuyên huấn luyện, kiểm tra trong sản xuất; thiết bị máy móc phải được đầu tư sao cho đảm bảo an toàn (công nghệ

tốt); quản lý trong đó có kiểm tra, đơn đốc khi sản xuất; đảm bảo quyền lợi, chế độ chính sách của nhà nước cần được thực hiện đầy đủ và có chế độ riêng của Công ty. Với Nhiệt điện Ninh Bình, để phát triển bền vững yếu tố con người là quan trọng. Trước hết, thực hiện đầy đủ các chính sách của nhà nước đối với cán bộ công nhân viên, ngoài ra cũng cần có những chính sách riêng khuyến khích công nhân lao động hăng say và có nhiều sáng kiến hiệu quả.

Trải qua chặng đường hơn 40 năm xây dựng và phát triển, tập thể CBCNV Nhà máy điện Ninh Bình trước kia, nay là Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ... trao tặng nhiều danh hiệu cao quý.

PHẠM HỒNG DƯƠNG



▲ Khuôn viên Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình



CÔNG TY XI MĂNG NGHI SƠN:

Đầu tư công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh, góp phần bảo vệ môi trường

Công ty Xi măng Nghi Sơn được thành lập năm 1995, là đơn vị liên doanh giữa Tổng Công ty Xi măng Việt Nam với hai tập đoàn đa quốc gia của Nhật Bản (Taiheiyo Xi măng và Mitsubishi Vật liệu), có tổng vốn đầu tư 621,9 triệu USD, sản lượng trung bình đạt khoảng 4,3 triệu tấn/năm. Sản phẩm chính của Công ty là xi măng poóc lăng hỗn hợp (PCB 40), xuất khẩu chủ yếu sang các nước Đông Nam Á. Trải qua hơn 20 năm xây dựng, phát triển, Công ty đã trở thành nhà sản xuất và phân phối xi măng uy tín nhất Việt Nam, hướng đến xây dựng thương hiệu “Xi măng Nghi Sơn - Công nghệ Nhật Bản bền vững”.

ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI, TIỀN TIẾN

Từ những năm 2000, Công ty Xi măng Nghi Sơn là một trong những đơn vị tiên phong sản xuất xi măng PCB 40, trong khi hầu hết các nhà máy xi măng ở Việt Nam lúc đó chỉ sản xuất xi măng PCB 30. Đầu năm 2012, Công ty tiếp tục cho ra đời sản phẩm xi măng PCB 40 chuyên biệt dành cho xây dựng dân dụng và được đánh giá là dòng sản phẩm có chất lượng cao theo tiêu chí của Nhật Bản, giá cả ổn định,

khả năng chống rạn nứt, tăng độ bền vững cho công trình, chịu được điều kiện thời tiết khắc nghiệt... Tính đến nay, Công ty đã sản xuất và tiêu thụ hơn 30 triệu tấn xi măng, nộp ngân sách nhà nước hơn 2.000 tỷ đồng, góp phần giải quyết việc làm cho hơn 500 lao động trực tiếp và hàng nghìn lao động gián tiếp. Hiện Công ty đã được cấp Chứng chỉ ISO 9001:2000; ISO 9001:2008 và ISO 14001:2000.

Để sản xuất xi măng PCB 40, Công ty đã đầu tư hai dây chuyền sản xuất hiện đại, mỗi dây chuyền có công suất 5.800 tấn clinker/ngày, tương đương với 2,15 triệu tấn xi măng/năm. Hệ thống máy nghiền kết hợp giữa máy sơ bộ và máy bi, cho hiệu quả về năng suất với mức tiêu thụ điện năng thấp. Máy phân ly hiệu suất cao cũng tạo hiệu suất phân

tách cao, đảm bảo chất lượng của sản phẩm xi măng. Bên cạnh đó, Công ty sử dụng thiết bị tiền nung kiểu tăng sôi, giúp phân hủy những nhiên liệu khó bắt cháy, nhờ đó quá trình nung kết clinker duy trì tính ổn định và chất lượng.

CHÚ TRỌNG AN TOÀN LAO ĐỘNG, AN SINH XÃ HỘI VÀ BVMT

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác an toàn lao động, an sinh xã hội và BVMT. Các dây chuyền sản xuất được điều khiển tự động từ phòng điều khiển trung tâm, đảm bảo sự vận hành nhịp nhàng của thiết bị và an toàn cho người lao động. Đối với công tác an sinh xã hội, Công ty đã xây dựng hơn 300 căn hộ cho cán bộ, công nhân viên và nhiều công trình phúc



▲ Thành công của xi măng Nghi Sơn góp phần thúc đẩy làn sóng đầu tư từ Nhật Bản vào khu kinh tế Nghi Sơn nói riêng, tỉnh Thanh Hóa nói chung



lợi xã hội với tổng số tiền 200 tỷ đồng.

Đối với công tác BVMT, Công ty tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của pháp luật. Để thu hồi nhiệt của khí thải, Công ty đầu tư xây dựng tháp trao đổi nhiệt 5 tầng, có khả năng phân hủy những nhiên liệu khó bắt cháy như than anthracite, nhờ vậy nguyên liệu được phân hủy hoàn toàn trước khi nạp vào lò nung xi măng. Định kỳ hàng quý, Công ty thu thập, phân tích mẫu khí thải, kết quả phân tích đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định. Hiện nay, Công ty đang nghiên cứu khả năng sử dụng nguyên liệu thay thế, giảm khí thải CO₂. Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư hệ thống kiểm soát bụi, toàn bộ clinker sau khi làm nguội được chuyển lên các silo clinker rồi nạp vào máy nghiền cùng thạch cao và các phụ gia điều chỉnh với hệ thống nghiền sơ bộ có thiết bị lọc bụi hiệu suất cao.

Trong công tác khai thác nguyên liệu, Công ty áp dụng phương pháp cắt tầng và toàn bộ lượng đá vôi được vận chuyển từ mỏ Hoàng Mai (Nghệ An) về Nhà máy bằng hệ thống băng tải dài 12 km với thiết kế chống ồn, chạy xuyên qua đường hầm trong núi dài 2,2 km, giúp giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường. Sét nguyên liệu cũng được khai thác theo phương pháp cắt tầng, xúc trực tiếp lên ô tô và vận chuyển về Nhà máy để làm nguyên liệu sản xuất. Trong quá trình khai thác, lớp đất phủ được phục hồi để trồng cây, nhằm hạn chế tác động đến môi trường và tạo cảnh quan cho khu vực mỏ. Ngoài ra, Công ty còn trồng cây xanh, xây hồ nước tại khuôn viên Nhà máy, tạo cảnh quan thân thiện với môi trường; Tổ chức tuyên truyền, lồng ghép các quy định về BVMT vào các buổi giao ban; Có chế độ khen thưởng, xử phạt, nhằm khuyến khích cán bộ, công nhân viên nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến máy móc, nâng cao hiệu suất và BVMT...

Ông Itano Yasutake, Giám đốc phụ trách khối hành chính của Công ty cho biết, xác định BVMT là yếu tố sống còn của doanh nghiệp, do vậy, Công ty đã ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời góp phần BVMT, hướng tới mục tiêu vì sự nghiệp phát triển bền vững.

Với những đóng góp của Công ty đối với sự phát triển của địa phương nói riêng và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung, Công ty Xi măng Nghi Sơn đã vinh dự được nhận Huân chương lao động hạng Nhì, hạng Ba; Là 1 trong 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam được trao tặng Giải Vàng chất lượng quốc gia năm 2009 cùng nhiều bằng khen, giải thưởng danh giá khác■

BÙI HẰNG

CÔNG ĐOÀN CÔNG TY THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH:

Nỗ lực vì người lao động



▲ Trụ sở Công ty Green Star

Công ty Thương mại Dịch vụ và Môi trường Ngôi Sao Xanh - Green Star (Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh) được thành lập ngày 17/6/2006, với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là dịch vụ vận chuyển, mua bán, xử lý rác công nghiệp. Trải qua 10 năm phát triển (2006 - 2016), với tâm huyết, sự nỗ lực không ngừng của Ban Giám đốc và toàn thể công nhân lao động (CNLĐ), Công ty Green Star đã ghi những dấu ấn tích cực trên con đường phát triển, trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực

cung cấp các dịch vụ về môi trường.

LUÔN QUAN TÂM ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong những năm qua, Ban Giám đốc, Đảng ủy và Công đoàn Công ty Green Star luôn thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Bộ Luật lao động, Luật Công đoàn, tiêu biểu là các chế độ chính sách về thuế, Luật kế toán, pháp luật về môi trường cũng như chế độ của công đoàn như tiền lương, tiền thưởng, thời gian làm việc,



thời gian nghỉ thai sản, ốm đau. Đặc biệt, Công đoàn luôn quan tâm cải thiện môi trường làm việc, thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ. Do vậy, những năm gần đây, Công ty Green Star không có trường hợp nào bị tai nạn lao động và tai nạn giao thông.

Ngoài việc làm ổn định với thu nhập bình quân 4 triệu đồng/người/tháng, việc sắp xếp cán bộ đúng vị trí, phù hợp với khả năng, đúng quy trình, Công đoàn còn tổ chức tham quan, học tập tạo không khí phấn khởi cho CNLĐ. Vì vậy, luôn động viên được mọi người nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ do Công ty đề ra.

Hàng năm, Công đoàn phối hợp với Ban Giám đốc tổ chức Hội nghị ký Thỏa ước lao động tập thể. Mặt khác, Công đoàn Công ty Green Star phối hợp với chính quyền, Ban Thanh tra nhân dân thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thỏa ước lao động nhằm giảm thiểu sai sót, đảm bảo công khai dân chủ, minh bạch trong tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với CNLĐ.

Xác định công tác thi đua khen thưởng là động lực phát triển, là biện pháp quan trọng để nâng cao tinh thần, ý chí vươn lên của người lao động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, Ban chấp hành (BCH) Công đoàn luôn phối hợp với Ban Giám đốc Công ty Green Star thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, đẩy nhanh cải cách hành chính, phong trào Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, xây dựng công sở văn hóa và

văn minh đô thị. Qua đó, BCH Công đoàn đánh giá, rút kinh nghiệm, chọn cá nhân điển hình để tuyên dương, khen thưởng khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.

Bên cạnh chế độ khen thưởng, tặng quà vào các ngày lễ tết, Công đoàn Công ty Green Star luôn phát động phong trào thi đua yêu nước, “lá lành đùm lá rách”, với mục tiêu “Đoàn kết nâng cao sức mạnh” BCH công đoàn đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà và hỗ trợ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn giúp cải thiện, nâng cao đời sống cho CNLĐ, Công ty Green Star luôn đi đầu trong việc vận động CNLĐ ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em, Vì người nghèo, Chương trình nghĩa tình Hoàng Sa, Trường Sa...

TĂNG CƯỜNG ĐỐI MỐI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Với nhiều hình thức, Công đoàn đã tổ chức vận động đoàn viên tích cực tham

gia đầy đủ các đợt sinh hoạt chính trị, các buổi tập huấn nhằm nâng cao ý thức xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh của CNLĐ.

Cùng với việc đẩy mạnh các phong trào thi đua, BCH Công đoàn Công ty Green Star còn quan tâm đến việc vận động CNLĐ gia nhập tổ chức công đoàn. Đến nay, Công ty có 75 CNLĐ là đoàn viên. Hàng năm, BCH Công đoàn tổ chức đăng ký xếp loại để xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh. Năm 2014, Công ty Green Star có 17/20 tổ đạt danh hiệu tổ công đoàn vững mạnh.

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức công đoàn, BCH Công đoàn luôn thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ đối với công đoàn cấp trên; Tổ chức thu đoàn phí đầy đủ đúng quy định, quản lý tài chính công đoàn đúng nguyên tắc và quy chế; Thực hiện dân chủ trong BCH. Với mục đích chia sẻ thông tin, tăng cường sự hiểu biết giữa lãnh đạo, BCH Công đoàn và CNLĐ cũng như xây dựng mối quan hệ thân thiện tại nơi làm việc, BCH Công đoàn đã tổ chức thương lượng và đối thoại định kỳ. Qua đó, giúp giải quyết hầu hết những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của từng cá nhân.

Nhờ thực hiện tốt quy chế dân chủ, chăm lo tốt đời sống người lao động, Công ty Green Star đã thu hút được trí tuệ tập thể, tập trung phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Vì thế, 4 năm liên (từ năm 2011 - 2014), Công đoàn Công ty Green Star đều đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc■

V. NHUNG



▲ Khu vực sản xuất của Công ty



HTX Dịch vụ môi trường Duy Tiến - Điểm sáng xã hội hóa bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, nhiều hợp tác xã (HTX) dịch vụ môi trường (DVMT) trên địa bàn Thị trấn Thanh Lãng (huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc) được thành lập và hoạt động hiệu quả, trong đó có HTX DVMT Duy Tiến chuyên thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt. Đây là mô hình HTX DVMT đầu tiên của tỉnh Vĩnh Phúc, góp phần đẩy mạnh phong trào xã hội hóa công tác BVMT, huy động sức mạnh và ý thức của người dân trong BVMT.

Thị trấn Thanh Lãng có dân số 13.000 người, với 3 làng nghề truyền thống: Nghề mộc, nghề nếm và thêu ren. Cùng với các làng nghề, hoạt động dịch vụ - thương mại của thị trấn cũng phát triển với 328 hộ làm dịch vụ chế biến nguyên liệu gỗ, vật liệu xây dựng và các hộ buôn bán nhỏ. Những hoạt động này đã và đang đem lại hiệu quả về kinh tế cho địa phương. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm do bụi gỗ, mùi sơn, tiếng ồn từ các làng nghề và các hộ buôn bán, kinh doanh xả rác bừa bãi, đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sức khỏe của người lao động và nhân dân nơi đây.

Để đẩy mạnh phong trào xã hội hóa BVMT nông thôn, Sở TN&MT Vĩnh Phúc đã triển khai xây dựng mô hình điểm BVMT nông thôn tại thị trấn Thanh Lãng. Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, Cựu chiến binh (CCB) Nguyễn Duy Tá đã thành lập HTX DVMT Duy Tiến đảm nhiệm việc thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn. Từ khi thành lập (năm 2005) đến nay, HTX đã góp phần làm cho đường phố, thôn xóm đổi thay và ngày càng sạch, đẹp hơn. Chủ nhiệm HTX Nguyễn Duy Tá còn được biết đến một tấm gương sáng của địa phương về “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Với mục đích vì sức khỏe cộng đồng và môi trường bền vững, HTX góp phần làm chuyển biến nhận thức của nhân dân trên địa bàn, xây dựng thói quen, ý thức trách nhiệm đối với môi trường sống. Hiện nay, HTX đã thu hút được 12 xã viên và 29 lao động hợp đồng, thu nhập bình quân mỗi người trên 1 triệu đồng/tháng, với mỗi thôn một tổ thu gom rác. Do lượng rác thải sinh hoạt ngày càng tăng, nên lượng rác



▲ Các xã viên HTX DVMT Duy Tiến thu gom rác thải

thu gom lớn, bình quân mỗi ngày HTX thu gom được 6 tấn rác, sau khi thu gom, rác thải được tập kết tại bãi rác cách xa khu dân cư để phân loại, xử lý. Các loại rác hữu cơ được tận dụng để tái chế thành phân vi sinh đạt tiêu chuẩn còn rác vô cơ thì chôn lấp đúng nơi quy định. Để có kinh phí hoạt động, UBND thị trấn Thanh Lãng cho phép HTX DVMT Duy Tiến thu phí vệ sinh của người dân theo quy định của UBND tỉnh, mức thu hiện nay là 1.500 đồng/người/tháng.

Khi mới thành lập, HTX DVMT Duy Tiến gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn ít, chỉ có một xe công nông và một số trang thiết bị thô sơ, trong khi bãi rác cũ của thị trấn đang quá tải. Mặc dù, thị trấn Thanh Lãng đã quy hoạch, mở rộng bãi rác và được UBND huyện Bình Xuyên phê duyệt, nhưng vẫn chưa được giải phóng mặt bằng và đưa vào sử dụng. Mặt khác, đơn giá thu phí đã được thống nhất nhưng vẫn còn một số hộ dân

không nộp, hiện nay mới chỉ có trên 70% hộ dân trong thị trấn nộp phí... Đặc biệt, khó khăn nhất vẫn là vấn đề nhận thức của người dân về công tác BVMT và có những hành vi coi thường công việc này nên không ít xã viên chán nản, muốn bỏ việc.

Để giúp HTX vượt qua khó khăn, Sở TN&MT tỉnh đã hỗ trợ HTX 14 xe chở rác, 5.760 xô nhựa, mỗi hộ gia đình được 2 xô để phân loại rác hữu cơ và rác vô cơ; hỗ trợ thị trấn 1,065 tỷ đồng xây dựng, cải tạo rãnh thoát nước thải chính với tổng chiều dài 1.128 m. Ngoài ra, Sở cũng hỗ trợ cho HTX xây dựng nhà máy xử lý rác thải với công suất khoảng 30 tấn rác/tháng, xây lắp đường dây điện vào khu xử lý rác thải, 1 máy nghiền rác sau khi ủ... phục vụ việc xử lý rác thải theo công nghệ sản xuất phân vi sinh. Mỗi năm có trên 100 tấn phân vi sinh đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, xử lý bằng men vi sinh được tái phục vụ sản xuất.



Với quyết tâm BVMT đến từng khu phố, thôn xóm trong thị trấn, đến nay, HTX DVMT Duy Tiến đã được nhiều người dân biết đến. Hình ảnh những chiếc xe chở rác của HTX với nhiệm vụ thu gom rác thải đến từng ngôi nhà, khu phố... đã trở nên thân quen với người dân thị trấn Thanh Lãng.

Trong thời gian tới, HTX sẽ ký hợp đồng với các địa phương lân cận thu gom rác thải, tăng thu nhập cho các xã viên. Ngoài ra, HTX cũng dự định đầu tư, mở xưởng sản xuất đồ nhựa tái chế từ việc tận dụng túi ni lông, nhựa, bao chứa rác thải...

Xã hội hóa dịch vụ thu gom rác thải là một mô hình đã phát huy được hiệu quả trong chủ trương quản lý chất thải rắn đang được tỉnh và các ngành chức năng quan tâm, với mục đích huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ và phát triển môi trường bền vững, giảm gánh nặng ngân sách, xây dựng các cộng đồng dân cư tự lực, chủ động về tài chính, cân đối thu chi trong các dịch vụ công. Mô hình HTX DVMT thu gom rác thải như Duy Tiến cần được nhân rộng để các địa phương khác áp dụng, góp phần cải thiện môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh.■

NGUYỄN THỊ LỢI



▲ Phân bón vi sinh do HTX DVMT Duy Tiến sản xuất góp phần BVMT

NỀN KINH TẾ TUẦN HOÀN - HƯỚNG TIẾP CẬN MỚI NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH, GIẢM CHẤT THẢI



▲ Toàn cảnh Hội thảo

Ngày 27/7/2016, tại Hà Nội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tổ chức Hội thảo “Nền kinh tế tuần hoàn (KTTH): Hướng tiếp cận mới nâng cao sức cạnh tranh, giảm chất thải ra môi trường”.

Hiện nay, Việt Nam đang phát triển nền kinh tế tuyến tính, hàng hóa sau khi sử dụng sẽ bị thải bỏ, trong khi nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, nước ngọt khan hiếm, nhiên liệu hóa thạch có hạn... Vì vậy, khái niệm về một nền kinh tế mới - nền KTTH đang nhận được sự ủng hộ từ phía Chính phủ, tổ chức, nhà kinh tế và các Tập đoàn lớn trên thế giới. Đây là mô hình tăng trưởng kinh tế lấy việc tái sử dụng tuần hoàn nguồn nguyên liệu làm trọng tâm, giảm tiêu hao nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm tối đa ảnh hưởng môi trường. Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả nền KTTH, không chỉ đòi hỏi sự đồng thuận của Nhà nước, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp (DN), mà phải có những cơ chế, chính sách khuyến khích các hoạt động có lợi cho xã hội, cũng như chế tài xử phạt đối với những hành vi vi phạm hay gây hại cho môi trường và con người.

Theo đó, trước khi triển khai thực hiện nền KTTH, các DN

phải xác định 4 trụ cột: Thiết kế và sản xuất tuần hoàn; Các mô hình kinh doanh mới; Xác định chu kỳ ngược và đánh giá được tác nhân hỗ trợ; Các điều kiện thuận lợi để triển khai chu trình khép kín này. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi thành hành vi, hành động để thúc đẩy nền KTTH cũng đòi hỏi có nhiều thời gian, vì cần có sự đầu tư về công nghệ và năng lực đổi mới của các DN, trong khi 95% trên tổng số hơn 500.000 DN Việt Nam hiện nay có quy mô nhỏ và vừa, thường là thiếu vốn, hạn chế về nguồn nhân lực cũng như chậm đổi mới để thích ứng với yêu cầu phát triển.

Các đại biểu tham dự Hội thảo đã trao đổi, thảo luận, làm rõ bản chất, vai trò của nền KTTH trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; Đánh giá thực trạng hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải ở Việt Nam và chỉ ra những cơ hội, thách thức trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu tối đa việc phát sinh chất thải trong chu trình sản xuất; Đề xuất những giải pháp thúc đẩy phát triển KTTH nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, giảm thiểu chất thải ra môi trường trong thời gian tới.

GIA LINH



Chung tay bảo vệ môi trường

B VMT hiện đang là vấn đề cấp bách của cộng đồng. Với mong muốn chung tay góp sức BVMT để TP luôn Xanh - Sạch - Đẹp, thời gian qua, các cơ sở Đoàn thanh niên TP. Hà Nội nói chung và phường Mai Dịch nói riêng đã triển khai nhiều hoạt động phong phú, thiết thực góp phần cải thiện môi trường sống trên địa bàn TP.

Gần đây, mô hình “Biến bãi rác thành vườn hoa” do Đoàn Thanh niên phường Mai Dịch (quận Cầu Giấy) thực hiện đã đem lại hiệu quả tích cực trong việc nâng cao ý thức BVMT trong khu dân cư. Mô hình được bắt nguồn từ ý tưởng của một nhóm sinh viên có tên “Sen trong phố”, nhiệt huyết với công tác tình nguyện thực hiện và được Đoàn Thanh niên phường Mai Dịch kết hợp với chương trình “Siêu thủ lĩnh”. Ý tưởng của nhóm xuất phát từ một cuộc thi do Đài truyền hình tổ chức. Với Quỹ ban đầu khoảng 1,5 triệu đồng, nhóm đã tổ chức nhiều hoạt động để có thêm nhân lực, kinh phí như: Tổ chức đêm nhạc giao lưu, kết nối khu dân cư, gây quỹ; Tổ chức “Ngày thứ Bảy xanh” cùng Đoàn Thanh niên phường Mai Dịch chung tay quét dọn, bóc dỡ tờ rơi quảng cáo... Từ các hoạt động này, số tiền gây Quỹ được 11 triệu đồng để thực hiện mô hình vườn hoa. Đặc biệt, mô hình này được xây dựng thử nghiệm trên điểm tập kết rác thải sinh hoạt của người dân trong khu vực phố Trần Bình.

Ban đầu, ý tưởng xây dựng vườn hoa bị nhiều người phản đối vì cho rằng đây là thói quen khó bỏ của người dân. Tuy nhiên, với sự quyết tâm của nhóm, cùng sự chung tay, ủng hộ của Đoàn Thanh niên phường Mai Dịch, các tổ dân phố... nên vườn hoa đã dần hình thành. Đặc biệt, vườn hoa còn có sự góp sức của những em trường Tiểu học Mai Dịch. Tại đây, các em học sinh được hướng dẫn cách ươm trồng, chăm sóc cây trong lọ, chai. Đây cũng là những hoạt động bổ ích, giúp các em nâng cao ý thức bảo vệ cây xanh, BVMT.

Đồng thời, nhóm đã tuyên truyền tới các hộ dân về việc đổ rác đúng giờ, nơi quy định: Mỗi gia đình, hộ kinh doanh phải tự bố trí 1 thùng gom đựng rác thải sinh hoạt trong nhà và đổ rác thải vào xe thu gom rác lưu động, thời gian hàng ngày: 17h - 20h30 và 21h - 22h30 (tăng



▲ Bãi rác tại phố Trần Bình được Đoàn Thanh niên phường Mai Dịch cải tạo thành vườn hoa

cường cho các tuyến phố). Đại diện tổ dân phố cũng đã làm việc với Tổ môi trường tổ chức điểm đổ rác mới, thuận tiện hơn cho người dân. Điểm đổ rác này cách điểm cũ 20 m và đặt 1 xe thu gom rác. Mặt khác, nhóm tuyên truyền để các hộ gia đình ký bản cam kết “Năm trật tự văn minh đô thị - năm 2016”, 100% hộ gia đình ký bản cam kết. Bên cạnh đó, nhóm phối hợp với công an phường Mai Dịch để ra biện pháp xử lý với các trường hợp vứt rác không đúng nơi quy định. Hiện đã tiến hành xử phạt, với khung phạt từ 100 - 300.000 đồng.

Cùng với đó, nhóm đã phối hợp với tổ dân phố tổ chức họp, lấy ý kiến người dân về cách thức và mô hình chăm sóc vườn hoa. Buổi họp có sự tham gia của 21 dân cư, với nhiều thành phần khác nhau: Đại diện chính quyền, Chi Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, người dân sống quanh khu vực vườn hoa, các em học sinh. Sau khi thực hiện xong mô hình, nhóm ký biên

bản bàn giao công trình cho tổ dân phố chịu trách nhiệm giám sát, quản lý và Chi Hội phụ nữ phường phối hợp với các gia đình xung quanh chăm sóc vườn.

Theo nhiều người dân tại khu dân cư, từ ngày có vườn hoa đã không còn tình trạng vứt rác ra khu vực. Sau thành công của mô hình, Đoàn Thanh niên phường Mai Dịch đã trồng thêm nhiều vườn hoa thay thế những bãi rác ở khu vực tổ 3 Tân Đô và khu vực tổ 23 Nhà tang lễ Bệnh viện 19/8. Tuy nhiên, trong thời gian triển khai mô hình, nhóm thực hiện cũng gặp không ít khó khăn vì khu vực Mai Dịch phần lớn là dân tạm trú và sinh viên ở trọ.

Như vậy, từ những hành động nhỏ của mô hình đã tác động đến ý thức của nhiều người dân khu dân cư trong việc giữ gìn vệ sinh, BVMT. Đây chính là mô hình xã hội hóa BVMT hiệu quả, cần được nhân rộng trong thời gian tới. ■

TRƯƠNG THỊNH



Cần bảo vệ loài voọc chà vá chân nâu tại bán đảo Sơn Trà

TẠ KIỀU ANH

Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học,

Tổng cục Môi trường

Năm 2016, voọc chà vá chân nâu được cộng đồng đề xuất chọn trở thành biểu tượng đa dạng sinh học của TP. Đà Nẵng. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm nay, tại bán đảo Sơn Trà - nơi sinh sống của 300 cá thể voọc, đã xảy ra 2 vụ chặt phá rừng, đe dọa nghiêm trọng đến môi trường sống, cũng như đặt ra nhiều thách thức đối với công tác bảo vệ, bảo tồn voọc chà vá chân nâu - báu vật của Sơn Trà.



▲ Rừng Sơn Trà bị tàn phá nghiêm trọng

RỪNG SƠN TRÀ BỊ XÂM HẠI

Khu bảo tồn Sơn Trà được thành lập năm 1989 trên cơ sở chuyển đổi khu rừng cấm bán đảo Sơn Trà. Năm 2014, Khu bảo tồn Sơn Trà được phê duyệt chuyển tiếp khu dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh và phân cấp cho thành phố quản lý đến năm 2030 với tổng diện tích quy hoạch là 3.871 ha. Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sơn Trà được ví như viên ngọc quý của Đà Nẵng bởi hệ động, thực vật phong phú và đa dạng. Tổng số các loài thực vật được ghi nhận là 22 loài quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam và nhiều loài động vật quý hiếm, trong đó voọc chà vá chân nâu là loài quý hiếm, đặc hữu Đông Dương có tính nguy cấp và đang được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 và Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Thế nhưng, trong 6 tháng đầu năm 2016, tại KBTTN Sơn Trà đã xảy ra 2 vụ chặt phá rừng, làm mất đi nơi cư trú các loài động vật. Cụ thể, tháng 2/2016, thông qua phản ánh của người dân, lực lượng chức năng đã phát hiện tại Tiểu khu 62 (thuộc khu vực suối Đá Đen, bán đảo Sơn Trà) có một mảng rừng trải dài gần 400 m bị phát trọc, nhiều cây cối bị chặt hạ. Bên cạnh đó, một con đường đất rộng khoảng 2 m đã bị đào để làm đường xuống lán trại gần bờ biển tại khu vực, diện tích dựng

lán trại rộng gần 50 m². Khu rừng này có tổng diện tích 7 ha, do Hạt Kiểm lâm Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn giao khoán trồng rừng và cây ăn quả cho ông Nguyễn Văn Tâm (trú phường Thọ Quang) hơn 15 năm nay. Sau đó, ông Tâm ủy quyền sử dụng đất cho 3 người khác cùng phường Thọ Quang. Sau khi bị phát giác, nhiều cơ quan ban, ngành và lãnh đạo TP đã vào cuộc, hai cán bộ chủ chốt của Hạt Kiểm lâm Sơn Trà bị cách chức.

Vụ phá rừng Sơn Trà đầu tháng 2 chưa lắng, thì cơ quan chức năng lại tiếp tục phát hiện thêm vụ phá rừng nghiêm trọng vừa xảy ra vào tháng 6/2016 tại Tiểu khu 63 rừng Sơn Trà. Qua kiểm tra phát hiện tổng số có 16 cây gỗ rừng tự nhiên bị khai thác với đường kính gốc từ 15-143 cm, khối lượng khoảng 63,4 m³, thuộc gỗ thông thường nhóm V, VI, VII gồm các loại chò, nhội, dẻ, sồi, lim xẹt, lòng mang. Quá trình xác minh, ông Phạm Trường Mai (trú tổ 51, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà) thừa nhận khai thác số gỗ nêu trên. Từ tài liệu, chứng cứ thu thập được, lãnh đạo Sở NN&PTNT khẳng định, ông Phạm Trường Mai đã có hành vi lấy lâm



▲ Một gia đình voọc chà vá chân nâu tại Sơn Trà

sản trong rừng không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Hiện Thanh tra TP. Đà Nẵng đã chính thức công bố quyết định thanh tra toàn diện các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng ở bán đảo Sơn Trà.

SỰ KÊU CỨU CỦA LOÀI VOỌC

Voọc chà vá chân nâu phân bố chủ yếu ở tầng tán, tầng ưu thế và đôi khi xuất hiện ở tầng cây bụi. Do vậy, việc chặt phá cây rừng ở các khu vực có phân bố voọc đều

tác động nghiêm trọng đến chúng. Về môi trường sống, khi chặt phá rừng, phạm vi phân bố của loài voọc bị thu hẹp, cùng với nguồn thức ăn cạn kiệt, làm tăng sự cạnh tranh về nhu cầu ăn, ở giữa các loài và nội loài. Cùng với đó là việc chia cắt sinh cảnh sống của loài voọc do các hoạt động phát triển ở phía bãi Bắc và bãi Nam bán đảo Sơn Trà. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tuyệt chủng trong tương lai do giao phối cận loài và các yếu tố tác động khác.

Voọc chà vá chân nâu là loài linh trưởng đặc hữu của Đông Dương. Với bộ lông

đặc trưng 5 màu nổi bật, loài vật này được gọi là voọc ngũ sắc và tôn vinh là “nữ hoàng” của các loài linh trưởng. Trên thế giới, voọc là loài có nguy cơ tuyệt chủng cao khi chỉ còn dưới 2.000 cá thể, trong đó Việt Nam chiếm 50%. Ở Việt Nam, voọc chà vá chân nâu sinh sống trong các khu rừng nguyên sinh từ Nghệ An đến Kon Tum. Thức ăn chính là lá của các loài thực vật: Đa, chò, dẻ, trám trắng... Do đó, việc xây dựng các khu du lịch và mở đường giao thông trong KBTTN đang làm cô lập chúng với chuỗi thức ăn theo tập tính.

BẢO VỆ BẢO VẬT SƠN TRÀ

Ngay sau khi sự việc xảy ra vào tháng 2/2016, Sở TN&MT đã có kiến nghị khẩn cấp thực thi các giải pháp bảo vệ động vật hoang dã và đảm bảo đa dạng sinh học tại KBTTN Sơn Trà. Theo đó, để ngăn chặn các hành vi tác động trực tiếp, nghiêm trọng đến môi trường sống của loài voọc và đảm bảo tính đa dạng ở bán đảo Sơn Trà, UBND TP giao Sở NN&PTNN chỉ đạo các đơn vị có liên quan xác định diện tích, phạm vi, trình cấp thẩm quyền phê duyệt, công bố, cắm mốc và có biện pháp quản lý chặt chẽ đối với KBTTN Sơn Trà. Đối với vùng đệm KBTTN, các đơn vị chức năng cần tăng cường lực lượng tuần tra, ngăn chặn các hành vi chặt phá rừng trái phép, đồng thời xây dựng quy chế phối hợp trong quản lý, nhằm đảm bảo an toàn cho sinh vật.

Năm 2016, Sở TN&MT đề xuất xây dựng hình ảnh cá thể voọc chà vá chân nâu là biểu tượng đa dạng sinh học của TP. Đà Nẵng, trong lộ trình xây dựng thành phố môi trường. Đây là điều kiện để thu hút sự quan tâm phát triển du lịch, cơ hội quảng bá cộng đồng về tính nguy cấp cũng như tăng cường giáo dục cộng đồng bảo vệ sinh vật đặc biệt ở Đà Nẵng.

Sở TN&MT đề nghị UBND TP không cho phép các dự án phát triển trên khu vực phía Tây bán đảo Sơn Trà (trừ khu vực Tiên Sa đến hồ Sâu). Các hoạt động phát triển du lịch, dịch vụ sinh thái gắn với sinh kế cộng đồng nhưng đảm bảo không ảnh hưởng đến sinh cảnh sống của cá thể voọc. Định hướng phát triển ở khu vực này trong tương lai cần chú trọng các loại hình du lịch sinh thái, phát triển các mô hình đồng quản lý có sự tham gia của nhiều bên, tăng cường giám sát đa dạng sinh học■



Bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Đắc Rông

TRẦN THU TRANG

Học viện Nông nghiệp

Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Đắc Rông có diện tích 40.526 ha nằm trên địa bàn 6 xã (Ba Lòng, Hải Phúc, Triệu Nguyên, Tà Long, Húc Nghi và Hồng Thủy) tỉnh Quảng Trị, với hệ sinh thái rừng, núi đá vôi và các loài động, thực vật phong phú, đa dạng. Khu BTTN được thành lập năm 2001, theo Quyết định số 768/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Trị, với nhiệm vụ bảo vệ hệ sinh thái rừng nhiệt đới vùng đồi núi thấp và các loài động, thực vật, đặc trưng cho vùng Trung Trường Sơn.

TIỀM NĂNG ĐA DẠNG HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI

Theo báo cáo kết quả khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu TN&MT, Đại học Quốc gia Hà Nội, Khu BTTN Đắc Rông thuộc vùng núi thấp, có độ chia cắt mạnh và độ dốc khá lớn. Đến nay, hệ thực vật ở đây đã ghi nhận được 1.053 loài, trong đó có 24 loài trong Sách đỏ Việt Nam. Nơi đây có diện tích rừng kín thường xanh lớn nhất miền Trung, với 3 kiểu rừng chính: Rừng cây lá rộng nhiệt đới vùng núi thấp, rừng thường xanh mưa ẩm và rừng thường xanh thứ sinh. Rừng cây lá rộng nhiệt đới vùng đồi núi thấp, có diện tích 5.000 ha (chiếm 12 % diện tích Khu BTTN) phân bố ở độ cao 800 - 1.400 m. Đây là loại rừng ít bị tác động, nên còn giữ được tính nguyên sinh, với độ che phủ chiếm 70%. Các loài cây chủ yếu là loài cây lá rộng thuộc họ dẻ (long não, thầu dầu, đậu, sến), một số loài thuộc chi mộc lan (vàng tâm, re, giổi) và một số loài thuộc họ thông (thông nạng, thông tre, hoàng đàn giả)... Rừng thường xanh mưa

ẩm nhiệt đới, chiếm diện tích 4.300 ha (10% diện tích Khu BTTN), phân bố ở độ cao dưới 800 m, nằm ở phía Tây Nam và Đông Nam. Các loài cây chủ yếu thuộc họ hoa hồng, xoan, bàng như săng lẻ, chò xanh...; Rừng thường xanh thứ sinh, có diện tích 13.775 ha (chiếm 34% diện tích Khu BTTN), phân bố ở sườn phía Đông và Tây Nam. Rừng bị tác động mạnh do khai thác gỗ xây dựng nên nhiều loài cây gỗ lớn bị khai thác cạn kiệt như lim xanh, giổi, chẹo, trâm...Ngoài ra, phân bố rải rác khắp vùng là rừng hỗn giao tre, nứa và các trảng cỏ, cây bụi. Loại rừng này bị tác động mạnh do người dân chặt, đốn cây để làm nương rẫy nên đất bị rửa trôi, biến thành những vùng đồi trọc.

Không chỉ đa dạng về các loài thực vật, hệ động vật ở đây có tới 612 loài (89 loài thú, 193 loài chim, 69 loài mối, 210 loài bướm, 71

loài cá, 17 loài bò sát, 32 loài bò sát). Trong đó, có 35 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 27 loài thuộc Danh lục đỏ IUCN (2009). Đây là vùng quan trọng đối với việc bảo tồn nhiều loài thú quý, hiếm như: khỉ đuôi lợn, khỉ mặt đỏ, vượn đen má hung, thỏ vằn, chà vá chân nâu... Đặc biệt, hai loài thú mới là sao la và mang lớn đã được phát hiện trong khu vực.

Ngoài ra, đây là khu vực ghi nhận có các loài chim đặc hữu đang bị đe dọa toàn cầu, có vùng phân bố giới hạn nên Khu BTTN Đắc Rông đã được Tổ chức bảo tồn Chim quốc tế công nhận là một trong số 63 vùng chim quan trọng của Việt Nam.

Bên cạnh đó, nơi đây còn là khu vực có cảnh quan thiên nhiên, điểm du lịch sinh thái hấp dẫn. Tuyến du lịch sinh thái hang dơi thuộc dãy núi đá vôi trong phân khu dịch vụ hành chính của Khu BTTN Đắc Rông có quy mô rộng,



▲ Các cán bộ kiểm lâm Quảng Trị hướng dẫn kỹ thuật trồng mây cho người dân xã Húc Nghi (Đắc Rông)



▲ Cán bộ Khu BTTN Đắc Rông tuần tra công tác bảo vệ rừng

chiều dài khoảng 170 m, rộng 6 m. Hang có nhiều hình kỳ thú như chuông đá, măng đá, cột đá, hình chim thú... và là nơi trú ngụ của loài dơi. Đến đây, du khách có nhiều cơ hội hiểu biết thêm về tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học và sẽ được cảm nhận một không khí thoáng đãng, mát mẻ, trong lành tự nhiên. Thêm một địa điểm nữa là thác Đỗ Quyên, với nhiều cây đỗ quyên mọc và ra hoa ở vách đá, đây cũng nơi để du khách tìm hiểu về đặc tính của loài hoa độc đáo này.

Ngoài việc khám phá vẻ đẹp thiên nhiên kỳ thú của Khu BTTN, du khách sẽ được tìm hiểu về cuộc sống của đồng bào dân tộc Vân Kiều, Pa Cô với nhiều lễ hội đặc sắc (cầu mưa, đâm trâu) và những ngành nghề, canh tác trên đất dốc...

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Những năm gần đây, nguồn lợi kinh tế thu được từ hoạt động du lịch sinh thái của Khu BTTN tăng nhanh, đời sống người dân được cải thiện. Tuy nhiên, do khai thác quá mức các nguồn tài nguyên rừng đã làm cho hệ sinh thái và đa dạng sinh học suy giảm. Nhiều loài thú quý, hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng. Đặc biệt, hoạt động khai thác tài nguyên không bền vững và mang tính hủy diệt vẫn còn tồn tại trong Khu BTTN như săn, bẫy, dùng kích điện, thuốc nổ để đánh cá trong suối làm chết các loài thủy sinh vật... Bên cạnh đó, các hoạt động chặt phá rừng đầu

nguồn làm mất sinh cảnh tự nhiên, ảnh hưởng đến nơi cư trú của các loài chim và thú, cạn kiệt nguồn nước...

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và bảo vệ rừng bền vững, Ban quản lý Khu BTTN Đắc Rông đã đề ra một số giải pháp cần thực hiện như: Kien toàn hệ thống các trạm bảo vệ, tổ tuần tra rừng; Phối hợp với các tổ chức đánh giá tình trạng quần thể của một số loài có giá trị bảo tồn cao, xác định nguy cơ đe dọa và các khu vực ưu tiên bảo tồn nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học.

Xây dựng chương trình điều tra giám sát đối với các loài quý, hiếm và chương trình đánh giá hiện trạng buôn bán động vật hoang dã để cập nhật số liệu cho công tác quản lý và bảo tồn loài tại Khu BTTN. Hợp tác với các cơ quan ban ngành trong tỉnh, cơ quan và tổ chức chuyên môn trong nước, các tổ chức quốc tế trong công tác nghiên cứu khoa học, quản lý bền vững hệ sinh thái

rừng, phát triển cộng đồng vùng đệm.

Nghiêm cấm các hoạt động săn bắn, buôn bán động vật hoang dã của người dân địa phương. Đồng thời, hỗ trợ về nguồn vốn, kỹ thuật, giúp người dân địa phương tham gia chăn nuôi các loài động vật hoang dã, nhằm nâng cao đời sống và giảm tác động tới nguồn tài nguyên.

Tăng cường công tác tuần tra và kiểm tra rừng nhằm ngăn chặn việc khai thác gỗ trái phép, ảnh hưởng đến sinh cảnh sống cũng như hạn chế việc người dân vào rừng bẫy, bắn chim, thú. Các ngành chức năng như Công an, Quân sự, Bộ đội Biên phòng và đặc biệt là chính quyền địa phương các xã tích cực phối hợp đấu tranh, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, xâm hại đến bảo tồn đa dạng sinh học.

Tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ Ban quản lý và lực lượng kiểm lâm về kỹ năng nhận biết loài, đặc biệt các loài quý, hiếm. Tăng cường lực lượng kiểm lâm, bảo vệ rừng cũng như các chính sách hỗ trợ nhằm giúp họ hoàn thành nhiệm vụ.

Đẩy mạnh, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về BVMT, phổ biến kiến thức, kỹ năng quản lý hiệu quả tài nguyên rừng và phát triển các hoạt động sinh kế bền vững, du lịch sinh thái cho các hộ dân xung quanh vùng đệm của Khu BTTN; Hỗ trợ người dân triển khai chương trình trồng rừng mới như trồng mây và các loại lâm sản ngoài gỗ... nhằm bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái rừng tự nhiên■



Khi đàn sếu trở về



▲ Sếu đầu đỏ ở Tràm Chim

VIỆT NAM TỪNG LÀ QUÊ HƯƠNG CỦA SẾU

Đã có thời cả vùng Đồng Tháp Mười mênh mông được xem là vương quốc của sếu đầu đỏ Phương Đông. Những năm 1980, cứ mỗi lần nắng ấm lên, mùa khô đến, cỏ năng kim bắt đầu hồi phục sau mấy tháng ngập chìm trong nước lũ, sếu đầu đỏ lại quay về.

Sếu đầu đỏ phương Đông là loài lớn nhất trong họ sếu, rất nhạy cảm với sự thay đổi của môi trường. Sếu trưởng thành cao khoảng 150-180cm; sải cánh từ 220 - 250cm, trọng lượng trung bình 8 - 10kg. Chúng có chế độ ăn tạp, có thể ăn các thức ăn thô thường gặp tại đầm lầy và các vùng nước nông như rế, củ cây, côn trùng, động vật giáp xác và một số loài thú có vú nhỏ.

Theo thống kê của Hội Sếu quốc tế, sếu đầu đỏ Phương Đông hiện nay còn khoảng dưới 1.000 con. Với tình trạng sinh cảnh sống bị thu hẹp do con người xâm lấn, biến đổi khí hậu làm cạn kiệt nguồn nước, nguồn thức ăn đã và đang dần đẩy loài chim quý hiếm này đến bờ vực tuyệt chủng.

Cuối những năm 1980, chương trình khai phá Đồng Tháp Mười đã được triển khai một cách toàn diện thông qua đào kênh, đắp đê và xây dựng nhiều công trình thủy lợi lớn để xả lũ, thau chua, rửa phèn, biến vùng đất hoang

sơ nơi đây trở thành "vựa lúa" lớn nhất của Việt Nam.

Nhưng diện tích các hệ sinh thái đất ngập nước tự nhiên bị suy giảm nghiêm trọng do các hoạt động khai hoang của con người. Các đồng cỏ năng, cỏ bàng - nơi sinh sống và nguồn thức ăn của sếu cũng như nhiều loài chim nước, chim di cư khác cũng bị thu hẹp đáng kể. Những can thiệp của con người đã tác động tiêu cực đến sự đa dạng sinh học đặc trưng ở nơi đây. Đàn sếu cũng vì thế mà mỗi mùa lại phải đi tìm nơi trú chân mới.

Ngay cả Vườn quốc gia Tràm Chim, nơi được cố thủ tướng Võ Văn Kiệt ký quyết định thành lập vào năm 1998 với mục đích ban đầu là bảo tồn sếu đầu đỏ, cũng không ngoại lệ. Trước đây, sếu đầu đỏ về Tràm Chim ước tính lên đến khoảng 60% số lượng sếu di cư, nay chỉ còn vài chục cá thể. Năm 2002, Tràm Chim chỉ đón 11 cá thể sếu.

Tìm sinh cảnh mới, rời Tràm Chim, sếu ghé Hòn Chông. Năm 2001, sếu về Hòn Chông lên đến 336 cá thể. Nhưng ngay sau năm đó, các hoạt động du lịch và nuôi tôm ở Hòn Chông cũng bùng nổ, không còn chỗ cho đàn sếu dừng chân. Năm 2007, sếu về Hòn Chông chỉ còn 15 cá thể. Bỏ Hòn Chông, sếu lại qua Phú Mỹ. Năm 2009, Phú Mỹ đón 152 cá thể sếu đầu đỏ. Nhưng tình trạng tương tự cũng diễn ra như ở Hòn Chông. Từ năm 2010 trở về đây, số lượng sếu đầu đỏ trở về Phú Mỹ cũng chỉ lẻ tẻ vài nhóm nhỏ. Các hoạt động khai hoang, lấn đất của con người đã dần đẩy đàn sếu ra khỏi biên giới của Việt Nam.

SẾU ĐÃ ĐI VỀ ĐÂU?

Môi trường kém an toàn ở phía Việt Nam buộc loài sếu phải đi tìm những điểm dừng chân mới. Khu bảo tồn Anlung Pring của Campuchia với diện tích 220 ha, chỉ cách biên giới Kiên Giang khoảng 30 km, đã trở thành "nhà" của sếu đầu đỏ. Người dân ở Anlung Pring lần đầu tiên thấy sự hiện diện của khoảng 20 cá thể sếu đến kiếm ăn vào năm 2001. Cho đến nay, số lượng sếu đầu đỏ ở Anlung Pring tăng lên gấp nhiều lần, với số lượng từ 200 đến 300 con.

Thành công của Anlung Pring bắt nguồn từ ý thức bảo tồn thiên nhiên của Chính phủ và người dân Campuchia. Đất dành cho sếu là "bất khả xâm phạm", người dân không được phép canh tác, sử dụng tài nguyên trên đất dành cho sếu, vì vậy cảnh quan ở Anlung Pring gần như không thay đổi



suốt hơn 1 thập kỷ qua. Ngoài ra, Chính phủ Campuchia cũng quy định rõ trong Luật bảo tồn sếu, các hành vi như lén lút giăng bẫy, đặt thuốc để săn bắn hoặc xâm lấn đất đai khu bảo tồn có thể bị phạt tù đến 10 năm.

Để hỗ trợ cho người dân trong vùng, Chính phủ Campuchia cho phép Anlung Pring tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái với quy mô hạn chế để đảm bảo không làm xáo trộn đời sống của loài sếu. Du khách đến tham quan phải tập trung tại điểm xem sếu với khoảng cách nhất định và chỉ được chiêm ngưỡng sếu qua ống tele được trang bị sẵn. Mỗi du khách sẽ phải trả một mức phí là 5 USD cho một ngày ngồi ngắm sếu ở Anlung Pring.

SẾU CHỈ VỀ NHỮNG CHỐN BÌNH YÊN

Để giữ chân đàn sếu, Chính phủ Việt Nam, các tổ chức bảo tồn và các nhà tài trợ đã cùng hành động để cải thiện môi trường sống của các loài chim nước, chim di cư và sếu đầu đỏ. Nhiều dự án đã được xây dựng nhằm bảo tồn và phục hồi sinh cảnh đất ngập nước, hạn chế các mối đe dọa đối với sếu đầu đỏ và các loài chim nước ở những điểm dừng chân của sếu như Tràm Chim, Láng Sen, Kiên Lương ... với ngân sách lên tới hàng triệu USD.

Năm 2007, chương trình hỗ trợ phục hồi sinh cảnh, bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước và hỗ trợ sinh kế của người dân sinh sống ở vùng đệm của WWF-Việt Nam tại Tràm Chim với sự tài trợ của WWF Quốc tế và Công ty CocaCola đã bước đầu phát huy tác dụng với sự trở về của 125 cá thể sếu đầu đỏ. Hiệu quả của chương trình và sự trở về của sếu trong những năm tiếp theo đã góp phần đưa Tràm Chim trở thành khu RAMSAR đầu tiên của đồng bằng

sông Cửu Long và thứ 2.000 của thế giới vào năm 2012.

Năm 2014, tiếp nối thành công tại Tràm Chim, WWF-Việt Nam tiếp tục hỗ trợ Khu bảo tồn Láng Sen, nay cũng đã trở thành khu RAMSAR thứ 2.227 của thế giới, biến 2.000 ha đất ngập nước với rừng tràm, đồng cỏ, lung sen của khu bảo tồn thành nơi sinh sản và trú đông quan trọng cho các loài chim di cư, các loài cá và điểm quay về cho sếu đầu đỏ.

Mặc dù vậy, việc kiến tạo sinh cảnh cho loài sếu đầu đỏ, đang gặp nhiều thách thức như việc sử dụng quá mức thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp sẽ làm gia tăng đáng kể khả năng tử vong của sếu đầu đỏ và các loài chim nước khác. Thực tế đã có một số cá thể sếu đầu đỏ bị bệnh hoặc chết do mắc lưới câu hoặc trúng thuốc trừ sâu. Bên cạnh đó là mặt trái của các hoạt động phát triển du lịch, đặc biệt đối với các khu đất ngập nước đã nhận danh hiệu Ramsar. Trong năm 2014, Tràm Chim đón hơn 61.000 lượt khách du lịch, tăng gấp 3 lần so với năm 2013 và năm 2015 là 135.000 khách. Khách du lịch sử dụng xuống máy đi lại liên tục trên các tuyến kênh

ngay sát các bãi ăn của sếu đầu đỏ đã gây ảnh hưởng tới môi trường sống của loài sếu.

Để bảo vệ loài sếu, đã đến lúc, chúng ta cần phải có hành động quyết liệt hơn và điều chỉnh quy mô, hình thức tổ chức của các hoạt động du lịch trong các khu bảo tồn. Không nên xem số lượng khách hay tổng thu nhập từ hoạt động du lịch là một chỉ số để đo mức độ thành công của một khu bảo tồn. Thước đo sự thành công của một khu bảo tồn nằm ở tốc độ phục hồi của hệ sinh thái, số lượng loài và quần thể của từng loài, ở số lượt người được nâng cao nhận thức về bảo tồn thông qua các hoạt động du lịch sinh thái và các mối đe dọa được loại trừ.

Vào tháng 3/2016, VQG Tràm Chim và Hội Sếu quốc tế (ICF) đã ghi nhận một cá thể sếu đầu đỏ được đeo vòng giám sát cách đây 18 năm đưa cả gia đình quay lại Tràm Chim. Đây là một tin vui không chỉ đối với giới bảo tồn, mà còn là niềm hạnh phúc, tự hào của Lãnh đạo và nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Với các biện pháp bảo tồn toàn diện, hy vọng, trong tương lai không xa, Đồng Tháp Mười sẽ lại trở thành thiên đường của sếu đầu đỏ Phương Đông■

HÀ LÊ





Phát triển kinh tế biển xanh trong bối cảnh biến đổi khí hậu

PGS. TS. NGUYỄN CHU HỒI

Đại học Quốc gia Hà Nội

Việt Nam là quốc gia ven bờ biển Đông, với vùng biển rộng gấp 3 lần diện tích lãnh thổ đất liền, bờ biển dài hơn 3.260 km (không tính bờ các đảo) và trên 3.000 đảo, trong đó có 2 quần đảo xa bờ (Hoàng Sa và Trường Sa). Biển Việt Nam có tiềm năng lớn đối với phát triển kinh tế nhưng cũng đối mặt với các tranh chấp chủ quyền biển, đảo kéo dài và phức tạp. Vì thế, Việt Nam luôn coi trọng vai trò đặc biệt của kinh tế biển (KTB) trong chiến lược phát triển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Thời gian qua, KTB có những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế đất nước (năm 2013 KTB chiếm khoảng 49,5% tổng GDP cả nước, thuần biển đạt 13%), nhưng quy mô phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và “nguồn vốn tự nhiên” của biển đang bị cạn kiệt ở mức báo động.

Chính vì vậy, để phát triển KTB nhanh, hiệu quả và bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì đầu tư phát triển KTB xanh (KTBX) là một lựa chọn chiến lược đúng đắn. Tăng trưởng xanh (TTX) và KTBX sẽ tạo cơ hội để Việt Nam tái cấu trúc nền KTB truyền thống phù hợp với bối cảnh quốc tế và khu vực. Nói cách khác, Việt Nam cần chuyển đổi từng bước từ KTB “nâu” sang “xanh” để bảo đảm phát triển bền vững (PTBV) trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH).

VIỆT NAM THAM GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN XANH

Tuyên bố Đại dương Manado đã được đại diện 92 quốc gia có biển (bao gồm Việt Nam) ký thông qua ngày 14/5/2009 tại Manado, Indônêxia với 21 điểm nhấn mạnh đến vai trò của đại dương, biến đổi đại dương và BĐKH, kinh tế đại dương xanh, các cam kết tăng cường bảo vệ sức khỏe đại dương và sử dụng đại dương để giảm thiểu tác động của BĐKH. Đồng thời, Tuyên bố Manila tại Đại hội biển Đông Á lần thứ III ở Philipin (tháng 11/2009) đã đề ra giải pháp lồng ghép các vấn đề BĐKH vào lập kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ biển các quốc gia Đông Á để hướng tới xây dựng



▲ Biển Việt Nam có tiềm năng lớn đối với phát triển kinh tế

nền KTBX trong khu vực. Tại Hội nghị thượng đỉnh Rio+20 (tháng 6/2012) cũng đã nhấn mạnh đến Tuyên bố Đại dương Rio+20, trong đó tiếp tục khẳng định: BĐKH đã tác động đến đại dương khiến cho sức khỏe đại dương thay đổi, ngược lại, biến đổi đại dương cũng đang làm thay đổi trạng thái của hệ thống khí hậu.

Với thông điệp “Một đại dương thế giới khỏe mạnh sẽ đem lại lợi ích lâu dài cho con người hôm nay và mai sau” và trên cơ sở 10 mục tiêu chính liên quan tới chức năng dịch vụ của đại dương (cung cấp thực phẩm, cơ hội cho nghề cá thủ công, sản phẩm tự nhiên, lưu giữ các bon, bảo vệ bờ biển, sinh kế và kinh tế, du lịch và giải trí, các loài biểu tượng văn hóa, các vùng biển sạch và đa dạng sinh học biển), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đã xây dựng Bộ chỉ số đánh giá sức khỏe đại dương (OHI). Năm 2012, UNEP đã

thử nghiệm đánh giá OHI cho vùng biển ven bờ của 71 quốc gia có biển, với điểm trung bình theo trọng số (tối đa là 100) và cho kết quả: Điểm số trung bình toàn cầu là 60, có 5% số quốc gia đạt điểm trung bình của các chỉ số trên 70 và 32 quốc gia đạt điểm số dưới 50, Việt Nam đạt 50 điểm. Chương trình hành động toàn cầu về quản lý ô nhiễm biển từ nguồn đất liền (GPA) đã đưa ra cách tiếp cận quản lý “từ đầu nguồn xuống biển - 2R” và đã thành lập mạng lưới các đối tác ở cấp độ toàn cầu, khu vực và đang kêu gọi thành lập ở cấp quốc gia để quản lý tổng hợp lưu vực sông và vùng bờ. Với sự giúp đỡ của Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) và Quỹ HSF (CHLB Đức), Việt Nam đang áp dụng thử nghiệm cách tiếp cận 2R ở lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ biển Quảng Nam - Đà Nẵng.

Ngoài ra, chủ đề KTBX đã được thảo luận và chia sẻ tại



các diễn đàn, hội thảo quốc tế, khu vực và quốc gia, bao gồm Việt Nam. Đại hội biển Đông Á lần thứ IV tổ chức tại Chongwon, Hàn Quốc (tháng 7/2012) đã có 10 nước (gồm Việt Nam) cam kết xây dựng một nền KTBX ở các quốc gia biển Đông Á với sáng tạo của khoa học và đổi mới công nghệ. Tháng 12/2013, tại Washington DC (Mỹ) đã diễn ra Hội nghị Thượng đỉnh về Kinh tế Đại dương hướng tới TTX. Theo đó, Hội nghị nhấn mạnh đến các nhóm vấn đề chính: Lượng giá các giá trị dịch vụ của các hệ thống tài nguyên biển, bao gồm các hệ sinh thái (HST); Lồng ghép các dịch vụ HST biển vào lập kế hoạch đầu tư phát triển, nhấn mạnh đến các khu bảo tồn biển; Phát triển năng lượng biển, năng lượng tái tạo, an ninh thực phẩm và hàng hải xanh; Thúc đẩy tăng trưởng KTBX, chú trọng bảo vệ nguồn lợi biển, phát triển kinh tế dựa vào bảo tồn nguồn vốn tự nhiên biển...

Ở Việt Nam, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiệu quả và bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Đây là cơ hội để Việt Nam hướng đến nền kinh tế xanh, TTX và PTBV. Chính vì thế, ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về TTX và Kế hoạch hành động quốc gia về TTX giai đoạn 2014 - 2020 tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014.

Hiện nay, cả nước đang triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Luật Biển Việt Nam (2012), Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về TTX, trong đó có lĩnh vực KTB. Theo đó, 6 lĩnh vực KTB được Nhà nước tập trung phát triển theo Điều 43 Luật Biển Việt Nam gồm: Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu, khí và các loại tài nguyên, khoáng sản biển; Vận tải biển, cảng biển, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, phương tiện đi biển và các dịch vụ hàng hải khác; Du lịch biển và kinh tế đảo; Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; Phát triển, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ về khai thác và phát triển KTB; Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực biển.

Do đó, phát triển KTBX ở nước ta không chỉ là một xu hướng tất yếu mang tính toàn cầu, mà còn là một vấn đề quốc gia khi mà nền KTB “nâu” đang là “vật cản” trên con đường PTBV. Vì thế, Chiến lược quốc gia về TTX khẳng định khả năng bắt nhịp trong dài hạn của nền kinh tế Việt Nam. Thực tế hiện nay đòi hỏi Việt Nam



▲ Nhà máy điện gió Bạc Liêu tạo ra năng lượng sạch, góp phần phát triển bền vững đất nước

phải chủ động chuyển từ nền KTB “nâu” sang “xanh” để đạt được các lợi ích như góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với BĐKH và biến đổi đại dương, duy trì và tiến tới tăng cường nguồn vốn tự nhiên, bảo đảm công bằng xã hội và hướng tới PTBV.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTBX TRONG BỐI CẢNH BĐKH Ở VIỆT NAM

Căn cứ vào yêu cầu, quan điểm và bài học kinh nghiệm từ các nước, để phát triển KTBX thích ứng với BĐKH, nước ta cần thực hiện một số định hướng sau:

Thay đổi tư duy và tầm nhìn cùng với việc xây dựng một Chiến lược phát triển KTB bền vững nhằm bảo đảm an ninh năng lượng (năng lượng biển sạch, tái tạo), phát triển KTBX và bền vững. Áp dụng các giải pháp khai thác giá trị chức năng, phi vật chất và có khả năng tái tạo của các hệ thống tài nguyên biển, ven biển và hải đảo.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách biển quốc gia, địa phương theo cách tiếp cận liên ngành để quản lý tổng hợp và thống nhất về mặt nhà nước đối với biển, đảo, phục vụ phát triển KTBX và bền vững. Chú trọng mối liên kết vùng trong phát triển KTB và ven biển.

Kiểm kê và lượng giá “nguồn vốn tự nhiên biển” làm căn cứ triển khai các quy hoạch dài hạn sử dụng biển đảo ở cấp độ quốc gia theo cách tiếp cận dựa vào HST; phục vụ quá trình ra quyết định đầu tư xanh và có trách nhiệm đối với các hoạt động khai thác, sử dụng biển, đảo và vùng ven biển. Phát triển và quản lý hiệu quả nghề cá và du lịch biển theo cách tiếp cận dựa vào HST, trong khả năng chống chịu và bảo toàn các giá trị chức năng (dịch vụ) của HST mà nghề cá và du lịch biển phụ thuộc vào.

Quy hoạch mở rộng và quản lý hiệu quả hệ thống khu bảo tồn biển đến năm 2030 để phát triển nghề cá và du lịch sinh thái biển bền vững;



tiếp tục đánh giá các vùng biển, đảo có giá trị quốc gia, quốc tế để trình cấp có thẩm quyền hoặc các tổ chức quốc tế công nhận, vinh danh. Phấn đấu đến năm 2020 có 10% diện tích vùng lãnh hải được bảo tồn và 30% đến năm 2030. Tập trung nguồn lực để ngăn ngừa và phục hồi các nơi cư trú đã bị mất, các HST quan trọng (rạn san hô, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển) đã bị suy thoái, nguồn lợi và nguồn giống thủy sản tự nhiên... đang bị suy giảm gắn với bảo đảm phúc lợi xã hội và sinh kế của các cộng đồng dân cư ven biển và trên đảo.

Quản lý và xử lý hiệu quả các chất thải, chất gây ô nhiễm trước khi đổ ra biển từ các lưu vực sông ven biển, trên các hải đảo và các hoạt động kinh tế biển. Kiểm kê năm 2010 ở nước ta cho thấy 30 - 70% tải lượng chất gây ô nhiễm biển là từ đất liền, từ các lưu vực sông, do đó cách tiếp cận “từ đầu nguồn xuống biển” cần sớm được áp dụng trong lập kế hoạch phát triển và quản lý biển và vùng ven biển để giảm thiểu các tác động từ đất liền.

Tiếp tục thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ biển (ICM), bao gồm cơ chế phối hợp liên ngành, phối hợp giữa Trung ương và địa phương, phân vùng chức năng vùng bờ cho PTBV trên cơ sở lồng ghép BĐKH và nước biển dâng. Phấn đấu đến năm 2020 toàn bộ dải bờ biển của 28 tỉnh ven biển được áp dụng phương thức quản lý tổng hợp ở mức độ khác nhau, trong đó 20% quản lý hiệu quả.

Xây dựng năng lực giám sát, quan trắc, giảm thiểu và xử lý các thảm họa thiên tai, sự cố môi trường biển, ven biển và hải đảo. Đưa các cân nhắc, vấn đề môi trường - tài nguyên biển và các rủi ro vào dự án đầu tư phát triển, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển, biển và đảo.

Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào tiến trình quản trị biển, đảo thông qua áp dụng cách tiếp cận quản lý biển theo không gian và cơ chế đồng quản lý biển, đảo dựa vào cộng đồng (Nhà nước và nhân dân cùng làm, cùng hưởng). Kết hợp thường xuyên nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư ven biển và trên các đảo về KTBX, TTX và PTBV biển.

Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển khoa học, công nghệ biển, và hợp tác quốc tế về biển trong việc áp dụng công nghệ biển sạch hơn, ít các bon, ít chất thải trong các ngành KTB và các lĩnh vực dịch vụ biển■

Huế - Thành phố tiên phong trong phát triển bền vững và thân thiện môi trường

Ngày 28/6/2016, Huế chính thức được WWF quốc tế vinh danh là thành phố (TP) xanh quốc gia của Việt Nam với những nỗ lực thực hiện chính sách và sáng kiến để trở thành TP đi đầu của cả nước trong phát triển bền vững và thân thiện với môi trường. Cùng với danh hiệu "TP Văn hóa ASEAN", "TP Bền vững về môi trường" do ASEAN bình chọn năm 2014, danh hiệu "TP xanh quốc gia năm 2016" là một niềm khích lệ lớn, nhưng cũng đặt ra cho chính quyền và người dân TP những nhiệm vụ và trọng trách lớn vì một tương lai bền vững.

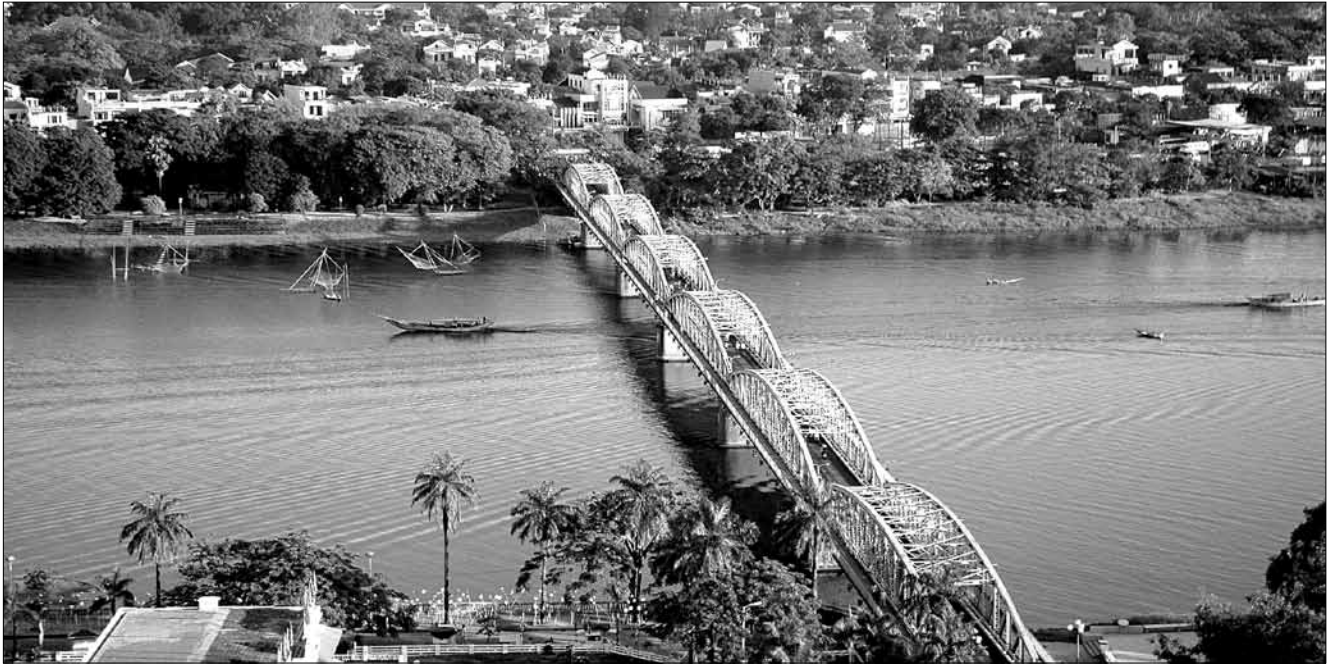
TP Huế đã được công nhận là một trong các TP xanh trên thế giới với cam kết đến năm 2020, TP sẽ giảm 20% mức phát thải khí nhà kính so với mức phát thải của năm 2011. Cùng với cam kết này, TP đã đưa ra 6 kế hoạch hành động cụ thể bao gồm:

Tăng cường xanh hóa đô thị thông qua việc đẩy mạnh trồng thêm nhiều diện tích cây xanh, bảo vệ diện tích mặt nước tự nhiên. Hiện nay, diện tích công viên cây xanh, đường phố có cây xanh ở TP Huế lên đến hơn 750 ha trong tổng số 7.100 ha diện tích đất công cộng. Đặc biệt, ở Huế hiện còn khoảng 800 ngôi nhà vườn với hệ thống cây xanh bao phủ, có giá trị về văn hóa và lịch sử, cho nên những khu vườn này đã tạo thành một tổng thể cây xanh cho đô thị Huế đầy ấn tượng. Theo các nhà nghiên cứu Trường Đại học Nông Lâm Huế, cây xanh ở Huế rất phong phú, đa dạng, có ít nhất hơn 170 loài thuộc

45 họ thực vật khác nhau với đủ các màu sắc và kiểu dáng tự nhiên. Dự kiến đến năm 2017, diện tích cây xanh đô thị của Huế sẽ đạt 5,34 triệu m², tương đương bình quân 15m² cây xanh trên mỗi người dân.

Xây dựng và cải thiện công tác giám sát, xử lý nước thải và chất thải rắn của TP. Phần lớn, các chất thải rắn và nước thải của TP được giám sát, thu thập và xử lý, đóng góp lớn vào việc làm cho Huế trở nên xanh hơn. Dự kiến, 70% lượng nước thải của TP sẽ được xử lý trước khi xả ra sông, giúp các dòng sông giữ được vai trò sinh thái tự nhiên của chúng; 100% chất thải rắn được thu gom xử lý bằng các biện pháp chôn lấp hoặc chôn lấp tại các bãi chôn quy hoạch.

Áp dụng hệ thống chiếu sáng thông minh hiệu suất năng lượng cao với việc tăng cường chiếu sáng công cộng bằng năng lượng sinh học (biogas), thay thế hàng loạt đèn chiếu sáng từ neon sang đèn LED và được điều khiển bằng hệ



▲ Trồng thêm nhiều diện tích cây xanh, bảo vệ diện tích mặt nước tự nhiên là một trong những kế hoạch hành động xây dựng Huế là TP xanh quốc gia

thống thông minh, có khả năng tự động thay đổi chế độ và thời gian chiếu sáng. Hoạt động ước tính làm giảm 30% lượng khí thải nhà kính hàng năm trong chiếu sáng công cộng.

Thúc đẩy phát triển du lịch bền vững cho TP, trong đó chú trọng vào việc tổ chức xây dựng các tuyến thăm quan nhà vườn; các công trình di tích, hệ thống sông hồ, thủy đạo. Theo đó, triển khai các giải pháp nhằm giảm 9% khí gây hiệu ứng nhà kính trong vận chuyển ngành du lịch và tạo thêm việc làm liên quan đến lĩnh vực phát triển xanh cho người dân TP. Các hoạt động bao gồm bảo tồn nhà vườn, phát triển các vườn rau sạch trong các khu nhà vườn, thúc

đẩy phương tiện vận chuyển phi cơ giới như đi bộ, xe đạp, xe điện.

Đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng tái tạo vào các hoạt động du lịch và dịch vụ của TP. Đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức và khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời vào ngành du lịch và dịch vụ, vốn là ngành kinh tế mũi nhọn của TP. Dự kiến đến năm 2020, khoảng 80% khách sạn, nhà hàng và các cơ sở sử dụng nhiều năng lượng nước nóng khác trên toàn TP chuyển sang sử dụng bình nước nóng năng lượng mặt trời thay thế cho việc dùng điện.

Sử dụng vật liệu tự nhiên, vật liệu xây dựng không nung để xây dựng các công trình, cơ sở công cộng và tư nhân/hộ gia đình. Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sử dụng vật liệu xây dựng không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch

đất sét nung và Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 29/8/2013 của UBND Thừa Thiên - Huế quy định bắt buộc sử dụng ít nhất 50% vật liệu xây dựng không nung từ ngày 1/1/2014 và 100% từ ngày 1/1/2015 đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước; sử dụng tối thiểu 30% từ ngày 1/1/2014 và 50% từ ngày 1/1/2016 đối với các công trình từ 9 tầng trở lên, không phân biệt nguồn vốn đầu tư nhà nước hay tư nhân.

Cùng với Huế, có 17 TP khác trên thế giới lọt vào vòng chung kết cuộc bầu chọn do một ban đánh giá gồm 17 chuyên gia độc lập trên thế giới thực hiện. Pari - Kinh đô ánh sáng - đã trở thành quán quân của cuộc thi với những thành công trong việc thu hút mạnh mẽ sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội dân sự và các TP khác trong hành trình tiến tới phát triển bền vững■

NGÂN PHƯƠNG

Cương trình TP xanh quốc tế (EHCC) là một sáng kiến của WWF nhằm kêu gọi các TP trên thế giới hãy hành động và hướng tới một hành tinh tương lai thân thiện với môi trường, đồng thời xây dựng và thực hiện các kế hoạch để giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây là một chương trình được tổ chức định kỳ với quy mô ngày càng mở rộng, tạo cơ hội cho các TP được trình bày những kế hoạch toàn diện về chủ đề tăng trưởng các bon thấp cũng như tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng mang tính tái tạo, bền vững và hiệu quả cao trong những thập kỷ tới.



Làng đô thị xanh Đà Lạt - Hướng đi mới của phát triển bền vững

TP. Đà Lạt (Lâm Đồng) có diện tích 394,64 km², nằm trên cao nguyên Lâm Viên thuộc vùng Tây Nguyên của nước ta. Với độ cao 1.500 m so với mực nước biển và được các dãy núi cùng hệ thực vật rừng bao quanh, Đà Lạt có khí hậu miền núi ôn hòa và dịu mát quanh năm. Lịch sử cũng để lại cho TP một di sản kiến trúc giá trị, được ví như một bảo tàng kiến trúc châu Âu thế kỷ XX, Đà Lạt còn được biết đến với nhiều tên gọi khác như “TP sương mù”, “TP ngàn thông”, hay “TP ngàn hoa”. Tài nguyên thiên nhiên phong phú với giá trị văn hóa lịch sử đã giúp Đà Lạt trở thành một trong những điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam. Mỗi năm, Đà Lạt thu hút hàng triệu du khách tới thăm và nghỉ dưỡng.

Để Đà Lạt trở thành vùng đô thị hiện đại, đẳng cấp quốc tế, có đặc thù về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch chung “Xây dựng TP. Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Theo đó, tỉnh Lâm Đồng được giao thí điểm xây dựng mô hình “Làng đô thị xanh” tại TP. Đà Lạt.

Mô hình “Làng đô thị xanh” tại Đà Lạt được coi là loại hình du lịch nông nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo và sản xuất nông nghiệp sạch. Đồng thời, giải quyết việc làm trên cơ sở sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích phát triển làng nghề; khai thác tối đa du lịch canh nông. Trọng tâm của mô hình hướng tới thực thi các giải pháp bảo vệ và xử lý môi trường, làm giàu hệ sinh thái đô thị, an sinh xã hội và đạo đức công dân được coi trọng. Bên cạnh đó, các hoạt động dịch vụ và quản trị của “Làng đô thị xanh” luôn hướng đến việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, xây dựng phong cách người Đà Lạt “thanh lịch, hiền hòa, mến khách”, là điểm đến du lịch hấp dẫn, giữ được bản sắc văn hóa con người Việt Nam...

Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng đang nghiên cứu, đề xuất xây dựng “Làng đô thị xanh”. Dự kiến, mô hình “Làng đô thị xanh” tại Đà Lạt sẽ có quy mô khoảng 200-300 ha, được xây dựng trên nguyên tắc nâng cấp đô thị hiện có và kết hợp



▲ Mô hình “Làng đô thị xanh” tại Đà Lạt sẽ phát huy các giá trị phát triển bền vững - sinh thái

với quy hoạch mới. Trong đó, có các công trình dịch vụ cao cấp chủ yếu như khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại nhiều tiện ích tạo điểm nhấn cho không gian “Làng đô thị xanh”, phục vụ nhu cầu đời sống - xã hội của người dân. Ngoài ra, ưu tiên diện tích cho đường đi bộ, giao thông công cộng, mật độ xây dựng công trình không quá 30% và bổ sung lượng lớn cây xanh. Tiến hành đồng bộ về hạ tầng, phân cấp đường giao thông, khuyến khích người dân đi bộ trong làng đô thị hoặc dùng xe đạp, sử dụng phương tiện công cộng giảm khí thải nhà kính, ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió).

Bộ tiêu chí tạm thời về “Làng đô thị xanh” cũng đề cập đến các yếu tố khác như địa điểm quy hoạch, xây dựng đảm bảo bền vững. Trong giai đoạn thí điểm chọn vùng ven TP. Đà Lạt hiện hữu có kết nối đường vành đai ngoài TP, chú trọng các khu vực đất trống, giải tỏa, tái định cư ít, có quỹ đất nông nghiệp để sản xuất chuyên

canh theo hướng sản xuất hàng hóa. Hướng phát triển “Làng đô thị xanh” phù hợp với địa hình, cảnh quan, các khu vực tập trung công trình cư trú, công cộng, dịch vụ được bố cục khoa học, hợp lý thể hiện đầy đủ tính kinh tế của đất xây dựng. Cùng với đó, “Làng đô thị xanh” sử dụng tài nguyên, năng lượng và công nghệ xanh với hệ thống sản xuất theo mô hình nông nghiệp đô thị, quy hoạch sản xuất nông nghiệp gắn với đề xuất các mô hình canh tác tiết kiệm đất và nước. Đặc biệt, bộ tiêu chí trong “Làng đô thị xanh” còn đề cập đến chất lượng môi trường kiến trúc, môi trường sống; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa bản địa gắn với phát triển du lịch...

Hy vọng, trong thời gian tới, mô hình “Làng đô thị xanh” tại Đà Lạt sẽ được triển khai và nhân rộng trên cả nước, góp phần giải quyết cân bằng, hài hòa giữa phát triển, bảo tồn, phát huy các giá trị phát triển bền vững - sinh thái■

ĐỨC ANH



● Ngân hàng thế giới hỗ trợ Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh

Ngân hàng Thế giới (WB) vừa phê duyệt khoản vay 90 triệu USD nhằm cải cách chính sách hỗ trợ biến đổi khí hậu (BĐKH) và tăng trưởng xanh tại Việt Nam.

Khoản tín dụng chính sách về BĐKH và tăng trưởng xanh sẽ được chi cho công tác thực hiện chính sách tăng cường quy hoạch và quản lý tổng hợp ven biển và các khoản đầu tư công có ích cho lĩnh vực BĐKH và tăng trưởng xanh, bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, trồng rừng ven biển, tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tái tạo nhằm giảm phát thải khí nhà kính... Qua đó, giúp Việt Nam thực hiện các cam kết trong Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH tại Pari (Pháp) năm 2015.

P.L

● Quảng Bình đẩy mạnh phát triển rừng bền vững

Vừa qua, UBND tỉnh Quảng Bình phối hợp với Dự án Hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng thực hiện giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD+) ở Việt Nam công bố Kế hoạch hành động REDD+ tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016 - 2020 (PRAP Quảng Bình).

Mục tiêu của PRAP Quảng Bình nhằm giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng, suy thoái rừng, tăng cường trữ lượng các bon rừng, bảo tồn trữ lượng các bon rừng và quản lý rừng bền vững phù hợp với mục tiêu của Chương trình hành động REDD+ quốc gia, đảm bảo phát triển kinh tế, an sinh xã hội gắn với ứng phó với BĐKH và thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững của tỉnh.

PRAP Quảng Bình giai đoạn 2016 - 2020 được tập trung thực hiện tại 19 xã ưu tiên thuộc 6 huyện (Bố Trạch, Lệ Thủy, Minh Hóa, Quảng Ninh, Quảng Trạch, Tuyên Hóa), với 3 hợp phần chính: Quản lý, phát triển rừng; Xã hội và Môi trường; Các vấn đề liên quan đến quản lý.

PHẠM ĐÌNH



▲ Toàn cảnh Diễn đàn

● Huy động tài chính để ưu tiên thực hiện các hành động giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu

Từ ngày 27 - 29/6/2016, tại Hà Nội, Bộ KH&ĐT đã tổ chức Diễn đàn chiến lược phát triển ít phát thải các bon khu vực châu Á 2016 (LEDS) với chủ đề “Huy động tài chính để ưu tiên thực hiện các hành động giảm nhẹ tác động của BĐKH”.

Diễn đàn nhằm mục đích hỗ trợ các quốc gia trong việc huy động tài chính để thực hiện mục tiêu phát triển ít phát thải các bon và đóng góp cho quốc gia tự quyết định (NDCs), với những cam kết của quốc gia về hành động giảm thiểu BĐKH được thực hiện theo Thỏa thuận Pari. Qua đó, sẽ đưa Việt Nam và các quốc gia đang phát triển ở khu vực châu Á theo hướng phát triển bền vững, đồng thời khẳng định những đóng góp của các quốc gia châu Á vào nỗ lực toàn cầu trong ứng phó với BĐKH.

Tại Diễn đàn, các đại biểu tập trung thảo luận về nguồn tài chính cũng như cách thức để tiếp cận các nguồn tài chính nhằm thúc đẩy đầu tư công và đầu tư tư nhân trong thực hiện các ưu tiên phát triển ít phát thải các bon; Công tác lập kế hoạch tài chính ở cấp địa phương...

HỒNG NHUNG



Mô hình làng nông nghiệp xanh của Rwanda

Trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, đa dạng sinh học suy giảm, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu gia tăng, nhiều quốc gia lựa chọn mô hình kinh tế xanh (KTX) để phát triển. Để xây dựng KTX, Rwanda đã có nhiều giải pháp và bước đầu đã đạt hiệu quả. Minh chứng rõ nhất là việc đưa ngôi làng Rubaya thoát nghèo bền vững bằng cách ứng dụng công nghệ sạch trong sản xuất nông nghiệp.



▲ Dân làng Rubaya thoát khỏi đói nghèo nhờ thực hiện sản xuất nông nghiệp sạch

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của đất nước Rwanda, tạo ra 80% việc làm, đáp ứng 90% nhu cầu lương thực quốc gia và đóng góp trên 30% tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Tuy nhiên, nền nông nghiệp của Rwanda đang phải gánh chịu những áp lực do tình trạng thiếu nước; suy thoái, ô nhiễm đất, dân số gia tăng, khai thác, sử dụng không bền vững nguồn tài nguyên và hiện tượng biến đổi khí hậu phức tạp, đe dọa đến cuộc sống người dân. Những thách thức đó đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế của Rwanda, ảnh hưởng đến phúc lợi của người dân nghèo dễ bị tổn thương và gây khó khăn cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.

Từ năm 2005, Chương trình Sáng kiến Đói nghèo - Môi trường (PEI) của UNEP và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã hỗ trợ Chính phủ Rwanda giải quyết những thách thức trên và tăng cường các biện pháp quản lý môi trường hiệu quả nhằm giảm đói nghèo và phát triển bền vững. Bước đầu tiên trong Kế hoạch giảm nghèo và cải thiện môi

trường của Rwanda là tiến hành nghiên cứu "phân tích kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường ở Rwanda", để đưa ra được số liệu cụ thể về chi phí do suy thoái môi trường. Các phân tích cho thấy, tình trạng môi trường xấu đi đã làm cho hiện tượng nghèo đói gia tăng, sinh kế của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng và ngân sách y tế của địa phương được "thổi phồng" lên. Ước tính, mỗi năm, lượng đất bị xói mòn là 15 triệu tấn, ngân sách nhà nước dành cho việc xử lý chiếm đến 2% GDP, tương đương với số tiền dùng để nuôi 40.000 người/năm.

Dựa vào nghiên cứu đó, Chính phủ Rwanda đã đưa ra chính sách thích hợp, vừa đảm bảo phát triển kinh tế, giảm đói nghèo, vừa giải quyết được tình trạng thoái hóa đất, thúc đẩy hoạt động nông nghiệp bền vững, trong đó vai trò chủ chốt là người dân địa phương. Điều này được thể hiện qua câu chuyện của ngôi làng Rubaya.

Nằm ở phía Bắc của Rwanda, làng Rubaya đã từng bị thoái hóa đất nghiêm trọng, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của cộng đồng địa phương, đẩy họ vào

cảnh đói nghèo. Nhưng Chiến lược giảm nghèo và cải thiện môi trường của Rwanda đã làm thay đổi diện mạo làng Rubaya. Từ một ngôi làng nghèo đói, đến nay Rubaya đã thành công trong xóa đói giảm nghèo. Vậy làng Rubaya đã làm như thế nào?

Năm 2009, Cơ quan Quản lý Môi trường Rwanda (REMA) có sáng kiến đưa làng Rubaya trở thành một mô hình phát triển bền vững vì người nghèo, thông qua việc áp dụng công nghệ "sạch" vào sản xuất nông nghiệp bao gồm xây dựng hệ thống thu nước mưa; sử dụng dư lượng khí sinh học làm phân bón; trồng cây để chống biến đổi khí hậu; làm ruộng bậc thang... Nhờ những giải pháp đó, năng suất nông nghiệp của dân làng Rubaya ngày càng tăng, không những đáp ứng đủ nhu cầu của địa phương, mà còn cung cấp lương thực cho các nơi khác, tạo nguồn thu tới 26.000 USD/năm. Ngoài ra, hoạt động thu gom nước mưa và áp dụng khí sinh học cũng giúp dân làng có thêm nước sạch, năng lượng, phục vụ cho sinh hoạt. Nhờ vậy, chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện.

Mô hình làng Rubaya đã được giới thiệu tại Hội nghị Môi trường Liên hợp quốc (UNEA) diễn ra ở Nairobi (Kenya). Theo đó, việc triển khai các dự án KTX như mô hình làng Rubaya sẽ giúp tìm ra phương pháp tiếp cận tích hợp các yếu tố như giải quyết vấn đề môi trường, kinh tế, y tế và bất bình đẳng (Chương trình Nghị sự phát triển bền vững đến năm 2030).

Theo bà Muhawenimana Solange, Chủ tịch Hợp tác xã Rubaya, kể từ khi làng Rubaya tiến hành sản xuất nông nghiệp theo mô hình phát triển bền vững, người dân được tiếp nhận các loại cây trồng có năng suất, cuộc sống được cải thiện rõ rệt. Bà Muhawenimana Solange chia sẻ, trước đây, dân làng Rubaya rất nghèo, cuộc sống cơ cực, vất vả, nhưng giờ dân làng đã có điều kiện sống tốt hơn. Mô hình làng Rubaya cần được nhân rộng cho nhiều địa phương khác của Rwanda, để thực hiện chiến lược KTX, vì một cuộc sống thịnh vượng và phát triển bền vững.

Bài học kinh nghiệm của Rwanda trong việc chuyển đổi sang nền KTX, với những chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương sẽ là mô hình cho các quốc gia khác áp dụng nhằm đem lại sự thay đổi tích cực trên thế giới.

P. TÂM (Theo UNEP)



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**
Dr. **Mai Thanh Dung**
Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**
Dr. **Nguyễn Thế Đồng**
Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**
Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**
Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**
Prof. Dr. **Trần Thục**
Dr. **Hoàng Văn Thúc**
Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**
Prof. Dr. **Lê Văn Trình**
Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**
Dr. **Hoàng Dương Tùng**
Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyến**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (04) 66569135

Editorial board: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: tcbvmt@yahoo.com.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: 08.66814471; Fax: 08.62676875

Email: tcmtphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

*Press Conference on environmental
incident at central provinces.*

Photo by: VGP

Processed & printed by:

T&V Trade Printed Design Co., Ltd

Nº 7/2016

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [2] • Natural Resources and Environment sector focusing on addressing urgent issues to meet with requirements for sustainable development of the country
- [3] • Vice Minister Vo Tuan Nhan's working visit in Hau Giang DONRE on natural resources and environment management



LAW - POLICY

- [4] **NGUYỄN VĂN TÀI:** Environmental incidents in central provinces: Lessons learned and solutions for environmental protection in the coming period
- [8] **LÊ HOÀI NAM:** Enhancing air environment management in Viet Nam
- [10] **LÊ MINH ANH:** Some regulations on conditions for investment in natural resources and environment business
- [12] **NGUYỄN THANH PHƯƠNG:** Increasing capacity in strategic environment assessment in Industry and Trade sector
- [14] **NGUYỄN THỊ PHƯỢNG:** Mobilizing community participation in environmental protection in craft villages



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [18] **VŨ NGỌC LÂN:** Gains and losses after Formosa incident
- [20] **NGUYỄN MẠI:** Lessons learned from Formosa case: need for reviewing and eliminating pollution investment projects
- [22] **LÊ THANH LŨU:** Focusing on protecting and restoring fisheries after environment incidents
- [24] **MAI HỒNG QUÂN:** Lessons from deforestation in Central Highland and solutions for forest protection in Viet Nam



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [26] **DƯƠNG THÀNH NAM:** Supporting equipment for air monitoring
- [28] **MARK D.LOONEY:** Applying advanced technologies in air quality management
- [31] **NGUYỄN QUỲNH TRANG:** Solutions for environment water protection in upstream of Kien Giang River



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [34] **NGUYỄN THỊ KIM THANH:** Ha Noi Environmental Protection Fund supporting enterprises in environmental improvement
- [36] **PHẠM HỒNG DƯƠNG:** Ninh Binh Thermal Power Joint Stock Company's effective measures for environmental protection
- [38] **BÙI HẰNG:** Nghi Son Cement Company investing in advanced technology in production and environmental protection
- [39] **VŨ NHUNG:** Green Star Environmental Trade and Services Company: efforts for its employees



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [41] **NGUYỄN THỊ LỢI:** Duy Tien Environmental Service Cooperative: Good example of environmental socialization
- [43] **TRƯƠNG THỊNH:** Joining hands in environmental protection
- [44] **TẠ KIỀU ANH:** Need for joint efforts in protecting red shanked doucs in Son Tra peninsula
- [46] **TRẦN THU TRANG:** Conservation and sustainable development of Dac Rong Nature Reserve
- [48] **HÀ LÊ:** When cranes come back



GREEN GROWTH

- [50] **NGUYỄN CHU HỒI:** Blue economy in the context of climate change
- [52] **NGÂN PHƯƠNG:** Hue - pioneer in sustainable development and environmentally friendly city
- [54] **ĐỨC ANH:** Green suburban villages in Da Lat: new direction for sustainable development



AROUND THE WORLD

- [56] **PHƯƠNG TÂM:** Green agricultural village model of Rwanda

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XUÂN TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn Nghĩa Hưng – Xã Tư Nghĩa – Huyện Cát Tiên – Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh: Số 02 Nguyễn Tất Thành – TT Lạc Tân – Huyện Tân Lĩnh – Tỉnh Bình Thuận



Doanh nghiệp tư nhân Xuân Trường được thành lập từ năm 2002, theo số ĐKKD: 5800379837 do Phòng ĐKKD thuộc Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 18/7/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/6/2010. Chuyên hoạt động trong lĩnh vực: Khai thác, chế biến khoáng sản (cát, đá, vật liệu xây dựng). Xây dựng giao thông, dân dụng. Kinh doanh xăng, dầu, nhớt.

Tận dụng lợi thế là nguồn tài nguyên phong phú trên địa bàn tỉnh nhà, doanh nghiệp đã tập trung vào lĩnh vực khai thác khoáng sản làm VLXD.

Doanh nghiệp đã luôn nắm bắt kịp thời với tình hình kinh tế, không ngừng mở rộng quy mô, đầu tư trang thiết bị về máy móc để cung cấp cát cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn tỉnh nhà cũng như các vùng phụ cận.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển doanh nghiệp ngày càng vững mạnh. Lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững, lấy thi công khai thác áp dụng công nghệ hiện đại với mô hình quản lý tiên tiến làm chủ đạo cho sự phát triển sản xuất kinh doanh. Nắm bắt cơ hội đa dạng hoá ngành nghề tạo sự phát triển bền vững cho doanh thu và lợi nhuận.

Chiến lược phát triển của Doanh Nghiệp Tư Nhân Xuân Trường là luôn luôn đổi mới, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản Mọi cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp đều có ý thức xây dựng, phấn đấu bồi dưỡng trình độ, nâng cao tinh thần đoàn kết để xây dựng tập thể vững mạnh, sẵn sàng đón nhận những thử thách và cơ hội mới. Luôn lấy kinh tế, chất lượng sản phẩm là thước đo cho sự phát triển bền vững. Bên cạnh đó, với đặc thù là ngành khai thác khoáng sản, thời gian qua doanh nghiệp đã tích cực triển khai thực hiện nhiều dự án khắc phục, xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động khai thác cát. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến công tác đầu tư cải tạo, phục hồi bằng việc triển khai nhiều biện pháp để khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường do sản xuất, chế biến và tiêu thụ cát.





TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG - TKV

Phường Cửa Ông - TP. Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (0333) 865.043 - Fax: (0333) 865.656

Email: congyttco@gmail.com - Website: tuyenthancuaong.com.vn



▲ Bãi tập kết than



▲ Hệ thống rửa toa xe

Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV là một đơn vị vận tải, sàng tuyển, chế biến than có quy mô lớn trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Thành lập ngày 20/8/1960, với chức năng chủ yếu là vận chuyển than mỏ, sàng tuyển than, bốc rót tiêu thụ xuất khẩu và trong nước. Công ty là khâu cuối cùng quyết định chất lượng sản phẩm than, được ví như là vết hấu trong ngành than. Hàng năm, trên 30% sản lượng than chất lượng cao của Tập đoàn TKV được sàng tuyển tại đây. Năng lực sản xuất của Công ty hiện tại đạt trên 11 triệu tấn than kéo mỏ; sàng tuyển và tiêu thụ trên 10 triệu tấn than/năm. Công ty có một cơ ngơi đồ sộ

gồm ba nhà máy sàng tuyển than, hệ thống máy đánh đồng bốc rót than tại cảng. Dần dần máy kéo than từ các mỏ được hiện đại hóa và thay thế bằng đầu máy CK1E, công suất 1.300 mã lực cùng với các toa xe trọng tải 20 tấn và 30 tấn.

Công ty có 17 phân xưởng và 13 phòng ban, 1 Trạm Y tế với hơn 4.200 cán bộ công nhân. Toàn bộ mặt bằng công nghiệp Tuyển than Cửa Ông chạy dọc 2,5 km chiều dài bờ biển, bao gồm hệ thống nhà tuyển, kho chứa than sạch, mạng đường sắt nội cảng, đường xe tải, hệ thống thoát nước, các phân xưởng sửa chữa cơ - điện - vận tải, các cụm nhà điều hành, các vườn cây xanh. Đặc biệt, hệ thống bến

cảng gồm 2 cầu tàu có thể tiếp nhận cùng một lúc hai tàu có trọng tải lớn tới 7 vạn tấn vào nhận than, đưa Tuyển than Cửa Ông lên vị trí hàng đầu trong khâu sàng tuyển và tiêu thụ than.

Trải qua 56 năm xây dựng và phát triển, với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sản xuất, CBCN Công ty đã được Đảng - Nhà nước phong tặng các danh hiệu cao quý: Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2000; hai lần được phong Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân các năm 1966 và 2004; hai lần được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 2010, 2015 và nhiều phần thưởng cao quý khác.



▲ Hệ thống bến cảng

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN BÌNH GIANG

Địa chỉ: TT Kế Sặt - huyện Bình Giang - tỉnh Hải Dương



LÊ THỊ THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN TMS KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

CÔNG TY TNHH MTV CHIẾN YẾN

NGUYỄN VĂN HUYNH

VŨ TRỌNG ĐÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠNH TÂN

*Chào mừng 71 năm Cách mạng tháng Tám
thành công và Quốc khánh nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
(2/9/1945 - 2/9/2016)*



TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI
Vietnam Motor Vehicle Testing Center - VMTC

◆ Tổ chức thực hiện công tác thử nghiệm và tham gia xây dựng các văn bản pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan tới các loại xe cơ giới (ô tô, mô tô, xe máy), xe máy chuyên dùng; các linh kiện sử dụng trên các loại phương tiện xe cơ giới, mũ bảo hiểm, các thiết bị an toàn khác sử dụng trong giao thông vận tải.

- ◆ Tổ chức, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học
- ◆ Nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực thử nghiệm mới



▲ **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Số 18 Phạm Hùng - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại: 0437684715 * fax: 0437683599
Email: vmtc@hn.vnn.vn * website: http://vr.org.vn/vmtc

▲ **Văn phòng đại diện:**

Số 35/10 đường D5 - phường 25 - Quận Bình Thạnh - Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 0835129976 * fax: 0835129976

▲ **Chi nhánh thử nghiệm phía Nam:**

Địa chỉ: Công số 1 - Sân bay Biên Hòa Đồng Nai
Số điện thoại: (061)8820232 * fax: (061)8820232



VIET AN ENVIRO

GIẢI PHÁP QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỰ ĐỘNG

HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Với thế mạnh về năng lực kỹ thuật và chất lượng thiết bị, Viet An Enviro đã và đang cung cấp cho khách hàng những giải pháp tối ưu về kỹ thuật và kinh tế. Tính đến năm 2016, Viet An đang dẫn đầu thị trường với trên 165 trạm quan trắc chất lượng nước đã lắp đặt ở Việt Nam.

HOT LINE: Mr.Thi - 0905.122.932 | Mr.Lâm - 0938.564.123

Quan trắc chất lượng nước sạch

- + pH/nhiệt độ
- + Độ đục
- + Clor dư
- + Lưu lượng, áp lực
- + Độ dẫn điện, Mn, Fe...



Quan trắc chất lượng nước mặt

- + pH/nhiệt độ
- + Oxy hòa tan (DO)
- + Độ mặn, TDS
- + Chất rắn lơ lửng (TSS)
- + COD, BOD, TN, TP
- + Lưu lượng và mức nước



Endress+Hauser 
People for Process Automation

Quan trắc chất lượng nước thải

- + pH/nhiệt độ
- + Chất rắn lơ lửng (TSS)
- + COD
- + Lưu lượng kênh hở
- + Độ màu, TN, TP...
- + Kim loại nặng



www.li.endress.com

Quan trắc nước ngầm, nước mặt

- + Mức nước
- + Độ dẫn điện - nhiệt độ
- + Kim loại nặng

Ưu điểm

- + Hệ thống nhỏ gọn, ít bảo trì bảo dưỡng
- + Sử dụng nguồn điện năng lượng mặt trời và pin
- + Truyền thông không dây GPRS



SEBA
HYDROMETRIE



Ưu điểm

- + Hệ thống hoạt động ổn định với mọi điều kiện thời tiết, thiết kế nhỏ gọn, vận hành đơn giản và ít bảo trì bảo dưỡng
- + Thiết kế dạng **module hóa**, tích hợp nhiều chỉ tiêu cần đo trên cùng một thiết bị
- + **Sensor kỹ thuật số** tích hợp công nghệ **Endress+Hauser** giúp lưu trữ các thông tin trong quá trình hoạt động như: giá trị đo, nhiệt độ, thời gian hoạt động... và dễ dàng hiệu chuẩn



Từ ngày 01/01/2013, Viet An Enviro là nhà phân phối chính thức của Endress+Hauser tại Việt Nam cho mảng nước, nước thải và môi trường và nhận được sự hỗ trợ trực tiếp từ tập đoàn Endress+Hauser.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VIỆT AN

VP.HCM: 32 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam - Tel: +84 8 62962 667 - Fax: +84 8 62962 668

VP.HN: tầng 10, tòa nhà Thăng Long, số 105 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội - Tel: +84 4 3562 7786 - Fax: +84 4 3562 7527

Web: www.vietan-enviro.com - Email: sales@vietan-enviro.com